

**Nguyễn Tuân**

# **Truyện ngắn Nguyễn Tuân**

**(sưu tầm internet)**



## **MỤC LỤC**

**Lửa nển trong tranh**

**Một vụ bắt rượu lậu**

**Một người muốn đập vỡ đàn**

**Con sư tử một năm Quý Sửu**

**Phở**

**Chùa Đàn**

**- Phần I: Dựng**

**- Phần II: Tâm sự của nước độc**

**- Phần III: Mưu cuối**

## Lửa nền trong tranh

Tên thực ông Tây già chủ đồn điền ấy là Rê-Bít-Xê. Nhưng người mình đã đồng phương hóa cái tên Rê-Bít-Xê từ hồi ông còn là quan cai trị xứ này. Trước khi được về hưu để vỡ đồn điền giống cà-phê ở hai vùng Nghệ An, Hà Tĩnh, ông Rê-Bít-Xê đã làm chức Công Sứ ở nhiều tỉnh Trung Bắc lương kì và, sự thực, cái tên Rê-Bít-Xê được hóa chệch ra là Lê-Bích-Xa là từ cái hồi ông Tây đó bắt đầu lĩnh chức Đại Pháp Lưu Trú Quan ở tỉnh Quảng Ngãi. Quan Tuần Vũ Quảng Ngãi là người hoàn toàn cự học, mỗi lần có giấy má gì ở bên tỉnh đưa sang tòa mà không có tính cách công văn lăm, lại viết lên đầu thư riêng: "Lê-Bích-Xa Công Sứ đại nhân...". Quan Tuần lấy làm thú lăm chữ Lê-Bích-Xa, nghe nó Tàu lăm, không còn tí gì là Tây nữa. Và chẳng ngại không có chút nào là dính với cái học mới nên chữ "Rê" mà đọc ra "Lê" nghe nó cũng tiện lợi: ngại và thuộc hạ phải cái bệnh là không uốn được tắc lưỡi. Cho nên mỗi lần cơ quan Công Sứ nào mới đổi đến mà tên có vần "r" là vần tên ấy sẽ biến cả ra là Lê hoặc La, Li, Lô, Lư vân vân. Có lẽ cũng vì thế mà đại danh quan nguyên Toàn quyền Robin đã biến thành Lỗ Bình đại thần.

Nhưng mà chúng ta nên trở lại với cụ Tây đồn điền Rê-Bít-Xê nguyên là Lê-Bích-Xa công sứ đại nhân. Và muốn tránh sự bối ngỡ của chúng ta mỗi khi đọc những ngoại âm, trong truyện này, vai chính của chúng ta sẽ được mãi là Lê Bích Xa.

Vậy thì cụ Lê Bích Xa là một vị trí sĩ làm đồn điền cà phê vùng Hoài Hoan. Cụ Lê doanh ấp lập trại ở đấy từ bao giờ không rõ nhưng những gốc cà phê thấy đã to lăm. Cụ đã cho trẩy hạt bán ra ngoài không biết đến mấy vụ rồi. Vị hưu quan đó giờ là một lái buôn chính hiệu và thỉnh thoảng lại cho lộ ra những cái cốt tài tử của mình những lúc chơi tranh xem tranh hoặc bày tranh. Cụ Lê không vẽ tranh, nhưng cụ buôn tranh. Hình như tôi đã quên không nói ngay ở đầu rằng cụ Lê Bích Xa là một người buôn tranh cổ. Nhiều bức lạ lăm. Đã đành là đẹp. Nhưng nhiều bức quái lăm quái lạ như là có trò phù thủy dính vào ấy. Nhiều người được cụ lấy tình thân cho xem những bức tranh cổ - những bức quý như thế, cụ Lê ít khi cho đem bày ra chỗ công chúng thành hẳn một cuộc triển lãm - lúc trở ra đều ngờ ngác ít nhiều và ngờ cụ Lê là một người có ảo thuật hoặc không thì cái người vẽ tranh cổ đó cũng là một ảo thuật gia.

Nhà riêng ông Tây già Lê Bích Xa nhiều tranh quá. Người ta phải tưởng đây là một nhà bảo tàng chứa tranh Tàu. Tiền của mỗi vụ cà phê thu về rất nhiều nhưng chủ nhân đều cho đi mua tranh hết.

Người ta ngờ việc mở đồn điền của vị Tây già này chỉ là một cái cơ và mục đích muốn đạt được thì phải là một bảo tàng viện cổ họa Trung Quốc kia.

Cụ Lê Bích Xa có dùng một vị Tây lai trẻ tên là Dăng để giúp cụ những lúc soạn tranh tìm tranh. Có người lại bảo cậu Dăng này ngày trước có làm phóng viên trường Báo Cổ Viễn Đông. Cái điều chắc chắn nhất là cậu Dăng người rất ít tuổi nhưng sức học nặng lăm. Không rõ cậu học môn khảo cổ từ bao giờ mà môn học so

sánh của cậu sâu rộng đến nỗi các niên hiệu các tên vua lịch triều bất kể nước nào, và tên các nghệ sĩ bất kể thời nào xứ nào, cậu nhớ vanh vách rồi thì là kê khai, so sánh, suy luận. Giả có viết ra thì thành từng pho sách được ấy. Ở người cậu thành ra là cả Đông Tây Cổ Kim rồi còn gì nữa. Suốt một vùng Nghệ Tĩnh ai cũng biết cậu Dăng. Nhưng họ chỉ biết đây là một người Tây lai hạnh kiểm rất khá, không có gì là mất nét, bao giờ cũng nhớ đến mẫu hệ, rất có hiếu với mẹ và đối với người bên ngoại, thường vẫn lấy lễ ra mà xử. Dân gian gần đó chỉ biết cậu Dăng có bấy nhiêu thôi, chứ thực không rõ một tí gì về cái tài đọc tranh và cái sức đi tìm tranh của cậu ở khắp vùng quê Bắc Kì.

Một lần ấy cụ Lê Bích Xa gọi cậu Dăng lên buồng riêng và sau một tuần cà phê đặc có chế rượu rôm:

- Nay Dăng, có lẽ cũng nên sắp mà đi Hưng Yên đi thôi. Về chuyện cái bức tranh Hàn Kỳ ấy mà. Hình như có một lần và rừng săn hươu, tôi đã nói chuyện cho cậu nghe rồi. Lúc ấy đang cùng mãi tìm lối chân hươu, cậu có nghe và nhớ không? Nhưng tôi cũng cứ kể lại. Nguyên hồi tôi còn ở chức thủ hiến vùng Hưng Yên, có một người chánh tổng huyện An Thi đem dâng tôi một bức tranh để gỡ mình khỏi một vụ án hình. Hồi đó tôi còn quý cái lương tâm nhà nghề lắm. Và lại lúc ấy còn trai khỏe, tôi chưa để bụng vào chỗ chơi đồ cổ. Tôi bèn đuổi lão chánh tổng đó đi ra và dọa bỏ tù nó thêm về cái tội đòi hối lộ thượng quan. Cái thằng cha táo bạo thế! Bây giờ tôi mới biết bức tranh đó là quý. Nó vẽ một ông tướng già đang ngồi xem sách đêm trong quân trướng. Trên án sách có một ngọn nến cháy trên đế son. Góc phải bên án, có vẽ một thanh bảo kiếm tuốt trần ghếch lên cái hộp tướng án. Trông thì bản thiêu lắm. Lụa bồi đã bong rách và lòng tranh nhiều góc dán đã nhám nhiều. Nhưng mà tranh đó... (nói đến đây Lê Bích Xa ngừng lại, tợp thêm một ngụm rôm, đôi mắt già sáng bừng lên bao nhiêu là thêm muốn)... nhưng mà tranh đó, cái chỗ quý giá thì không biết thế nào mà nói cho hết được. Mua được về rồi con mắt người Mỹ mà nhìn thấy là chúng ta sẽ có một cái cơ nghiệp để hưởng chung, Dăng ạ. Tôi tin rằng cậu và tôi, bao giờ cũng sống gần nhau mãi mãi. Tôi rất tin cậu và yêu cậu như là yêu con. Rồi dần dà tôi sẽ truyền hết cho Dăng những cái sở đắc của tôi về cái bí thuật tìm tranh cổ.

Sớm ngày hôm sau, dân hàng áp đã đánh sẵn xe ngựa cho cậu Dăng xuôi tỉnh về đáp tàu ra bắc - xe ô-tô, tài xế ốm nặng. Cậu Dăng đánh thức cụ Lê Bích Xa dậy.

- Tôi đi Hưng Yên đây, cha già ạ...

Cụ Lê giụi mắt ngáp:

- Hôm qua tôi uống nhiều quá. Có lẽ gần hết chai rôm. Ít khi cao hứng như thế.

- Tôi đi Hưng Yên đây, cha già ạ.

- À tốt lắm. Đi đi.

Cụ Lê rút ở tủ két con thóc vào mặt tường, phía trên thành đầu giường một cuốn sổ in, kí vào một tờ vẽ hoa rêu lằng nhằng và xé đưa cho Dăng:

- Tạt vào nhà Đông Pháp ngân hàng Hà Nội mà lấy tiền. Đi Hưng Yên lấy tranh xong rồi tiện đường, sang luôn bên Cổ Am hỏi xem dân làng đã chịu bán cái lô hương chưa. Họ thuận hay chưa, cũng cứ đưa cho dân làng trước một nghìn bạc cho họ tiêu chơi. Mà, phải lấy dấu lí trưởng và cả một vài chữ kí của bộ lão nữa nhá. Thôi, đi cho được nhanh chóng. Tôi ngủ lại, có lẽ chiều hôm mới dậy.

Cụ Lê Bích Xa ngáp, vươn vai. Thấy Dăng vẫn còn ngán ngủ, cụ tưởng là cụ đã hiểu một điều gì, bèn cười:

- Cái séc ấy bốn mươi ngàn phật lằng, cha tướng là thừa thãi lắm chứ còn gì nữa. Một nghìn đồng đưa cho dân bên Cổ Am và còn ba ngàn đồng thì mua bức tranh. Có lẽ mua tranh, đến ba ngàn đồng cũng đã là nhiều lắm rồi.

- Không phải thế. Tôi muốn ông cho tôi cái địa chỉ của người chánh tổng có tranh đó kia.

- Tôi cũng không nhớ là về làng tổng nào và tên người đó tôi làm thế nào mà nhớ lại được. Vả lại tôi tưởng một người như Dăng thì có cần gì phải hỏi kĩ đến như thế mới tìm đến được nhà người ta. Cậu làm như xưa nay chưa bao giờ cậu thuộc lâu địa dư hàng tỉnh của xứ Bắc ấy.

Cụ cười. Cậu Dăng cũng cười theo. Cụ Lê Bích Xa chìa tay ra, lắc mạnh tay Dăng: "Thôi, đi cho tốt tốt", rồi chui luôn vào chăn.

Ngoài cổng đồn điền, tiếng móng ngựa, dịp nhạc và sát vòng bánh thừa và bé dần.

Sau đó độ dăm hôm, dân vùng Ba Tổng Lê ở Hưng Yên nhao nhao lên với nhau rằng hình như có quan Đoan về sục rượu lậu. Có người lên mặt thông thạo lại thì thăm rằng đó là quan Tây khảo cổ về đào mả Tàu đấy chứ. Cái việc Dăng về một làng vùng An Thi tìm mua tranh đã là một việc náo động cả cuộc đời an nhàn cần cù và bình dị của đám dân quê. Người ta sợ sệt lo lắng cũng mất đến một ngày tròn. Mãi sau ông lí sở tại mới cất nghĩa rằng đấy là quan Tây về mua cái bức tranh quái gì của cụ Chánh Thuận "đâu giả những mấy nghìn bạc" thì cả làng mới thờ đánh phào một cái và lại cày cuốc gánh gồng được như cũ.

Cậu Tây Dăng mà tìm đúng được nhà cụ Chánh Thuận kẻ cũng tài thật. Thì ra đối với những người đi tìm vật báu trên đời thật không có cái gì là khó là không làm được cả. Có thể thôi, chứ dẫu có đến thiên nan vạn nan, họ cũng chẳng coi là mùi gì. Về những cái gay go trên con đường tìm đồ cổ, đâu có lần Dăng đã có nói chuyện đến những cái vất vả lúc vào huyệt đạo dưới mặt Ai Cập để tìm vào lăng tẩm các vua pha-ra-ông.

Đứng trước bức tranh cổ của cụ Chánh Thuận vừa treo lên cây cột mẹ gỗ mít giữa nhà thờ, Dăng ngắm mãi và ngờ ngợ. Lòng tranh thì cũ xưa lắm mà làn vóc bôi thì tươi sáng.

- Tranh này, hình như tiên sinh mới cho bôi lại.

- Dạ, bẩm quan, có thể. Mới bôi độ dăm năm nay. Vì nó đã nát lắm rồi.

Dăng trầm ngâm trước tranh, cố tìm cái quý giá trong những nét vẽ đã gần hết đường bút lông. Cậu ngắm mãi hình người trong lòng bức tranh trung đường. Cậu chỉ thấy nét mặt ông tướng Hàn Kỳ là tươi đẹp quá thướt. Chỉ có thể thôi. Nét chỗ khoẻ, chỗ mềm dẻo tài tình. Nhưng chẳng nhẽ cả giá trị bức cổ hoạ lại chỉ có thế? Đã gọi là vẽ, thì hoạ sĩ nào hăn cũng phải vẽ đến được như thế. Phải có những cái gì khác thế quá thế nữa kia chứ! Thì cụ Lê Bích Xa mới chịu trả ba nghìn đồng ra tỏ lòng thèm muốn như đi mua ngọc biết nói. Cụ Lê Bích Xa về môn cổ hoạ, Dăng đã phải tôn làm bậc thầy học mình kia mà. Cái tài học ấy, Dăng đã được báỉ phục về cái lần đó cụ Lê giảng cho Dăng về màu phẩm huyền ảo của những bức tranh đám sa môn bên Tây Tạng.

Dăng đứng rồi, Dăng lại ngồi. Sau khi đặt cái ghế bành hướng vào bức tranh cách tranh độ ba thước để "quan" Dăng ngồi thẩm tranh, cái ông cụ Chánh Thuận, cả một buổi sớm ấy cũng mất cả công ăn việc làm và chỉ biết có nín thít mà ngồi túc trực đó xem người mua tranh có cần dùng hỏi han gì không. Cái ông khách trẻ đó cũng là lạ. Ngồi suốt một buổi, bên cạnh cụ Chánh Thuận, ông không nói lấy một câu. Ông chỉ có vòng tay trước ngực, ngồi đực ra và dán chặt mắt vào tranh. Ông hút không biết bao nhiêu là thuốc lá. Tàn tro và mẩu đầu thuốc dưới chân vị Tây trẻ, đã đùn lên thành một đồng rác. Ông lim dim mắt, nhìn bức hoạ qua vờn khói, say sưa và thắc mắc và có lúc nét mặt người trẻ ấy xa vắng như khuôn mặt một nhà sư già nhập thiền lúc tĩnh tọa. Dăng càng ngắm tranh, càng thấy mình bất tài. Cầm ví đếm tiền, chàng có ý không muốn trao nó cho ông Chánh Thuận. Không phải Dăng có ý tiếc tiền, dầu rằng cái tiền ấy không hăn của mình lấy mấy may. Từ đi vào con đường khảo cổ, Dăng đã được dùng tiền nhiều gấp bao nhiêu ngàn ấy kia. Có khi chỉ đổi lấy một mảnh sứ vỡ, Dăng cũng đã bỏ ra một số tiền bằng tiền mua một nếp nhà lầu rồi kia mà.

Nhưng thôi, lời thầy đã dạy như thế, Dăng chỉ có biết tuân theo. Dăng đưa đủ số cho ông Chánh Thuận và lên đường về lĩnh mệnh cụ Lê Bích Xa. Cụ Lê Bích Xa đã nhận được điện tín của Dăng trước ngày về, đem tranh về. Cụ liền soạn sẵn một bữa tiệc lớn cho riêng chỉ có hai người: cụ và Dăng. Và đám dân đồn điền lấy làm lạ về việc cụ cho họ nghỉ luôn những ba ngày mà vẫn cứ cho ăn cả lương. Không những thế, họ lại còn được chủ đồn điền ban cho gạo thịt, rượu, cà phê và đường; cứ bốn người một chai rượu và tám người một ki-lô cà phê. Người bảo rằng hay là cụ Lê Bích Xa ăn mừng ngày sinh nhật. Nhưng có kẻ thông thuộc việc nhà ông chủ, lại nói rằng lễ sinh nhật mọi năm thường làm vào giữa mùa lạnh kia mà. Có đâu một

người trong một năm lại ăn những hai lễ sinh nhật mình. Cả một đồn điền cà phê xao xuyên - cụ Lê Bích Xa vui.

Cái buồng riêng của cụ Lê Bích Xa đã được kê dọn lại. Cụ cho cất bớt đi rất nhiều thứ. Mọi khi gian buồng này, không mấy ai được vào. Thân tín đến như Dăng mà đâu cũng chỉ được để chân tới vền vện có hai lần. Đây đã gần như một nơi chính tâm một ngôi đền. Đây chứa rất nhiều của lạ trên thế gian thuộc về đủ các loại. Những kỉ niệm lữ hành. Những vật quý tích trữ được, sưu tầm được. Linh tinh quá. Và có nhiều sưu vật bé chỉ bằng khuy áo mà nói đến là y như là cơ man tiền bạc. Mỗi vật đều có trước sổ theo thứ tự phân loại, kê khai vào một cuốn sổ và được chụp ảnh lại dán riêng vào một cuốn an-bom, dưới mỗi ảnh đều có cước chú hình dáng cân lượng màu sắc, và cả tên tuổi những vị tiền chủ các vật đó. Thật là cả một cuốn sổ căn cước, một sổ bộ lí lịch. Thường mọi ngày, cụ Lê Bích Xa, mỗi đêm vào phòng này, đều phục sức rất trang nghiêm, tay cầm nến rọi vào từng vật, dáng đi chậm chạp thành kính: đứng ngoài nhìn cái bóng chậm yếu ấy cử động dè dặt, ta tưởng đây là một kẻ tu hành đang thâm kín làm một lễ dâng hương vào những giờ u tịch của đêm áp.

\*

\* \*

Dăng đã đưa bức cổ hoạ về. Bàn tiệc đã bày sẵn. Lê Bích Xa không cho Dăng có thời giờ đi thay quần áo và tắm gội, cụ liền nâng mừng Dăng một cốc uyết-cây tẩy trần và đòi xem ngay tranh. Tường đã đóng sẵn một cái đỉnh mới. Cái đỉnh ấy chờ bức tranh cổ đã từ mấy bữa nay. Hai thầy trò loay hoay mắc tranh lên đấy. Ngồi đối diện bức hoạ xưa thướt tha trên nền tường, sự chăm chú của Lê Bích Xa bị nghi ngờ tràn mãi vào. Lòng hoài nghi ấy càng tăng thêm mãi. Lê Bích Xa thay mãi kính tuổi. Có khi đeo hai ba kính chồng lên nhau. Đến lúc mà cụ đi gần lại tranh, rọi kính hiển vi lên nền lụa cũ một hồi lâu xong, cụ quay lại Dăng và chậm rãi:

- Hồng mất rồi Dăng ạ.

- Thừa thầy tranh này vừa bồi lại. Họ cũng nói thế.

- Chính vậy. Họ đánh tháo mất ruột tranh rồi. Chúng ta bị lừa to rồi.

- Thầy muốn nói đây không phải là nguyên bản bức tranh? Đây chỉ là một bản sao bức cổ hoạ?

Cụ Lê Bích Xa không trả lời. Mắt người sưu tầm đồ cổ có những nét chìm đường nổi của suy nghĩ và thương tiếc. Lại cho người ra Ba Tổng Lê đòi lại tiền lão Chánh Thuận? Mấy ngàn bạc, tuy là một số tiền to tròn đầy, nhưng đòi lại để làm gì. Cái đáng giữ lấy, đâu có phải là tiền, bức tranh cổ kia chứ. Rủi bị tranh giả, Lê Bích Xa chỉ hận tiếc mình đã chẳng có duyên với vật báu, giờ biết nó lạc vào đâu mà săn tìm. Người đã biết chơi cái ruột tranh xưa đó, hẳn không vì vàng bạc mà thuận nhường lại cho, vì có biết mà tìm đến cầu thân.



Một đêm ròng ấy, chủ ấp không ngủ.

Ông già ngồi đối diện bức tranh có đèn măng-sông ba trăm nến soi tỏ. ánh sáng mạnh và xanh trong càng làm tỏ thêm những thờ dài tiếc thêm của chủ ấp không ngủ.

Ngày sau, Dăng lên buồng thỉnh an thầy và hỏi cụ Lê Bích Xa xem giờ nên xử trí ra sao với bức tranh bị đánh tráo và chàng xin chuộc lại lỗi bắt tài vô học sơ suất mình bằng sự bỏ tiền ra đền lại cho cụ, nếu Chánh Thuận manh tâm không hoàn lại mấy ngàn đồng.

- Thầy bắt đền con mà làm gì. Thầy cũng không đến nỗi nghèo thiếu. Và bị mua nhầm tranh này, lỗi cũng không hẳn tại con cả. Vì cái học lực xem cổ họa của con, dầu sao cũng chưa vào được mức cao đẳng. Mà lúc con đi lấy tranh, thì thầy lại không dặn kỹ về cách thử. Ai biết đâu rằng trong thế giới chơi tranh, lại cũng có người quái quỷ như mình. Kẻ kia đánh tháo ruột tranh, thực cũng là người có mắt tinh đời. Đáng nên gằn lăm.

- Có lẽ người ấy là tên khách bồi tranh?

- Rất có thể.

- Con muốn được nghe thầy giảng cho về cái quý giá của bức họa.

- Thầy sắp nói đến mà. Con hãy ngồi xuống đã. Uống đi. Và cũng không nên tiếc nữa. Vô ích. Thế gian còn vô số cái khéo cái quý. Chỉ sợ mình không có mắt xanh đối với những vật có cái bề ngoài của vô hồn. Chỉ sợ mình kém đức để được làm bạn với vật báu thôi, con ạ.

Cụ Lê Bích Xa từ tốn đặt xuống bàn một bộ đồ hút thuốc lá chưa cuộn, lấy ở giá điều ra hai cỗ pip, đưa cho Dăng một. Mỗi thuốc thơm ở hai ống điều tỏa khói lẩn. Nước bọt chốc chốc chảy từ họng điều xuống tàn lửa mỗi thuốc, đánh dấu thời khắc qua bằng những tiếng sèo sèo gọi cảm. Lê Bích Xa đứng lên đi mấy vòng, bắt đầu giảng về bức cổ họa Trung Quốc, giọng đĩnh đạc trong trẻo. Buồng người chủ ấp có tuổi phút đã trở nên một giảng đường mà Dăng là một thính viên chăm chú.

- Con có biết tác phẩm này là của ai không? À của Lỗ Hường Diên người tỉnh Môn-cái tỉnh Trung Quốc, nổi tiếng về môn hội họa quái ác, hẳn con đã tường! Như con trông thấy đó, tranh vẽ một ông tướng và một ngọn nến cháy soi xuống một cuốn sách mở của ông lão tướng. Tất cả giá trị huyền ảo của tranh là thu vào ngọn nến. Ngọn nến ấy, nếu cha đánh diêm châm vào thì nến sẽ cháy sáng như một ngọn nến của cuộc đời thực tại chúng ta. Con hãy cứ bình tĩnh ngồi xuống mà nghe cha nói tiếp. Cha nói cái gì nhỉ? À nếu châm lửa vào đầu nến đó của tranh thì tranh sẽ sáng bừng lên. Và, chỉ có nến cháy thôi, chứ tranh vẫn âm u nguyên vẹn; lửa nến sáng vẫn không làm hại gì đến đời vật chất của tranh. Muốn cho tranh trả lại vẻ bình thường của tranh thì chỉ có thổi tắt phụt ngọn nến đi thôi.

- Thừa cha, con đi vào con đường cổ họa Trung Quốc kể cũng đã lâu ngày nhưng chưa từng nghe - chứ không nói đến sự thấy nữa - tới những việc quái dị như vậy.

- Dăng, con hãy đứng lên ghé kia, đánh hộ cha một que diêm và châm ngay vào đầu nền tranh.

Tranh tự nhiên sáng bừng lên. Nền bốc dần sức sáng, soi xuống trang sách và khuôn mặt hồng hào vị tướng già quắc thước ngồi trong lòng cổ họa. Giá lúc này, lửa nền lả lay ngọn đi một chút theo với tí gió đông của phòng khách đây thì Dăng đã tưởng tướng Hàn Kỳ ngồi kia là người của cuộc đời này và đang là một vị quý khách ngoài thời gian của chủ ấp đây. Dăng lùi mãi ra xa, nhỡn tuyến bị sự hiển linh của tranh sáng chi phối. Dăng dụi mắt. Giữa không khí kinh ngạc kinh sợ thẳm lặng đem lại bởi quái ảo giọng cụ Lê Bích Xa cũng phào phào xa vắng như từ một thế giới nào gửi về - Lựa vẽ tranh, nguyên có những hai lượt. Vì còn cả cái ruột trong không bị người có mắt tinh đời nào đó lấy mất, thì ngọn nền sáng của chúng ta cháy mãi mãi. Ta có thể treo mãi tranh này trong nhà, dùng ngọn nền này mà chơi thay đèn, đêm đêm thắp lên. Nhưng uổng quá, chúng ta chỉ còn có một lần lựa ngoài của bức tranh nên sự thần diệu này chỉ có được trong giây lát thôi. Thắp lâu nữa thì cháy luôn cả tranh mất. Con lại chịu khó đứng lên ghé thổi tắt nền tranh đi rồi cha sẽ giảng tiếp về cái bí thuật của lối họa xưa tỉnh Mân này.

Nền tranh tắt. Phòng giảm hẳn sức sáng - cái cây bạch lạp nơi tranh lúc sáng tỏ, sức sáng vốn ngang bằng một ngọn măng-sông nhỏ. Mùi cà phê tỏa trong sáng dịu của phòng lặng.

- Lỗ Hường Diên vốn là một họa sĩ nổi tiếng về môn vẽ và lại kiêm cả khoa thôi miên nữa (tỉnh Mân vốn lại là quê hương của môn hư linh học). Cứ chỗ thầy biết thì lúc tạo nên bức tranh này, Lỗ đã phải vi hành hương mãi vào vùng Ma Thiên Nhẫn để tìm nguyên liệu như chất lân tinh và diêm sinh ở những mỏ hoang gần đây - núi Ma Thiên Nhẫn vốn là đất cổ chiến trường - và chất thạch nhưng ở đáy lòng sông Bộc Ly. Con cũng chưa biết công dụng hóa học của mấy loại khoáng này. Lân và diêm sinh thì cháy sáng và thạch nhưng thì không cháy, mặc dầu bỏ thẳng vào lửa. Lựa vẽ tranh, dệt bằng tơ loài sơn tằm đánh sẵn lại với thạch nhưng cán nhỏ ra. Về đến ngọn nền, họa sĩ dùng chất lân và diêm Ma Thiên Nhẫn trộn lẫn với thuốc vẽ. Vẽ xong, họa sĩ thôi miên vào đầu ngọn nền. Đây là ruột tranh. Cái lần trong. Lần lựa vẽ ngoài, chỉ là cái lượt hoa mỹ của màu sắc và hình vẽ phủ lên để giữ vững cái cốt kì diệu ở trong. Tranh cổ lâu ngày, lượt lựa ngoài cũng hấp thụ được cái thần diệu của cốt trong. Và thắp vào ngọn nền ngoài cũng có cháy. Nhưng chỉ trong khoảnh khắc thôi.

- Thừa cha, những lối hiểm hóc này của môn hội họa, cha sở đắc được ở nguồn khảo cứu nào? Sách không có nói đến.

Cụ Lê Bích Xa sẽ cười mỉm không trả lời thẳng vào câu hỏi của Dăng. Cụ kể sang một chuyện khác:



- Cái lối vẽ lấy chất lân trộn vào thuốc để điểm ngọn lửa tranh và lấy thạch nhưng để làm nền tranh, đâu còn có. Cái bức vẽ tích "Phục Nữ Thổ Thù" cũng gần như thế. Nguyên tranh này diễn lại việc mừng Phục Hi Nga đọc cho thượng thư lệnh Triều Thổ đời Hán chép lại những lời của lữ sách bị mất đi về đời Tần Thủy Hoàng phần thuê khanh nho. Lúc Phục Hi Nga đọc cho Triều Thổ ngồi chép, bên án sách có hai người quỳ nâng đèn lồng soi sáng trong sách. Ấy lửa đèn lồng, cũng điểm theo cái thuật ấy. Nhưng không rõ tranh tích sau này có phải là sản phẩm của tỉnh Mân không.

Cụ Lê Bích Xa ngừng một hồi lâu rồi bàn với Dăng:

- Bây giờ cha nghĩ thế này. Là cũng không đòi tiền cái lão chánh tổng ấy nữa. Và cũng không giữ tranh này để chơi riêng nữa. Cha sẽ tổ chức một buổi nói chuyện về cổ họa Tàu và đem đan cử luôn tranh Hàn Kỳ này ra và châm lửa nền thí nghiệm ngay cho công chúng xem. Sẽ làm một tiệc trà tại câu lạc bộ Pháp Việt ở tỉnh. Mời cả thân hào và những bất cứ là ai người Pháp người Nam có cảm tình với nghệ thuật. Của báu, có khi cũng không nên giữ lấy một mình. Cha sẽ phí bức tranh cổ đó, đốt cháy cho thiên hạ đây xem chơi.

Tại tiệc trà đi kèm vào buổi tối nói chuyện về tranh Tàu tổ chức ở Vinh, công chúng Việt vồn vện có năm người. Bất chấp cả cái thiếu số đáng là một cái cơ để hoãn lại ngày nói chuyện, cụ Lê Bích Xa vẫn bình tĩnh giảng về cổ họa Trung Hoa và cứ cho châm ngọn lửa nền trong bức tranh ba nghìn đồng của mình treo ở tường câu lạc bộ. Lửa nền cháy, nhiều người trầm trồ cảm động. Phép kì diệu đó chỉ đúng được có hai mươi phút nghĩa là bức tranh đã cháy ra gió trước khi diễn giả nói đến câu cuối cùng của đề chuyện mình.

## Một vụ bắt rượu lậu

Truyện ngắn "Một vụ bắt rượu lậu" về nội dung cũng như hình thức, không quen thuộc lắm với phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân. Chúng tôi chọn in truyện này vì nó tiêu biểu cho thời kỳ sáng tác đầu tiên của ông, với một loạt truyện ngắn trào phúng có khuynh hướng hiện thực phê phán.

\*

\* \*

Dân cày ở làng Phong Cốc, bây giờ thực không còn lấy có gì để phàn nàn với nhau trong lũy tre xanh và với người ngoài, ở giữa đường chợ đông, rằng quan trên không săn sóc tới.

Đáng phụ mẫu của họ là quan phủ Thiệu Hóa - làng Phong Cốc thuộc về Thiệu Hóa phủ, Thanh Hóa tỉnh - những khi hành hạt qua đó thường vẫn không quên bảo với

thầy Đề rằng nên tạt vào đây mười lăm phút để xem cái "dân khí" vùng đó lâu nay ra sao?

Ở đình làng, trong những ngày này, hương chức kỳ cựu đều được quan Phủ khuyến khích họ nên giảng giải cho lũ đàn em về cái đức làm dân đối với bề trên không được tỏ vẻ kháng cự, và cái đạo làm dân trong một nước thái bình, ở một thời yên lặng, phải đóng sưu thuế, theo tạp dịch cho đều đều. Nếu sự phục thiện của dân đã kết quả được một phần thì càng nên gắng nữa cho được mười phần, càng nên cố sức nữa lên mãi mãi. Rồi nhà nước sẽ thương tới, và quan Phủ hứa thêm rằng ngài đã bầm tình cho, thì tha hồ mà được nhờ...

Nhưng lúc quan phủ gần trở đi sang làng khác, ngài vẫn không quên bảo thầy Lý mới, như mấy lần trước:

- Thầy nên coi chừng đến công việc của thầy và sự hành động phi pháp của dân làng. Trách nhiệm của thầy nặng lắm đó! Thầy giữ việc làng thay thầy lý trước (bị chết một cách rất thâm và chẳng vinh dự gì) trong khi thừa hành công vụ, chắc thầy rõ phận sự của thầy trong lúc này, hơn ai hết thầy.

Thầy Lý run lẩy bẩy, chỉ biết mồm "dạ dạ" đưa mãi hai bàn tay chắp lên khỏi ngực. Thầy không dám nhìn thẳng vào quan và thứ nhất là nhìn vào ông Đề ngồi gần ngang hàng với quan; trong một lúc nhón nháo ở đình lúc quan mới tới làng, thầy Lý đã dám liếc trộm ông Đề khi ngài này sai bác Cửu châm đóm để ngài hút thuốc lào vào điệu dóng của quan phủ, có cái xe trúc uốn cầu vòng dài đến gần bốn thước ta. Ông Đề cặp mắt sáng như tia lửa, những lúc nheo nheo mí mắt lại, thì không khác gì mắt con vọ lúc ở trên cành gạo chú mực nhìn đồng thệ chết ở mặt đất. Thầy Lý tin rằng nếu ngắc mắt lên mà đụng gặp phải nhỡn tuyến của ông Đề già thì sẽ bị thôi miên mất: và thôi miên thuật kia sẽ bắt thầy phải tường tận cung khai gia sản nhà mình ra xem của chìm là bao nhiêu và của nổi là bao nhiêu để ông Đề vui vẻ trả lời bằng ý nghĩ rằng có một ngày rất gần đây, chúng nó sẽ phải thay đổi chủ và thầy thì cố nhiên là sẽ mất quyền sở hữu ấy.

Nghĩ đến đây, thầy Lý càng không dám giữ đầu mình cho thẳng thắn, chỉ biết cúi mặt xuống đất hết nhìn đôi ủng da tây của quan Phủ, đôi guốc kinh của ông Đề và đôi bàn chân lấm của mình. Thầy Lý lúc này thật là một ông hóa thân của sự sợ hãi. Thầy chỉ biết dạ, dạ mãi, để đáp lại những lời danh thép mà thầy chỉ hiểu một cách mang máng. Bỗng thầy giật mình khi nghe thấy quan gắt:

- Cái anh Lý này "chương" quá. Người ta hỏi thầy xem số rượu dân làng uống trung bình trong những ngày thường chênh lệch với những ngày tế lễ như xuân tế, thu tế, hoặc vào đám ăn chạ là độ bao nhiêu, mà thầy cứ dạ là nghĩa lý chi? Vô lý quá!

- Dạ bẩm ông Lớn, về việc dân làng con uống rượu, con cũng không lấy gì cho tường lắm. Dạ, con mới được dân cho con ra thay anh Lý bất hạnh của con được độ mấy tháng.

Câu trả lời của thầy Lý có vẻ dằn độn một cách lùng khùng gần giống như lời búng bình thốt ra ở cửa miệng những dân cứng đầu cứng cổ. Tuy rằng là thật thà, nhưng thầy lý cũng vẫn đủ trí khôn nhận rằng có lẽ nó sẽ làm cho quan Phủ đến phải nổi trận lôi đình. Mà quả nhiên thế thực. Thầy Lý hiền lành kia nghĩ đúng đấy. Vì quan Phủ đã biến sắc mặt, làm om cả đình làng:

- Thầy làm việc quan như thế hồng, hồng to. Đừng nói chi đến chuyện nay mai thầy mong được nhà nước cho tướng lục hay mong điền vào chân chánh phó tổng khuyết. Nếu anh không thay đổi cách làm việc thì cái triện lý trưởng của anh cũng khó lòng mà giắt được lâu đâu. Việc dân trong làng uống rượu mà thầy mù tịt như vậy thì chết thật. Thầy làm việc không được mẫn tiệp rõ quá rồi. Nếu ta không thương anh, đem một việc này mà bầm tỉnh thì liệu anh có còn giữ được đồng triện không?

Ấy thế rồi quan và ông Đề và lính tráng trẩy đi để một lũ kỳ cựu hương chức làng Phong Cốc đưa mắt nhìn nhau và nhìn ông Lý vừa bị quan quở. Thầy Lý đâm mê và toát mồ hôi. Mồ hôi thấm qua cái áo lụa nâu già và làm đầm cả lưng chiếc áo the dài màu nước dưa.

Thầy Lý ra khỏi đình làng. Trận gió bắc thổi rụng lá vàng, thổi bay tà áo thầy và lớp mồ hôi gặp gió lạnh càng se đến đâu càng làm cho thầy lạnh "trông thấy" đến đấy. Với không khí lạnh lẽo ở ngoài trời, thầy thấy trong mình bốt bùng bùng và lúc về tới nhà, thì thầy đã lấy lại được sự trật tự hoàn toàn cho bộ óc vừa bị kích thích mạnh.

Vào đến nhà, bỏ khăn áo, thầy nằm vắt tay suy nghĩ. Thầy bỏ bữa cơm ngon có rượu ngâm thuốc, có món nhắm tốt. Trông thấy rượu, thầy sực nhớ ra vì câu chuyện ban nãy mà thầy bị quở ở giữa làng. Thầy điên tiết lên muốn đem lẳng "mẹ nó" cả chai cả nậm ra ngoài ao.

Bà vợ thấy chồng có thái độ lạ lùng khác mọi ngày, dám chê cả món dê bóp tái và bánh tráng vùng bà công phu mua tận chợ bên sông gặp ngày phiên, vội đón hỏi:

- Làm sao thế? Nghe nói quan về làng ta định bắt dân mở trường và khai giếng thêm phải không? Sao lại bỏ bữa rượu? Thằng Kha nhà theo tôi sang chợ ngoạn lắm.

- Mở trường, khơi giếng! Ai bảo thế? Đình với giếng gì? Việc triều đình nhà nước, u mày biết gì mà hỏi! Cất rượu đi! Thầy Lý bỏ mặc vợ tung hứng đang lủi thủi lấy lòng bàn đập mâm cơm để dành. Thầy đang lo đến cái tiền trình của tên lý trưởng vừa bị quan hạch là không đầy đủ bốn phen. Thầy càng ngẫm kỹ mấy câu quan vừa nói ban nãy thì ra cái chân lý trưởng của thầy là bấp bênh. Nó như cái thế quả trứng bị để ở đầu đặng sớm tối vỡ lúc nào không hay. Rồi thầy lại lẩn thần nghĩ đến chuyện những chức phận ti tiểu lúc quên tạ ơn những vị đỡ đầu thì bị quan thầy báo thù lại như thế nào... Nhưng không, thầy Lý nhớ rõ ràng rằng, thầy đã được quan Phủ ban cho thầy cái vinh dự bắc chiếc ghế đầu ngồi gần quan trong tư thất, sau khi quan đã rủ lòng thương nhận cho thầy cái phong bì "lễ mọn" mà thầy khom khom

cúi dâng lên bề trên bằng sự thành kính của kẻ biết ơn và tạ được ơn. Thầy còn nhớ như in vào ruột những câu của quan giảng dụ hôm đó vồn vã ôn tồn và những cảnh quan coi thầy như là đầy tớ tay chân... Thầy Lý đưa tay qua trán, nhắm mắt lại, tưởng lại những phút ấy mà thầy rạo rức cả người. Sướng quá, thầy tự hỏi mình rằng cái số phận tầm thường của một người lý trưởng được hưởng những phút như phút ấy độ mấy lần trong một đời? Thầy so sánh quan Phủ hôm ấy và quan Phủ hôm nay sao khác hẳn đi? Không, có lẽ quan nhiều việc đến nỗi quên hẳn là mình đã tạ lễ? Phải, phải, không có thể như thế được. Thầy lại cho rằng hay tại mình tạ thiếu. Nhưng không, vì hôm đó, quan đã khen thầy một câu: "Anh Lý người linh lợi lắm. Anh đưa túc số như thế này, tôi tiêu nó được thành món". Nếu thế thì là nghĩa lý gì, và nguy hiểm quá nhỉ! Vì ai còn biết mạch mối đảng nào mà tìm, mà hiểu. Trong ba, bốn ngày liền, thầy Lý cứ ăn kém đi vài bát cơm, ngủ kém đi vài canh dài, với những ý nghĩ ấy nó không tha ám ảnh thầy.

Rồi một buổi trưa già, thầy vừa bỏ mẫu triện đồng vào tráp đen thì thấy lũ trẻ làng đang reo ầm lên ngoài cổng:

- A... a... a... Tây về!... Có Tây về làng ta!

Thầy Lý thấy khác trong người, vì không biết tại sao thầy nghĩ ngay tới sự chẳng lành sẽ xảy ra. Thầy đang sửa lại khăn áo, sắp ra xem là chuyện gì thì con chó mực ở sân gâu gâu lên trời sủa vẳng cả nhà lên. Một tốp người, quần, áo, mũ, giày vàng khè một màu kaki đã tiến vào nhà, đứng đầy cả sân. Thầy Lý nhìn họ: người nào cũng oai phong lẫm liệt, người cầm thuôn sắt, kẻ đeo túi da đựng súng lục liên. Thầy lẩm bẩm: "Thôi bỏ mẹ, lại lính đoàn", và tiến ra sân.

Lính đoàn thấy ông Lý ra vội xúm cả lại xung quanh cứ đặc cả lại như là đàn muông sẵn lúc vây được con sói rừng, đều một loạt nói bô bô:

- Trong làng có rượu lậu! Ông đi ngay! Có cả quan Đoàn về đấy!

Bấy giờ thầy Lý mới biết là có cả quan Tây Thương Chính về nữa. Thầy vội vàng chạy ra vái dài quan Đoàn. Người Tây tay cầm ba toong song, đứng ở gần cổng; rồi cả bọn kéo đi rất nhanh theo một ông Đội đoàn có bộ râu "củ ấu" là người dẫn đường xem có vẻ thông thạo đường lối trong làng lắm. Đến ngõ đình, cả bọn ập vào nhà bác Nhiêu Tìn. Thầy Lý trong bụng phấp phồng vì từ lúc đi đến giờ, thầy chỉ biết theo nhà đoàn thôi. Lúc đến nhà Nhiêu Tìn, thầy mới hiểu rằng quan Đoàn về bắt rượu lậu ở nhà tên Nhiêu Tìn, một người mà thỉnh thoảng vẫn đưa lại nhà thầy những chai rượu rất ngon trong những ngày nhà ông Lý có kỵ dùng thứ rượu cúng rất tinh khiết. Thầy Lý than thầm cho Nhiêu Tìn đã gặp sự chẳng lành... Cảnh nào nhiệt bấy ra trong nhà người bị Đoàn vào khám xét đã chiếm hết cả giác quan thầy Lý. Lính đoàn gọi ầm ỹ:

- Chủ nhà là Nhiêu Tìn đâu? Nhiêu Tìn đâu?

Bỗng ông đội Đoàn vừa reo, vừa chạy:

- Nó đây rồi! Các thầy mau theo bắt lấy! Kia kìa nó đang mang vò com chạy! Nó vừa mới vọt ra cổng ngang!

Lính đoàn chạy, cả quan Đoàn, cả thầy Lý cũng chạy theo một người nhà quê đang ôm một cái chĩnh chạy miết ra phía bờ ao gần đình làng, cách họ độ ba chục bước.

Trẻ con khóc. Chó sủa. Đàn bà kêu, và các ông già bà lão trở mắt chống gậy "càng cua" đứng nhìn theo đám bụi mù bay.

Lúc thầy Lý theo kịp được nhà Đoàn đến bờ ao thì thấy thằng cha Nhiều Tìn đang lồm bồm ở giữa ao, hai tay bung một cái chĩnh có nắp. Chung quanh bờ ao, người đứng vây đen ngòm. Quan Đoàn vừa nhìn thầy Lý vừa nhìn ông đội nói một hồi tiếng Tây dài, mặt đầy vẻ tức giận, dầm chân, múa tay, trông đáng ghê sợ lắm. Ông đội Đoàn chỉ thuận xuống phía ao bèo, nói chỗ xuống người bung chĩnh:

- Mày có muốn sống không? Nhiều Tìn, mày có chịu lên không? Chúng ông mà xuống tóm được mày thì mày bỏ đời!

Nhiều Tìn ở giữa ao meo meo nói lên:

- Con lạy các quan, các quan tha cho con. Các quan đừng giết con.

- Ai giết mày? Mày cứ đưa cái vò lên đây!

- Lạy các quan, con trót dại có làm ít tương để ăn. Lạy các quan, thật con có dám đem bán đâu!

- Tương với mắm gì? Mày không lên, ông mà phải lội xuống thì... thì...

- Con khổ lắm. Các quan tha cho con! ối, mẹ thằng Tìn đâu, tao khổ lắm! Các quan làm tội tao, thì tao đổ tương xuống ao đây này!...

- Này thằng kia, nếu mày đổ vò com kia xuống ao, thì quan Đoàn sẽ bắn mày! Mày định làm phi tang đi hử?

Quan Đoàn đứng ở trên bờ vừa chửi rửa bằng tiếng Tây vừa rút súng lục, tay trở bắm sẵn cò, chĩa vào Nhiều Tìn. Ông Đội đoàn đứng nói với về phía thầy Lý.

- Này ông Lý, nếu nó dìm chĩnh com để mất tang chứng rượu lậu, ông phải chịu một phần trách nhiệm đây.

Thầy Lý hoảng cả người. Thầy lại càng hoảng nữa khi thấy quan Đoàn chĩa súng về phía mình. Rồi liên tưởng, thầy nhớ đến vụ đổ máu vừa xảy ra trong làng cách đây mấy tháng: trong một vụ bắt bớ hàng lậu do quan Đoàn Bécnắcdê chỉ huy, ông Lý trước mà mình thế chân bây giờ đã bị đạn Nhà nước nổ chết trong giây lát, giữa một lúc mà người ta bảo rằng nhà Đoàn cần phải chân chính tự vệ. Thấy quan Đoàn mắt đỏ ngầu, mồm sùi bọt, quát tháo rầm cả góc ao, thầy càng cuống cả lên. Mà dưới ao,

thằng cha Nhiều Tìn vẫn cứ mếu máo và van lơn các quan đừng xuống ao, và nếu xuống hẳn dọa sẽ đánh chìm cái chĩnh tương mất!

- Thế thì muốn sống mày phải lên ngay!

Tiếp lời ông Đội, thầy Lý cũng bảo Nhiều Tìn:

- Thế mày lên đi! Tao xin mày đấy! Mày làm chuyện phi pháp để lụy cả đến lý trưởng làng này! Mày định cho tao theo ông Lý trước hay sao? Mày không nhớ đấy à?

- Con lạy ông, ông xin cho con, không có các quan giết con mất.

- Thì mày cứ lên đi, tao sẽ xin cho. Mày cầm cho khéo cái vò kia, rồi lên ngay đi! ừ, lên đằng phía quan Đội ấy.

Bao nhiêu cặp mắt đều nhìn vào Nhiều Tìn đang lồm bồm bung cái vò bước lên bờ ao.

Hắn run lập cập, vì ngấm nước lạnh thì ít mà vì sợ nhà Đoan thì nhiều. Ông Đội giằng lấy tay hắn lôi lại trước mặt quan Tây Đoan, và truyền cho hắn mở nắp chĩnh ra. Hắn sợ khi nhìn quan Tây Đoan, nhìn ông đội, nhìn ông Lý và lập cập mở nắp chĩnh. Thấy quan Tây Đoan đã bớt giận, ông Đội cũng tươi tỉnh được nét mặt, bảo Nhiều Tìn:

- Ông tưởng mày ở cả ngày ở dưới ấy!

Ông lấy làm khoái trá khi nhìn vào trong lòng chiếc chĩnh. Nhưng sao ông lại cau mặt lại và mũi hít mạnh, đánh hơi. Ông sần sỏ hỏi Nhiều Tìn:

- Cái gì ở trong chĩnh?

- Dạ bẩm tương. Con có dám nói bấy đâu, con làm có một ít để kho cá ăn ở nhà chứ thực không dám đem ra chợ bán; ông Đội tỏ vẻ khó chịu trình với quan Tây Đoan rằng đây là một thứ nước chấm của nhà chùa thường ăn chay và người An Nam dùng với cơm. Quan Tây đoan bắt ông Đội ném và hỏi ông có dám cả quyết như thế không. Ông Đội trả lời nhất định rằng trong chĩnh đó không có chất gì để làm rượu. Thầy Lý thấy câu chuyện khám xét kết cấu một cách ngộ nghĩnh không ngờ như vậy, phải hỏi Nhiều Tìn:

- Thế sao lại bung vò tương mà chạy? Các quan khám rượu lậu kia mà! Ai bắt tương? Cái lý của anh gian lắm! Anh phải khai cho rõ ràng ra kéo phiền đến cho tôi lắm đấy!

Nhiều Tìn hoàn hồn, khai với thầy Lý:

- Con thấy người làng đi chợ về, dạo này đồn rằng Nhà nước đánh thuế cả tương và nước mắm, con thấy tương con làm không có giấy phép nên con sợ, con phải chạy



đem vút đi...

\*  
\* \*

Lúc sự yên lặng đã trở lại trong làng và mọi người đã ngật nghẻo cười khi giải tán - trừ nhà Đoan rời làng Phong Cốc với nỗi tức bực - thì trời đã xế bóng. Bác Nhiêu Tìn cũng mỉm cười bụng chính tương về nhà, trong bụng nghĩ thương vợ phải một phen chạy rượu lậu vất vả, và không biết vợ đã đem giấu kín vò com ở nơi nào đây. Bác tự nghĩ nếu không có chính tương này thì chỉ có Trời mới gỡ nỗi cho bác khỏi ở tù.

### **Một người muốn đập vỡ đàn**

Đêm thứ bảy này, cũng như tất cả những đêm thứ bảy trước, Xuân phải đánh đàn nhiều quá, bởi vì những tối thứ bảy là tối kiếm được nhiều lời, những tối mà khách sạn Bagatelle trên đường Quận Ngựa mở cửa cho người ta ăn và nhảy cho đến sáng bạch nhật. Thật đúng như cái lối chơi "sáng đêm" của thành phố Sài Gòn, người ta có thể đi xem Tuồng - Cải Lương từ chín giờ tối cho tới gần sáng, giữa chừng chỉ nghỉ mất một chút đủ thời giờ để đưa cái miệng khô nhạt vào Chợ Lớn ăn dăm bảy miếng sủi dề, hồ lấy sức lại để xem tiếp lớp tuồng càng gần đoạn chót, càng múa may nhiều, càng inh ỏi nhiều.

Xuân đi trên con đường dề Parreau giải nhựa, trời mát thế mà chàng vẫn luôn luôn rút mùi xoa ra thấm mồ hôi đầm mái tóc và tràn cả xuống thái dương. Ba bốn giờ sáng rồi còn gì ra xe pháo ở chỗ này.

Xuân định rẽ ngang sang phía nhà dậu Tam Đa, rồi xuống tìm Quý, người bạn chàng cũng làm nhạc công ở tiệm khiêu vũ Moulin Sans Souci. Tiệm khiêu vũ sát ngay ven Hồ Tây này, ở xóm Thụy Khuê, nguyên trước là một mái đình cổ. Nơi thờ kính cũ kỹ ấy giờ cũng đông khách thập phương đến "chơi" lắm, bởi vì người ta đã sửa sang lại cho nó thành một cái Nhà Xay Lúa Vô Ưu. Quý vốn đàn ở đây, cũng kiếm được ra tiền. Nhưng từ ngày có người Tàu sang đây lánh nạn đông quá, Quý gặp cái cô Tú Sương Hương người Thượng Hải mạnh mẽ ấy, Quý đâm ra chán nghề, chỉ muốn hủy hợp đồng với chủ tiệm và Xuân không chắc bạn mình có còn ở đây nữa không mà đến tìm cho mất công. Lâu nay Xuân muốn gặp lại Quý, nhưng tối đến thì là cái thời khắc biểu của tất cả nhạc công, và lúc ban ngày có được rảnh việc, nhưng người nhạc công còn phải ngủ trả nợ cho mắt đêm qua, đêm kia, đêm kia... Thành thử Quý và Xuân lâu nay không có gặp nhau và bây giờ Xuân lại cứ thẳng đường dề Parreau mà đi, nhất định không rẽ sang Nhà Xay Lúa Vô ưu tìm bạn nữa. "Thà không tìm h lẫn nhau, còn hơn là tìm mà không thấy". Xuân thở dài, tai lắng nghe chuông sớ La Pho điểm bốn tiếng rè rè bên bờ hồ nước. Xuân thấy đêm gần tàn, nhớ đến ăn và tự bảo: "Biết thế ban nãy mình cũng cùng ăn đồ nguội với anh em cho nó xong. Cái lão chủ tiệm ấy được cái khá là đêm đêm lúc hết giờ

đánh đàn cho khách hàng của lão chơi nhảy, lão không có buồn xỉn về bữa ăn đêm của đám anh em nhạc công mình".

Đi qua Bách Thú, tuy là đi ở vòng ngoài công viên mà Xuân cũng bắt lấy được một vài tiếng động của cái vườn rộng mà đêm đã nhuộm thắm một màu bí mật và tội lỗi. Một con gấu nhớ rừng, rống mạnh lên mấy tiếng liên tiếp, nghe như tiếng người thuê nhà trên gác hay kê lại chiếc tủ áo. Một con công chợt tỉnh ngủ, tưởng đã sáng, vội kêu mấy tiếng "Xấu hổ! Xấu hổ!". Đã đi đến cổng đình Ông Bảy rồi mà Xuân vẫn còn nghe thấy cái thanh âm đồng vọng của một con vượn cái kêu rầu. Người làng Ngọc Hà đã lữ lượt gánh rau đi qua Cửa Bắc, xuống bán ở chợ Đồng Xuân từ bao giờ.

... Cái hiệu cháo lòng sáng ở ven đường Cửa Nam, trông sang chợ là một nơi có đủ hạng người đến. Nhưng số đông, vẫn là đám phu xe. Người ta vào đây là để ăn cho mau, cho ấm cái bụng trống không rồi đi làm việc ngay với cái ngày cần lao của người ta bắt đầu từ lúc còn tối đất. Xuân phải lấy đêm làm ngày theo với nghề sống của mình, đến đây húp một bát cháo nóng để rồi về đi ngủ. Chàng thấy mệt lắm, chán lắm, xương thịt buồn như người nghiện thiếu a phiện. Nếu bây giờ ăn xong, lần về đến nhà mà giấc ngủ lại chưa đến cho thì Xuân tin sẽ phải khổ sở vật vả nhiều lắm. Đã có bao nhiêu người rất khôn ngoan, không bao giờ dám điên đại lấy một phút, vụt trở nên phạm nhân, tiêu tiền một cách kiêu ác, đập phá đồ đạc và đến cả những cuộc đời chung quanh, chỉ vì lúc bấy giờ, họ đã cầu nguyện mãi một giấc ngủ không chịu đến cho đúng lúc.

Trời đêm nay đôi tiết, mọi vật trở nên khô cứng, co lại. ở góc buồng riêng của Xuân, có một cây đàn đứt dây. Sợi dây ruột mèo đứt đánh bộp một cái. Tiếp cái tiếng khô ngắn rã rời ấy là một hồi tiếng vang của chùm kim thanh yếu ớt rỉ rên rung trong thùng đàn khô nỏ. Lòng Xuân cũng se lại vì cái âm hưởng tượng trưng ấy. Thương cây đàn đã mấy bữa bỏ quên không đánh đến, quên không nói dây những lúc cây đàn được vô sự. Xuân vặn trái lại những trục đàn, đánh chùng lữ dây xuống. Trục đàn không có dầu trơn, gắt rít lên. Nhẹ nhàng chải dây đàn, vuốt sợi tơ, Xuân chợt nhớ đến một mẩu chuyện được nghe đã lâu lắm ở một nơi hòa nhạc. Là cái ông Hoàng Ngũ Đại ấy, ở Huế, những ngày phải lên trên Tân Lăng trông nom lăng tẩm và sửa sang những chỗ vôi gạch nứt mẻ, biết sẽ phải vắng khỏi phủ mình lâu ngày, trước khi đi, bao giờ tự mình cũng lấy cái áo lụa xanh năm thân đột chỉ trúng rận của Đức ông đem đắp phủ lên cây đàn cho khỏi có bụi bám vào dây và cho sợi tơ đỡ ải. Họ kêu là ông Hoàng ấy ủ đàn.

Đàn đứt mất cái dây đại, Xuân lầm bầm: "Đứt vào quãng giữa thế này thì nổi sao được nữa. Thế là lại mất hai đồng bạc mua sợi khác. Mà bây giờ là ngày cuối cùng tháng".

\*  
\* \*

Khách sạn trên Quán Ngựa đêm hôm thứ bảy này lại đông như lệ thường. Đám nhạc

công phải đàn luôn tay. Họ là sáu người. Một người Tây lai, một người Phi Luật Tân, một người Tàu và hai người nữa cùng một quốc tịch với Xuân. Xuân xử cây đàn contrebasse mà anh em thường gọi đùa là cây đàn bò.

Đám người giàu có ngồi ở dưới kia phần nhiều là người ngoại quốc dắt nhau tới tiệm Bagatelle để thỏa mãn ít nhiều nhục dục. Một cặp vợ chồng già uống rượu để tiếc đời. Một cặp nhân tình trẻ muốn say sưa để mà càng thương xuân. Giữa hai món ăn, họ nhảy. Bọn Xuân, theo bài khiêu vũ phải đàn liền thoảng lên cho những người ấy tìm thấy được vui trong lòng. Bọn Xuân, như một cái máy thụ động, cứ việc ngồi đấy ôm lấy nhạc khí mà đàn, đàn cho đến sáng hừng. Bao giờ những vị thực khách kia đã mỏi, nghỉ, thì đám nhạc công cũng mới được quyền mỏi mệt. Đám nhạc công thực tình nhiều buổi đã muốn phản kháng lại, không muốn bấm phím nữa, không muốn ngâm cái đầu dăm kèn, không muốn hoa cây vĩ lên nữa. Tại họ đã ngấy những thanh âm quen thuộc ngày ngày của khúc loạn tấu rồi.

Xuân cảm thấy cái đời nhạc công của mình ở một khách sạn khiêu vũ, không những là vô vị mà còn nhục nhã là khác nữa. Tấu nhạc trong hoàn cảnh này đã hết là một cái thú thanh cao âm thầm của tâm hồn. Ra từ trước tới giờ Xuân chỉ là một kẻ a tòng vô tình giúp một tay vào những trò kiêu sa dâm ác của một đám người thừa ăn mặc, tìm nhau ở đây để ăn một bữa cơm đắt tiền, mượn tiếng đàn để làm tiêu một cuộc no say hãnh diện và trai gái ấy đã mượn luôn âm nhạc để cho nhau chút ảo tưởng của tình ái mà mặt thực thì chỉ là những thú tính thô kệch. Ra Xuân đã hoa mãi một cây vĩ, tòng đảng chạy theo những cái ô trọc, trong lúc xuẩn động ấy đã gây nên bao nhiêu ồn ào và đổ vỡ. Chàng buồn rầu hơn nữa, khi nhận thấy từ trước tới giờ, chưa bao giờ mình là nghệ sĩ, tuy đã sáu bảy năm nay, đêm nào mình cũng đánh đàn. Đánh đàn để làm vui cho thiên hạ. Và trong lúc ấy thì mình quên lãng hẳn cái lòng mình. Người ta thường bảo rằng nghệ sĩ là một kẻ chứa ích kỷ và tính vị kỷ ấy đã là nguyên tắc của bao nhiêu tác phẩm lớn. Nhưng bấy lâu nay Xuân đã duy tha quá. Xuân chỉ biết có người chung quanh. Chàng đã chạy theo thiên hạ mà hòa nhạc, chàng đã ca ngợi những cái vui buồn tầm thường ở cạnh mình. Cái công chúng múa may quay cuồng ở dưới sàn nhảy Bagatelle kia, là những người đang vui, đang buồn, đang nhớ nhung, đang thương tiếc, đang sung sướng. Mỗi người có một tâm cảnh. Họ trúng số, họ nhớ nhà, họ muốn khóc vợ, họ đánh mất tình nhân, họ đều mượn đến tiếng đàn của bọn Xuân để biểu lộ thêm cái tâm trạng họ. Hình như họ cần phải kêu to lên cho rõ cái vui buồn ở lòng họ. ừ, thế này thì đáng giận thực. Đời bắt Xuân sinh ra cầm một cây vĩ thì cây vĩ ấy tưởng chỉ phải hoa lên để diễn tả những điều u ẩn của lòng Xuân thôi, chứ sao chàng lại đi ca ngợi những thất tình của thiên hạ. Xuân nhận thấy mình, từ trước đến nay, đối với thiên hạ thì hậu quá mà đối với riêng mình thì đã quá bạc bẽo.

Tiếng đàn đang trí của Xuân vấp đến khổ này là bốn lần tái phạm, nắc mạnh lên một cái. Anh em cùng ngồi cử nhạc, thấy Xuân lỗi điệu, đưa mắt nhìn cho bạn, lấy chân đá vào giày bạn để nhắc Xuân uốn vĩ theo vào nhạc luật bởi vì bản đàn đang vào khổ dồn và dưới kia khách khứa nhảy đang hứng. Xuân càng lạc hết cả cung bậc. Mắt chàng hoa lên.

Giữa lúc ấy, có người ném mạnh cái đĩa gạt tàn thuốc lá rơi thõm vào bụng Xuân.

- Ê, lũ nhạc công, đàn địch lỗi gì thế hử? Bay cho tai bọn tao là tai trâu cả sao!

Bà đầm cùng nhảy với người to lớn vừa nói câu ấy và có lẽ là vừa ném cái gạt tàn thuốc lá ấy, cũng bĩu môi ra cười.

Xuân chống đàn xuống sàn đứng thẳng mình dậy, tay cầm ngang cây vĩ như một người dừng sĩ hoành ngang cây giáo để nghênh địch, mắt lừ lừ thử thách. Chàng giận quá không nói được ra tiếng. Bọn Xuân lại hòa nhạc tiếp, bởi vì ông chủ tiệm Bagatelle đã khéo khu xử đôi bên.

Lúc nghỉ tay đàn, có một người ôm yếu, rụt rè đến gần bọn Xuân, để một đồng bạc giấy vào lòng đĩa.

- Tôi xin mấy anh bản đàn Con sông Danube xanh.

Dưới sàn nhảy người ta lại tái cuộc.

Bọn Xuân đánh bản đàn Con sông Danube xanh hay như chưa bao giờ được thế! Bởi vì cả bọn Xuân đều lấy làm thương người khách lẻ loi kia bởi vì cả bọn đều có thiện cảm với người khách chơi ốm yếu kia vừa rón rén lên để một đồng bạc vào lòng đĩa với tất cả cái chân thành của một khách yên hoa nghèo và có giáo dục. Bọn Xuân không rõ tên và địa vị người khách cứ hôm nào đến cũng chỉ xin có bài đàn đó. Họ chỉ biết trước kia, vị khách đó ăn mặc sang hơn bây giờ và hay đi với một người đàn bà dong dong, tóc tợ màu da đồng. Nàng đẹp lắm. Mê nàng, bao nhiêu người nhảy đầm. Bây giờ, người đàn bà ấy, có đến mấy tháng không lui tới tiệm này. Và vị khách kia, muốn trung thành với kỷ niệm ngày vui cũ, cứ cách một đêm lại tha cái thân hình cô độc lên đây, người trông bạc nhược hơn trước, quần áo nhàu nát hơn trước và uống rượu thì chỉ dám uống cầm chừng và chỉ chọn những thứ nào rẻ tiền nhất. Hôm đầu, người khách đó ngập ngừng đặt đồng bạc vào tay anh Khương đánh chũm chọe và nói như khóc: Con sông Danube xanh đã là một cái ám ảnh trong đời tôi. Các anh vui lòng cầm tạm lấy chỗ này. Tôi giờ không đủ tư cách để mời các anh uống rượu. Mỗi vị một tuần! Phải long trọng được như thế thì mới xứng đáng phải không các anh nhỉ!".

Dứt bản đàn Con sông Danube xanh, có một người to béo khác thích quá vỗ tay hô ầm lên, chạy lên cái bệ âm nhạc, nói bô bô:

- Nay, đám nhạc công, ta đãi mấy người một tuần rượu.

Đến lượt Xuân, Xuân lắc đầu, không uống rượu mời của người to béo ấy. Chàng chỉ bảo bồi rót cho mình một cốc nước lọc. Giá như mọi hôm thì dù có không uống, chàng cũng cứ bảo bồi lấy cho mình những thứ rượu đắt tiền. Tội gì, có người dừng mớ trả tiền mà lại không phá và làm lợi cho lão chủ một chút. Nhưng đêm nay, Xuân chán và bức lắm rồi!

Cái người to béo ấy đùa mấy câu thô tục xúc phạm đến lòng tự ái Xuân, Xuân cảm luôn cả cốc nước đá hắt vào bộ quần phục của y.

Đêm thứ bảy ấy, mới có một giờ khuya, mà Xuân đã được về nhà, bởi vì đêm ấy cũng là đêm cuối cùng của Xuân tấu nhạc, tại tiệm Bagatelle. Chàng đã xin thôi việc ngay sau lúc ồn ào đó và nếu không thôi thì chủ khách sạn cũng chẳng nhận chàng nữa. Đêm ấy trời ngả nồm, Xuân về đến nhà, trần trọc mãi. Trời nồm, dăm bảy con gián gập ánh sáng đèn, bay vung lên, cánh lướt qua mấy cây đàn không phủ túi lụa, dây đàn vang rung lên rồi nhạt dần thanh âm trong cái buồn tênh của một đêm nhạc công vừa giải nghệ...

\*

\* \*

Cứ này Xuân không phải làm việc đêm, đâm ra ngủ cả ngày lẫn đêm, cửa đóng kín mít, phần âm phần dương thành ra lẫn hết. Những lúc Xuân chợt mở mắt, chợt nhớ đến cái cử chỉ của người khách thô bỉ hôm nọ đã làm chàng nổi phần bỏ nghề. Xuân lại nhớ đến những lúc mình lĩnh lương, rủ anh em đi hát ban ngày ở xóm. Xuân cũng đã hành hạ mấy người kếp đàn đáy những lúc họ nhớ đàn thiếu một khổ để che chở cho một cô đào hát xóc phách non tay. Xuân cũng đã làm tình làm tội họ, những khi họ mệt không ra công đàn lồi đàn khuôn; những sợi dây đại ấy nắn mệt lắm và đau đầu ngón tay lắm... Bây giờ suy bụng mình chàng mới thấu rõ đến lòng họ lúc ấy... Chàng ghêch lên cây đàn ở đầu giường và lấy làm chán cho cái nghề đánh đàn làm vui cho thiên hạ. Chàng vươn vai, tay khoa phải đàn, chiếc đàn rớt xuống sàn tưởng tan vỡ ra ngay được. Mọi khi, đàn rơi như thế, Xuân đã xuýt xoa nhiều. Nhưng bây giờ chàng mặc cho đàn rơi không cần biết đến cái đồ vỡ ấy... Xuân vốn ít Nho học, chàng chỉ nhớ mang máng cái truyện ông gì ngày xưa đem chẻ cây đàn vì cái ông gì ấy - người tri kỷ thâm âm mình - đã chết đi. Giá lúc này, tìm lại được cái anh bạn kể chuyện ấy mà hỏi cho ra mấy cái tên người xưa thì thú biết chừng nào.

Ngủ đã nhiều quá, mắt hùm hụp, Xuân hôm ấy cần phải ra đường đổi không khí. Lâu nay cứ ngày ngủ, đêm thức, mặt chàng bọt ra như người thiếu máu. Soi gương, Xuân thấy mặt mình còn thiếu cả ánh sáng nữa. Thấy một người mù thối sáo cọt để bán lạc rang cho mau hết hàng, Xuân bức mình quá, đòi lại đồng xu đã đặt vào lòng bàn tay đứa trẻ đeo thùng lạc. Mua tờ báo, xem thấy cái tin Nhà nước cấm các tiệm nháy đèn không cho khiêu vũ nữa, Xuân nở một nụ cười.

"- Cũng là hay. Bây giờ mọi người nhạc công sẽ thất nghiệp, sẽ không phải đàn cho thiên hạ nữa. Họ sẽ đủ thời giờ để đàn riêng cho lòng mình nghe thôi. Và anh em đều có thể cùng trở nên nhạc sĩ cả, nếu biết lựa phím mà tìm thấy chính cái vui buồn riêng tây của lòng mình".



## Con sư tử một năm Quý Sửu

Họ là bốn người hình thù kỳ quái, ngồi bên một chậu tiết đánh đúng đỏ như son, trong một căn nhà lá ở Ô Đông Mác, một buổi sớm tết Trung nguyên.

Cái làng chơi sư tử giấy rằm tháng tám ở đất Bắc vào đời hai vua Thành Thái và Duy Tân vốn đã quen với bốn cái tên ngộ nghĩnh của bốn vị tay chơi này. ấy là Ngò Béo, Vạng Sài Goòng, Trường Lữ và Sường Sáu Ngón.

Nhân vào kỳ tết rằm tháng Bảy, Ngò Béo cho họp mấy bạn đồng chí lại để dự định việc làm đầu sư tử và tổ chức đám rước vào ngày Trung Thu chỉ còn trong có một tháng nữa thôi.

Ngò Béo là người không có học, tính ngổ ngược, lực khỏe lắm và đã từng ghi tên tuổi mình vào xã hội hỗn loạn thời ấy bằng một huyền sử đem về từ một cái bãi lau sậy lịch sử đất Hưng Yên. ấy là người đồng thời nói thể và cũng chưa từng thấy Ngò Béo cải chính một lần nào. Trong cái đời Ngò Béo, nhất sinh, kẻ thất phu ấy chỉ lấy việc múa sư tử làm một điều khoái hoạt nhất. Đời sống của Ngò Béo, cả một năm hình như chỉ có một ngày rằm tháng tám là đáng kể. Y đã nói rằng "Nếu đức Thánh Tản Viên có hạ sơn mà cho em một cuốn sách ước thì em chỉ ước rằng đời em ngày nào cũng được là một ngày tết Trung Thu. Tết Trung Thu, họp thành đảng đi múa sư tử, đánh trống trận, bật hồng, cướp cờ và đớp bánh nướng, thú lắm các chú ạ".

Ngò Béo có một người vợ chuyên làm nghề bán thịt ở cửa ô. Thấy người đàn bà đồ tể ấy, chọc tiết lợn, cạo lông lợn và những lúc liếc lưỡi dao bầu vào cán cân sắt tiếng nghe rít rít mau mau như tiếng mảnh vỡ chai cạo ống giang, nhiều nhà hàng xóm lấy làm rờn rợn ở trong lòng mình, ở đằng sau gáy mình. Họ phỏng đoán trước đến những cuộc xô xát giữa vợ chồng Ngò Béo. Có một lần, người chồng bạo thiên nghịch địa ấy, một buổi say rượu, đã muốn đem vợ ra để làm sinh vật tế cờ. Ngò Béo bắt luôn con dao bầu sáng nhoáng của người vợ lẳng lơ đang cầm ở tay vừa tuột xuống vì bàn tay nhầy nhụa những mỡ. Vợ Ngò Béo tránh miếng đoán dao, thuận tay vớ được chai rượu, ghè mạnh dít chai vào thành giường cho mất hẳn cái cù lao ở trên chai đi. Đường chai vỡ, lổm chổm những răng cưa sắc muột. Vợ Ngò Béo cầm lăm lăm cái khí giới bằng thủy tinh mà chuôi là một cái cổ chai, thử thách chồng: "Mày tài giỏi thì cứ vào đây với bà". Cuộc đổ máu ấy không xảy tới và sẽ không bao giờ xảy đến nữa vì hai vợ chồng Ngò Béo đã biết nhau là xứng đáng kết làm đôi bạn. Vợ chồng phục lẫn nhau đã đành mà ngay đến các "chú nó" cũng thường ca ngợi đến cái đức tính gan đảm của vợ Ngò Béo.

Cái chậu tiết hãm kia là của vợ Ngò Béo để lại cho chồng trước khi đội mẹt thịt nhà ta góp với cái nhầy nhờn của buổi chợ sớm tại cửa ô. Nàng đã bảo chồng:

- Hôm nay là ngày Tết, buổi chiều ai chả phải cúng và đón các cụ ở "dưới ấy" lên. Vậy nhà nên mời các chú ấy ăn uống vào buổi sáng. Tôi hãm tiết rồi đây. Nhà



mượn chú Trương Lữ giúp cho một tay. Tôi phải đi bán thịt chợ Tết, chứ nếu được rồi mà ở nhà thì phải biết, gái này mà đánh tiết canh thì cứ xâu lại mà treo.

Buổi sớm ấy, có bốn kẻ thất phu ngồi uống rượu với tiết canh ở cửa ô Đồng Mác. Máu đông món nhắm có màu sắc một chậu huyết ăn thề. Gọi đến việc mùa sư tử năm nay, Ngò Béo nhắc lại chuyện năm trước và trách luôn Sường Sáu Ngón:

- Chú hồng. Năm nay không cho chú chặn hậu nữa. Chặn hậu thế nào mà năm ngoái chú để cho bọn Bạch Mai nó cướp mất đầu sư tử, và để cho chú Trương Lữ bị ba nhát xẻo chém vào trán.

Trương Lữ xoạc miệng ra để nói to, làm răn rúm lại ba cái sẹo bóng phía trên lông mày.

- Mấy vết thương của em dạo ấy cũng chả có gì là đáng kể. Chơi dao thì phải có lúc đứt tay chứ. Có cái đáng phàn nàn là chúng ta đã đánh mất một cái đầu sư tử rất quý. Khởi thủy là tự tay anh Ba tôi làm ra nó. Đến đời chú tôi mùa là được bốn năm. Tôi kể nghiệp vào, vừa vặn cộng lại được là chín năm. Giá năm ngoái không bị kẻ kia cướp qua tay, năm nay ta làm một cái lễ thập chu niên cho con sư tử của bọn mình thì vẻ vang biết mấy.

Sường Sáu Ngón muốn cho anh em đừng lời mình ra mà trách móc nữa, bèn kiểm một câu chuyện làm quà với Ngò Béo.

- Các anh đều biết lão Sập Vây làm tài phú ở hiệu Đông Hưng Viên đấy chứ. Chú ấy muốn anh em mình năm nay lại lên mùa ở hiệu chú. Hôm nọ gặp em trong ngõ Sầm Công, chú có bảo đã để dành riêng một quầy thịt lợn rừng sấy Quý Châu để làm riêng mấy cân bánh nướng treo giải sư tử cho anh em mình.

- Ủ thì mùa. Bánh nướng Đông Hưng Viên ngon có thể quên nguy hiểm được đấy. Năm nay anh lại cất công từ dưới này lên tận Hàng Buồm một chuyến nữa. Chả phải vì tham mấy miếng bánh, nhưng chính là để cho những đám khác chúng nó biết rằng đây mình bất chấp đến cả chúng nó vì chúng cứ tưởng rằng giang sơn nào là của riêng anh hùng ấy. Để rồi năm nay ta thử xem cái bọn thằng Thiềm Thừ Sắt ở ô Quan Chưởng có còn giữ độc quyền nữa thôi. Nó thường bảo phố Hàng Buồm là riêng của nó, đứa nào dám đem sư tử lên đến "giang sơn" nó mà mùa thì nó cho một nhát xẻo và một manh chiếu bó xác.

- Sập Vây lúc ấy thích anh lắm. Lão bảo anh mùa hay lắm. Đến ngay bọn tùy tướng quân Cờ Đen đóng ở tỉnh Đoài, ngày xưa mùa cũng chỉ hay đến thế thôi. Lão còn khen anh về cả cái tài ăn bánh nướng nữa. Mỗi cân bánh chỉ ăn có bốn miếng. Vừa mùa vừa ăn. Đứng công kênh trên vai bốn năm người nổi lên nhau làm cái thang đã chênh vênh rồi mà anh chỉ mùa đầu sư tử đỡ có một tay, còn một tay thì thò từ trong mồm sư tử ra giật bánh giải mỗi cái vừa một miếng ngòm ngòm.

Ngò Béo cười khi khi một hồi, xong rồi bèn nhìn ra phía cửa mà kêu:

- Quái, sao cái tên Lương Con bây giờ chưa thấy mò tới nhỉ. Anh đã nhắc đi nhắc lại đến ba bốn lượt để hẩn nhớ ngày mà xuống rồi kia mà.

- Lương Con nào? - Vạng Sài Goòng hỏi.

- À, một đàn em. Con một ông Đồ! Thế mới thú chứ. Có chú Vạng đây chưa biết đến hẩn đấy nhỉ. Để anh kể chuyện cho mà nghe. Nguyên ông cụ để ra chú Lương Con là một người đi thi mãi mà không đỗ. Ông bèn theo lũ cháu sang Hà Nội ở luôn ở Hàng Bạc với những người làng làm nghề vàng bạc. Chín phần mười những người Hàng Bạc là thuộc về phường Châu Khê tỉnh Hải Dương cả đấy chứ. Ông ta bây giờ ngồi viết chữ cho những người thợ chạm khắc vào vàng bạc và gần ngày Tết thì mang chậu mực và cây mực ra đình Hai Ông Tướng Hàng Bạc mà viết câu đối thuê. Một ông bố hiền lành như thế mà lại để phải một ông con chỉ thích múa gậy và nhảy đá bì cát. Lương Con hay xuống đây học võ, thụ nghiệp cụ Cử Miên, tập chuyên lắm nhé. Có ý làm đàn em, năm nay làm đầu sư tử cũng đỡ được một khoản giấy bản. Ý có khoe rằng Cụ Đồ Châu Khê có những mấy chục chồng sách nho tẩn vào mấy cái níp sơn đỏ cứ chắc cứng lại. Chỗ ấy mà đem ra dùng thì có bồi đến một chục cái đầu sư tử đại mới hết được giấy bản... Năm nay có bồi, ta cho bồi độ mười lăm lượt giấy. Khí nặng một tí nhưng tha hồ cho xềng cuốc chém xuống.

Gần tàn tiệc, Lương Con mới tới. Để trả lời một câu hỏi bằng mắt xếch của Ngò Béo, chàng buồn rầu nói rất khẽ:

- Ngày mai mới có dịp đưa xuống được. Em rình cả đêm hôm qua, cả sớm nay mà vẫn không cạy được mấy cái níp sách.

Ngày mai, đúng hẹn, Lương Con đưa xuống nhà Ngò Béo có đến hai bồ con sách chữ Nho.

Đã sẵn cái cốt gỗ đầu sư tử mượn từ đâu và đưa về từ bao giờ, bọn Ngò Béo xoay tròn ra bắt đầu bồi đầu sư tử để kịp chơi rằm tháng sau.

Họ tháo sách, để riêng ruột sách ra một tập và bìa phết cây ra một tập. Họ bỏ bìa cây ngâm vào những nồi nước và sau khi bìa đã sưng nước thì đem bỏ vào cối mà giã như giã giò. Những nắm bột giấy lẫn chất cây nâu nâu ấy, họ dùng để đắp mũi, đắp gò má và mi mắt và sừng sư tử.

Người ta gỡ những tờ giấy bản ruột sách, căng phẳng ra và đắp lên cốt gỗ một lượt lại một lượt. Dưới sức thấm tẩm của làn hồ vữa, những chữ son, những chấm son chấm câu đã hết cả tươi thắm và xạm mãi màu xuống. Hôm cái đầu sư tử thành hình đắp bồi thì cái mùi thơm của những cuốn sách chữ Nho của Ông Đồ Châu Khê đã là một cái mùi ung ung như mùi gỗ ngâm nước bùn. Tháng bảy hay mưa dầm, khí trời lại nồm, mùi ung ung ấy càng bốc mãi.

Đây là cái kết quả mười năm đèn sách của Ông Đồ Châu Khê. Bao nhiêu công phu của Ông Đồ Châu Khê ngồi gầy lưng chấm câu cho mấy bộ Kinh giờ chỉ còn là thế.

Trong cái đầu sư tử giấy, có cả một bộ Kinh Thi, một bộ Kinh Thư, một Kinh Lễ, một Kinh Dịch, thêm một tập thơ của Ông Đồ những lúc than thân, những lúc than thời. Cái thời của Ông Đồ Châu Khê đã hết từ năm ngoái kia rồi, nghĩa là năm Nhâm Tý, Nhà nước mở một khoa thi cuối cùng cho người theo chữ Hán. Năm Nhâm Tý khoa thi cuối cùng, Ông Đồ Châu Khê cũng lại bay. Và năm nay là năm Quý Sửu, Ông Đồ ấy vẫn chỉ là một Ông Đồ ngồi ăn ốc trông giảng ở một cái gác tầu mã phố Hàng Bạc, với một ông bạn già cũng lỗi giờ sinh như mình.

Đêm rằm tháng tám ấy, trước khi vào tiệc rượu thưởng giảng - có rượu cất hương sen Hồ Tây, có ốc gác mỡ hóng bếp, có xôi vùng nén - Ông Đồ Châu Khê pha một ấm chè hạt, nước sôi đun bằng những mấu vầu chẻ lạt bẻ khuôn vàng còn thừa lại, tàn than trắng xộp như bông. Để thi vị hóa cảnh mình thanh bạch, Ông Đồ gọi chè hột là chè từng viên - hột từng! và cái than hoa loài tre kia là than bạch tuyết. Ông nhìn trắng và tự nhủ rằng đem than bạch tuyết mà nấu chè từng viên thì còn gì thơm ngon bằng. Phường Châu Khê, người Hàng Bạc, xưa nay vốn lại có tiếng là pha chè hạt rất ngon.

Ngoài đường phố có tiếng ồn ào của những đám rước sư tử diễu qua và tiếng trống, thanh la vọng mãi vào cái gác sâu này.

Ông Đồ Châu Khê, vẫn chưa biết là Lương Con, con mình đã rút mất mấy phần ruột sách quý của mình, bèn chỉ mấy cái sách sơn son cũ màu, nói với người bạn già bằng một giọng cảm khái:

- Chữ Nho bây giờ hết thời rồi. Sách thánh hiền bây giờ chỉ còn là đám giấy loại. Mỗi vụ Trung Thu, bọn làm đầu sư tử phá hại không biết bao nhiêu là sách của cổ nhân. Một cái hội loạn Văn Thân, bọn ta đã bị cái nạn ấy rồi. Bao nhiêu sách giấy bản là đem ra làm áo giáp hết... Bác không tin lời tôi nói thì hôm nào thử lấy một mũi mác đâm xem có thể thấu qua được một cuốn Tính Lý này không. Hết làm áo giáp trấn thủ đỡ mũi nhọn đánh nhau lại đến làm cốt bòi đầu sư tử múa chơi, cái công tiền nhân đeo một cái bô "Kính tích tự chỉ" sau lưng những lúc lượm giấy rơi ngoài đường, nghĩ mà lại tiếc quá bác ạ.

May mà tôi còn giữ lại được hết cả ở trong kia.

Cụ tự đắc, nhấp chén cười khà.

Cũng một đêm rằm ấy, vào cùng một cái giờ cảm khái của Ông Đồ Châu Khê, ở phố Hàng Buồm, có một đám múa sư tử to quá, đang đòi ăn giải thưởng.

Nhiều tay anh chị quen, búi tóc giấu trong một vuông nhiễu xanh trông như đức Thánh Quan, cũng nghỉ một buổi xe cao su con bộ ngựa; phụ vào đám rước Ngõ Béo để trợ lực lúc động dụng.

Ở trước con sư tử do Ngõ Béo múa rất dịu dàng, Lương Con đánh côn, múa ngọc để dư con thú càng quay cuồng nhiều. Trông Lương Con không ai ngờ đấy lại là con

một ông Đồ. ở trán chàng có một cái sỉ mẩu gắn kính, ở ngực chàng có một cái thần hồng bằng nhiều điều, ở bắp chân chàng có một đôi xà cạp vằn hổ rất ăn với đôi giày Tàu điểm một quả bông hỏa diệm sơn. Lương Con thỉnh thoảng lại cho bắt hồng, ngâm một ngụm dầu tây phun vào búi giẻ cháy nơi đầu que sắt. Lửa bùng lên, soi sáng con sư tử, soi rõ vào mặt Lương Con mồ hôi chảy ròng ròng. Chàng hét, chàng lộn. Tiếng trống và thanh la lúc thưa lúc mau làm cho mọi người đều say với cái đầu sư tử râu bạc phơ phơ. Nhưng mọi người đều lăm lét nhìn nhau khi hai cái xe bò kia đã đun từ cuối đám rước lên đến gần chỗ múa. Một xe bò toàn chiều cỡi. Một xe bò toàn xềng bóng nhoáng. Và đuốc nứa. Và đuốc giẻ tẩm dầu.

Nhiều người nghĩ trước đến lúc hai đám du côn cướp đầu sư tử của nhau và chém nhau bằng xềng và liềm tử thi nhau bằng chiếu, nhiều người tự hỏi xem có nên bỏ dở cuộc vui mà về ngay bây giờ hay không.

## Phở (tùy bút)

Trong muôn vàn thực tế phong phú của nhân dân Việt-Nam, có một cái thực tế mà hàng ngày ít ai nỡ tách rời nó, tức là cái thực tế phở. Cái thực tế phở ấy lồng vào trong những cái thực tế vĩ đại của dân tộc.

Xứ Phần Lan rừng thông trùng trùng xanh ngắt, nước hồ biếc biếc, phụ nữ da trắng một màu tượng tuyết, gái trai quần áo len ngũ sắc người nào cũng như nai nịt sắp biểu diễn diên kinh. Minh thành ra lạc lõng vào một thế giới vật chất nó sạch sẽ quá, sạch đến cái mức tạo cho tôi một thứ nghi ngờ nơi đây là một ấn tượng giả tạo Cảnh và người Hen-xanh-ky, ví phỏng đây đó lem nhem đi ít chút, có lẽ tôi dễ thân gần hơn. Chúng tôi ở đây mười ngày, mỗi ngày họp trà tiền ăn mỗi người là sáu đồng đô la, nó là cái tiêu chuẩn đã khá cao của đoàn đại biểu ta đi hoạt động quốc tế. Mỗi ngày ăn ba bữa, khẩu phần thừa thãi bỏ béo; nghi thức lúc ăn thật là trang trọng: đồ sứ, pha lê, khăn bàn trắng muốt, quanh bàn ăn chốc chốc lại cử nhạc, những chị đưa món ăn trông đẹp như rượu rót trong các truyện thần thoại phương Bắc này. Tôi hào hứng làm việc liên liên ở Đại hội Hòa bình thế giới, cơ thể nhịp đều, tâm trí có nhiều sáng kiến. Nhưng ăn uống sao không thấy ngon. Người ta thường nói rằng những bậc vĩ nhân hoặc hiền giả có chí lớn chỉ biết có sự nghiệp mà rất coi nhẹ miếng ăn. Nhưng trường hợp tôi kể ra đây chỉ là cái trường hợp thông thường của một con người bình thường thôi.

Chúng tôi là mấy anh em trong đoàn đi, mỗi người một công tác chuyên môn, nhưng đều cùng đã gian khổ với nhau trong kháng chiến và cũng là người Hà nội cả. Quanh hồ khu Ô-ta-ni-ê-mi, chúng tôi ngồi dưới rừng thông xanh phân tích với nhau xem tại sao lòng dạ mấy người đang thấy nhớ thương một cái gì xa xôi lắm. Từ hôm xách va ly ra tàu qua nước này nước khác, thế là mấy tháng rồi; ở nhà đã hoàn thành tiếp quản Hải phòng rồi, đất đai miền Bắc giải phóng toàn bộ rồi... Nhưng mà chúng tôi đã kéo cuộc nhân đàm xoáy vào chuyện ẩm thực và muốn giúp đỡ nhau tìm hiểu vì đâu mà lâu nay ăn uống kém ngon. Có người bèn chỉ tay thẳng

xuống nền cỏ bờ hồ Phần Lan, buông thông một câu: "Bây giờ có ngay một gánh phở đồ bên bờ hồ này, thì tớ đã luôn sáu bát!". Tất cả đều reo lên. Thì ra gần đây chúng tôi héo hắt đi, vì xa đất nước, khẩu vị lạc điệu, thấy nhớ nhà nhớ nước, trong cái nhớ nhà nhớ đất nước, có cả một sự nhớ ăn phở nữa. Hình ảnh bát phở quê hương đưa ra lúc ấy giải quyết đúng vào thắc mắc chung của mấy người. Tất cả đều thi nhau đề cao những đức tính của phở dân tộc. Dưới đây liên tiếp những mẫu chuyện góp về một bát phở, về một miếng ăn kỳ diệu của tất cả những người Việt-nam chân chính.

- Nay, các cậu có thấy món ăn ở Phần lan có nhiều cái rất kỳ quặc không. Thịt bò rán, lại phiết mút công-phi chua ngọt sất lên trên. Cam chanh lại ăn kèm với cá gỏi. Cơm lại ướp vào tú nước đá, mình thấy đĩa cơm có khói, lúc ăn buốt đến chân răng. Nghệ thuật ẩm thực tôi gọi tên là lối nấu nướng của trường phái lập thể. Cho nên tôi càng thấy cần phải trở về với món quà cổ điển rất tính chất dân tộc của ta, tức là phở.

- Phở còn là một món ăn rất nhiều quần chúng tính. Ông muốn ăn phở ngồi hay đứng lù lù ra giữa hiệu mà ăn cũng không ai nói, ăn ngồi ăn đứng tùy thích. Phở là món ăn bình dân. Công nông binh trí, các tầng lớp nhân dân lao động, thành thị, nông thôn, không mấy ai là không biết ăn phở. Người công dân Việt-nam khi còn ẵm ngửa, cũng nhiều vị đã nếm phở rồi; chỉ có khác người lớn là cái bát phở của tuổi ấu trĩ chưa biết đau khổ ấy chưa cần phức tạp, không cần hành hăng, chanh chua, ớt cay. Con nhà nghèo, nhiều khi lại không cần cả thịt nữa, mà căn bản phở nhi đồng vẫn là bánh và nước dùng thôi.

- Phở ăn bất cứ vào giờ nào cũng đều thấy trôi cả. Sớm, trưa, chiều, tối, khuya, lúc nào cũng ăn được. Trong một ngày ăn thêm một bát phở, cũng như lúc trò chuyện ăn giọng nhau mà pha thêm một ấm trà, cùng thưởng thức với bạn bè. Hình như không ai nở từ chối một người quen rủ đi ăn phở. Phở giúp cho người thanh bạch đủ điều kiện biểu hiện lòng thành theo với bầu bạn nó hợp với cái túi nhỏ của mình. Phở còn tài tình ở cái chỗ là mùa nào ăn cũng thấy có nghĩa thâm thúy. Mùa nắng, ăn một bát, ra mồ hôi, gặp cơn gió nhẹ chạy qua mặt qua lưng, thấy như giời quạt cho mình. Mùa đông lạnh, ăn bát phở nóng, đôi môi tái nhợt chột thắm tươi lại. Trong một ngày mùa đông của người nghèo, bát phở có giá trị như một tấm áo kếp mặc thêm lên người. Đêm đông, có người ăn phở xong, tự coi như vừa nuốt được cả một cái chăn bông và tin rằng có thể ngủ yên đến sáng, để mai đi làm khoẻ. Dùng những hình ảnh bình dị để nói lên mùa đông ở Việt-nam, tôi cho không gì nên thơ bằng cái hình ảnh một bếp lửa hàng phở bên ô tô nhiều hành khách quây quanh chờ đợi bát mình, vai rút xuống một tí, người nhún nhảy như trẻ em đang thú đời. Tết, nhà ai cũng bánh chưng, cá kho, thịt đông, nhưng vẫn rất đông người tình cờ mừng tuổi nhau ở những hiệu phở khai trương từ mừng hai Tết.

- Vì hay la cà với phở, mà tiếng nói của tôi được chính xác và giàu có thêm lên. Trước kia tôi cứ tưởng chữ "xương xẩu" là một tiếng đôi, và chữ xẩu chỉ là một tiếng đệm. Ông hàng phở đã làm cho từ ngữ tôi hôm ấy thêm lên một danh từ. Xẩu



khác với xương, dùng để chỉ những cái đầu xương phở có dính thịt và gân róc chưa hết. Tôi đã thấy những người phu xe kéo vào hiệu phở gọi một chén rượu với một bát xầu. Tôi còn được nghe một ông phở khác nói đến mỡ gầu, cái tảng thịt dất mỡ quý giá nó không béo quá, mà lại quánh như sáp, ròn và mềm ấy mà gọi là một cánh gầu; và lúc cầm vào cân thịt tái, thịt tươi còn nhảy lên dưới làn dao, mà gọi là một quả thăn. Trong tiểu thuyết Việt-nam trước đây, nhớ người ta có viết cái truyện "Anh hàng phở lấy vợ cô đầu". Tôi còn được nghe một cô điểm ngày xưa ví von than đời tàn "đời hồi này như một gánh phở bánh trưng mỡ nguội đóng váng". Phở nguội tanh thật là buồn hơn cả cái sự đời cô gái thập thành bị ma cô lừa bỏ. Chữ nghĩa của ta hay thật! Người ta bảo chữ phở là xuất xứ từ chữ "ngưu nhục phấn", và ta đã Việt-nam hóa chữ phấn thành ra chữ phở. Chữ phở nguyên là một danh từ, còn chuyển thành một hình dung từ: cái mũ phở. Chữ nghĩa của ta hay thật !

- Đồ biết thế nào là mũ phở? Lại cứ phải dựng chân dung những người bán phở gánh chân chính ngày xưa thì mới tìm nguyên ra được. Những người bán phở gánh xưa kia có người đỗ ở đầu phố này, hoặc giữa phố nọ, hoặc ở tít trong cùng một cái ngõ cụt, mỗi người một "giang sơn nào, anh hùng ấy", người mua quen mặt người bán, và người bán thuộc cả thói quen và sở thích người ăn trong phố. Những anh hàng phở "hùng cứ một phương" này lại còn thuộc cả nhân số từng bộ khẩu và ngày giỗ tết trong từng gia đình khách hàng quen của mình. Họ thường là những người làm ăn chân thật, hay mặc một cái áo vảnh tơ vải vàng hoặc dạ màu cút ngựa của ông binh khó đỡ thải ra, trên đầu là một cái mũ cát mắt cả núm chòm, và nhất là hay đội những cái mũ dạ méo mó đã mất cả băng hoặc rách cả bo. Những cái mũ này đặt lên đầu người nào cũng không chỉnh, mà hình như chỉ đặt lên đầu những bác phở gánh là có một ý nghĩa. Không những thế, cái mũ phở ấy, còn là một dấu hiệu tập hợp, một cái hình thức gây tin nhiệm nữa. Những con người đội mũ rách ấy thường là người làm phở ngon, nếu không ngon thì chỉ ít cũng phải là ăn được. Phở gánh với ông đội mũ phở nay thấy hiếm, chỉ còn phở xe, phở hình tàu thủy có ống khói phở, phở quán, phở hiệu. Đồ chơi trẻ con ngày xưa làm bằng sắt tây sơn màu, ở phố Hàng-Thiếc, có ghi lại cái dáng ông phở gánh, bánh xe đồ chơi càng chuyển càng cử động cái cánh tay cầm dao nhắc lên thái xuống.

- Phở cũng có những quy luật của nó. Như tên các hàng phở, hiệu phở. Tên người bán phở thường chỉ dùng một tiếng, lấy ngay cái tên cúng cơm người chủ hoặc tên con mà đặt làm tên gánh, tên hiệu, ví dụ phở Phúc, phở Lộc, phở Thọ, phở Trường ca, phở Tư... Có khi một cái tên thật nguyên trên thân thể người bán phở được cảm tình quần chúng thân mật nhắc lại thành một cái tên hiệu: phở Gù, phở Lấp, phở Sút... Cái khuyết điểm trên hình thù ấy đã chuyển thành một cái uy tín trong nghề bán miếng chín mà lưu danh một thời trên cửa miệng những người sành. Quần chúng nhân dân, nhất là nhân dân Hà-nội có nhiều sáng kiến để đặt tên cho những người họ yêu tin. Anh hàng phở ấy hãy đứng ở đâu bán hàng, họ lấy luôn cái địa điểm ấy mà gọi thành tên người Bác phở Nhà thương, ông phở Đầu ghi, anh phở Bến tàu điện, anh phở Gầm cầu... Có khi lấy một vài nét đặc thù trong cách phục sức mà gọi. Cái mũ tàu bay trên đầu ông bán phở thời Tây xưa, đã thành cái tên một người bán phở trừ danh của thủ đô sau này. Có lẽ vì gần với quần chúng trung lưu



và người nghèo, nên cũng như "ông chủ" hiệu hớt tóc, hiệu cà phê, tên anh hàng phở cũng chỉ có một tiếng gọn gàng. Tôi chưa hề thấy ông bà hàng phở nào nổi tiếng trong nghề mà tên lại dài lê thê, chẳng hạn như phở Tôn thất Khoa gì gì, hoặc phở Trần thị Kim Anh gì gì đó. Cái tên càng độc âm ngắn cộc, càng đáng cho người mua tin cậy; cái tên một chữ, gọn như một nhát dao thái xuống miếng thịt chín. Và lại những biển hàng hiệu phở dù là giữa đất Hà-nội văn hoa mỹ tự, cũng chỉ đặt tên một cách nôm na, không kẻ những chữ huyênh hoang. Tôi chưa thấy biển hiệu phở nào mà lại đề tên một cách quá trảm bồng du dương cả. Ví phỏng có ai mở phở mà nổi máu hay chữ lên mà đề biển thì tôi không bao giờ chọn những hiệu phở có tên như "Thu Phong" "Bạch Tuyết" "Nhất chi Mai" mà vào ăn. Trong nghề phở, nó cũng có những cái nền nếp của nó.

- Nhưng khoa phở đã có những việc nó đòi phá cả những khuôn phép của nó. Theo tôi nghĩ, cái nguyên tắc cơ bản của phở là làm bằng thịt bò. Có thể có nhiều thứ thịt loài bốn chân, loài ở nước, loài bay trên trời, nó ngon hơn thịt bò, nhưng đã phở thì phải là bò. Có phải là vì muốn chống công thức mà người ta đã làm phở vịt, phở xá xíu, phở chuột? Cứ cái đà tìm tòi ấy, thì rồi sẽ có những hàng phở ốc, phở ếch, phở dê, chó, khỉ, ngựa, tôm, cá chép, bò câu, các kè... nghĩa là loạn, phở nổi loạn. Có nhẽ ngày ấy thiên hạ sẽ gọi là đi ăn một thứ phở Mỹ miếc gì đó. Trong năm đói 1945, ở đây nổi nước phở của thời đại, ở Hải phòng và Hà nội, đã có thùng phở có cả những bàn tay trẻ con: nhưng đó lại là chuyện khác.

- Lại còn phở ngẫu pín. Chắc thứ phở này chỉ những người năm bảy vợ hoặc thích léng phéng mới hay ăn. Tên thứ thịt phở này, còn gọi lại một thứ roi của bọn Tây độc ác hay đánh cu li đến thổi thịt tím xương.

- Lại còn phở gà. Muốn đổi cái hương vị chính thống của phở bò, ăn một vài lần phở gà trong đời mình cũng không sao. Nhưng có một hàng bán phở gà ở Hà nội mà nhiều người thủ đô không bằng lòng chút nào. Y bán vào buổi sớm, người xúm lại kêu ăn gặt đi không hết. Cái người bán hàng khinh khỉnh như một quý tộc đó, cũng đã khéo chọn một góc phố mang tên một bà chúa mà dọn hàng! Nói của đáng tội, gà ở đây trông ngon mắt thật. Đã có những bạn lưu dung khen ông ông hàng là nhất nghệ tinh nhất thân vinh, và khen tay ông lách vào con gà béo vàng như tay một bác sĩ khoa mổ sẽ thuộc lâu từng khớp xương thớ thịt. Cái đầu gà, cái cẳng giò gầy, cái cổ, xương mỏ ác, ông hàng thần nhiên vớt nó xuống một cái thùng, không phải để vớt đi, nhưng chắc là đã có những bọm rượu khu phố ăn giá sẵn từ trước rồi để chốc nữa đem ra nhấm nháp. Thực ra, khi mà có người ăn bát phở gà không tiếc tiền dám gọi đến cái thứ phở từ một ngàn năm trăm đồng một bát, thì bát phở ấy cũng khó mà không ngon được. Hãy đứng ở đây một buổi sớm mà xem người ta ăn phở gà. Sốt ruột đáo để. Người ăn mề gà, người ăn đùi, ăn thịt đen chứ không ăn thịt trắng nó chua, ăn lá mỡ, phao câu, ăn đầu cánh. Miếng ăn ở đây đích thị là một miếng nhục, nhục theo cái nghĩa một miếng thịt ngon hợp khẩu vị, và cũng đi theo cái nghĩa nhục nhằn túi bụi. Ở vỉa hè đường ấy, cứ nhao nhao cả lên quanh một ông hàng mặt phớt tỉnh như đế quốc Ăng lê và bán hàng rất cửa quyền, khách phải đi lầy lầy bát. Có người đã dắt sẵn từ nhà đi một củ hành tây, có người quả trứng gà...

đập trứng bỏ hành tây vào cái bát mình đã thủ sẵn và đánh dẫu vào bát, dúi dúi bát trước mặt ông hàng, cười cười, nhắc nhắc, xuýt xoa nói to nói nhỏ, cứ như là sợ cuộc đời nó quên mình, nó nhầm mình... Bên cạnh tiếng thái thịt chặt của gánh phở gà, chốc chốc có tiếng nổ xe bình bịch lái xuống tận đây ăn quả sớm, khói phở phảng phất đây lát ít mùi ét săng. Có người vừa húp vừa kể lại cái thời oanh liệt của cửa hàng này, khi còn đế quốc và bù nhìn, ô tô cứ nổi đít xuống đây mà điếm tâm, nhiều bà Hà Nội tứ chiếng cầm vào bát phở gà, mười ngón tay lóng lánh nhẫn vàng tằm, vàng, trắng, cà rá kim cương, miếng phao câu lúc ấy còn mọng lên biết mấy nữa kia.

Trong kháng chiến có những tay phở nổi tiếng ở vùng tự do như phở Giời, phở Đất, phở Cống, (tên vẫn một tiếng thôi) nhưng cũng có những bát phở, chưa được đúng cách thức lắm mà ăn vào vẫn cứ thấy cảm động. Ví dụ, phở ở căn cứ địa, làm ngay trong cơ quan. Một vài cơ quan ở quanh Trung ương, chung nhau giết bò để bồi dưỡng theo kế hoạch hàng tháng. Thịt sẵn, xương sẵn, nhưng thiếu nước mắm, thơm, hành mùi, bánh lại là bánh đa khô. Nhưng cứ làm. Những châu phở ngày chủ nhật ở bên bờ suối cơ quan, thật là đầu đề phong phú cho báo liếp.

- Hình như Thạch Lam trước đây cũng có bàn về phở, nhưng vẫn còn phiến diện. Thạch Lam có nhắc đến vấn đề cải lương ở Hà nội văn vật. Đầu năm 1928, ở Phố Mới, cái phố trước đây mang tên thực dân Đồ phố Nghĩa, có một hàng phở cho cả húng liu, cả đầu vùng, đầu phụ. Nhưng những cái lỗi tìm tòi ấy không thọ, vì trình độ nhận thức của quần chúng phở không sa đọa như người chế tạo. Quần chúng vẫn đòi hỏi những cái cổ hữu của phở. Ngày nay cũng còn có người cho cả tương tàu lạp chiu chương vào phở, nhưng đây là cái quyền của người có tiền, ai muốn bày vẽ ra thế nào, nhà hàng cũng chiều trong phạm vi có thể của phở. Nhiều người bảo nên ăn phở tái thì bổ hơn phở thịt chín. Có thể là như thế đây. Nếu cần bổ thì cũng có thể uống Pan-tô-cờ-rin Liên xô hoặc làm tễ thuốc Bắc, còn kết quả trông thấy rõ hơn là ăn phở tái. Thật ra, ăn phở cho đúng, đúng cái "gu" của phở, phải ăn thịt chín. Thịt chín thơm hơn thịt tái, mùi thơm miếng thịt chín mới biểu hiện đúng cái tâm hồn của phở. Thêm nữa, về mặt thẩm thức tạo hình, người thẩm mỹ bao giờ cũng thấy miếng thịt chín đẹp hơn miếng thịt tái. Thường những hiệu phở không tự trọng, hay thái sẵn thịt chín, thái cứ vụn ra không thành hình thù gì cả, ai đến gọi là rắc vào bát. Có thể việc ấy không hề gì với khách hàng không cần ăn no vội. Nhưng cũng trong một cái hiệu vẫn thái thịt vụn ra ấy, ông chủ phở rất là phân biệt đối xử và không san bằng các thứ khách: đối với những khách quen, với những người có thể ông chưa biết quý danh nhưng ông đã thuộc tính ăn, những người cầu kỳ ấy mà bước vào hiệu, là ông đã đặt ngay tay dao vào những khối thịt chín đặc biệt như khối nạm tròn, nạm dất hoặc khối mỡ gầu, thái ra những miếng mỏng nhưng to bản, với cái sung sướng bình tĩnh của một người được tỏ bày cái sở trường của mình trong nghề. Ông nào ăn phở mà có chất họa thì thấy muốn vẽ tranh tĩnh vật ngay. Có những lúc ông phở ấy gắt, gắt với vợ ông, vì ông thái không đẹp. Một ông làm đầu bếp hiệu chim quay trong hội Hà Nội chiêm đóng, nay cũng ra mở phở và thích múa dao nói chuyện với khách về cái khoa thái. "Chặt thái loài có cánh đã khó, mà

thái miếng thịt bò không xương còn khó hơn. Tôi dạy mãi mà đàn bà nhà tôi vẫn không làm được, đàn bà thường chỉ thái bánh trôi".

- Trong số những thắc mắc của một số ông Hà nội trí thức dốt người ta có nhắc đến một ông lo sau này ta tiến lên kinh tế hoàn toàn xã hội chủ nghĩa, kinh tế phân tán không còn nữa, thì mất hết phở dân tộc, và rồi sẽ phải ăn phở đóng hộp, mỗi lúc ăn bỏ cái hộp phở ấy vào nồi nước sôi trước khi đục ra ăn, và như thế thì nó trương hết bánh lên. Cũng ngay trong hiệu phở, có người đã đập ngay lại: "Thôi đốt ông đi. Ông đừng có làm cái chuyện lo giới sập ấy đi. Hiện nay phở đang phát triển mạnh ở thủ đô Hà nội, lớn nhỏ, gánh rong, bán trong nhà, bán ngoài hè, có đến trên dưới hai ngàn chủ phở. Người Việt-nam còn thì còn phở bát, bát phở trong tương lai vẫn nóng sốt như bây giờ. Phở bát của ta không thể thành một thứ đồ hộp đâu, người công dân Hà nội này xin trả lời ông là một nghìn lần không, không, không thể có sự thô bạo ấy".

- Cái thế giới phở Hà nội trước đây hình như cũng có những thứ nhân vật nghiệp dĩ của nó. Làng chơi, học trò, ông binh, thầy ký sở buôn, ông phán sở tòa, con bạc, chủ hiệu nhỏ, những người lao động vận tải, những người làm nghề tự do... Có những lính lê dương chạy đến hàng phở, ăn xong tính tiền, lật ngay cái mũ đỏ ra trong cái mũ có cái quần lĩnh vừa cướp ở nhà chứa ra; người khách hàng lính đánh thuê đó đã vất quần lĩnh đó xuống quầy hàng thay một thứ trả tiền, rồi ù té chạy... Có những tay giàu sụ nhưng tính nết hấp lim, mua bánh mì thả vào nước phở béo mà cứ gọi là ăn cơm Tây bình dân. Có những người đàn bà trái duyên trộn cơm nguội vào bát phở nóng, mà ăn một cách ngon lành, nhưng người ngoài trông vào thì thấy nó thê lương thế nào ấy. Có những kẻ sống không nhà cửa, chuyên môn đứng đường, chạy hàng sách chợ đen đủ các thứ, lúc tính tiền hoa hồng, lấy bát phở tái năm xu làm đơn vị giá cả, "việc này mà trôi chảy, ông bà chị cứ cho em một trăm bát tái năm, vân vân...".

Hương vị phở vẫn như xa xưa, nhưng cái tâm hồn người ăn phở ngày nay, đã sáng sủa và lành mạnh hơn nhiều... Ngày trước, anh hàng phở có tiếng rao, có người rao nghe quạnh hiu như tiếng bánh dày giò đêm đông tội lỗi trong ngõ khuất; có người rao lên nghe vui rền. Tại sao, bây giờ Hà nội vẫn có phở, mà tiếng rao lại vắng hẳn đi? Có những lúc, tôi muốn thu thanh vào đĩa, tất cả những cái tiếng rao hàng quà rong của tất cả những thứ quà rong, của tất cả những thư quà miếng chín trên toàn cõi quê hương chúng ta. Những tiếng rao ấy, một phần nào vang hưởng lên cái nhạc điệu sinh hoạt chung của chúng ta đây.

Chúng tôi ngồi trên bờ một cái hồ xứ Bắc ở ngoại thành Hen xanh ky tường nhớ đến một bát phở quê hương, và đối với món ăn đó của dân tộc đáng yêu chúng ta ở Đông Nam Châu Á, chúng tôi đã phát hiện những đức tính dồi dào của phở, tự mình cho đó là những cơ sở vững chắc để dựng lên một nền lý luận cho món phở. Sau đó mấy tháng trở về nước, đặt chân lên đất Hà nội, bữa cơm đầu tiên của tôi là một bữa phở. Về sau này, hay rủ nhau đi ăn phở, tôi được đi sâu vào ý nghĩ của một anh bạn nó đã trở thành một ám ảnh: "Mình khen phở mình là một món ăn ngon, nhưng

trước khi khẳng định giá trị dân tộc của phở, có nên tranh thủ thêm ý kiến của bạn bè, quốc tế của ta không? Bạn Liên xô, bạn Ba lan, Hung, Tiệp, Đức sẽ có cảm xúc gì về món phở Việt-nam? Họ đã có dịp nếm phở chưa?" Bài dân ca của mình họ nghe rồi, đất nước mình, các bạn thấy rồi. Nhưng còn phải cho bạn mình "thấy" phở nữa, bởi vì phở cũng là một thứ tiếng hát yêu đời của tất cả những tấm lòng con người Việt-nam chân chính và bình dị. Thế rồi một hôm khác, cũng trong một quán phở nổi tiếng Hà nội, tôi đã nghe được mẩu chuyện giữa hai nữ sinh một trường phổ thông cấp 3 gần đây: " Phở hiệu này, ăn mê quá. Thế đồ chị biết Hồ chủ tịch và các lãnh tụ Đảng có thích phở không? - Làm thế nào mà biết được - Này, nói đùa chứ các cụ mà đến ăn cho hiệu nào, thì chủ hàng thật là sung sướng vô bờ đấy chị nhỉ!". Hai cô rút lấy túi gương con chiếu lần vào hàm răng nhau xem có vương tí hành tí rau mùi nào không, cười ríu rít như chim đàn nhảy quanh bàn phở. Mẩu chuyện hai cô học trò như giúp tôi hiểu thêm nữa về phở, và giúp tôi nhận thức đến những cái nó quan trọng hơn cả phở nữa.

Ít lâu nay, chúng ta hay nói đến thực tế Việt-nam, đến vấn đề thực tiễn Việt-nam, đến những đặc tính của Việt-nam trong mọi điều kiện chuyển mình tiến lên. Tôi thấy rằng trong muôn vàn thực tế phong phú của nhân dân Việt-nam, có một cái thực tế mà hàng ngày ít aiỡ tách rời nó, tức là cái thực tế phở. Cái thực tế phở ấy lồng vào trong những cái thực tế vĩ đại của dân tộc. Trong một giọt nước rơi lóng lánh có cả câu chuyện của vàng thái dương; trong một miếng ăn, cũng thấy rộng được ra những điều cao cả yên vui trên đất nước bao la giàu có tươi đẹp. Tôi thấy tổ quốc chúng ta có núi cao vợi vợi điệp điệp, có sông dài dằng dặc, có biển bờ thăm thăm, có những con người Việt-nam dũng cảm xây đắp lịch sử quang vinh, có những công trình lao động thần thánh như chiến thắng Điện Biên, nhưng bên cạnh những cái đó, tôi biết rằng Tổ quốc tôi còn có phở nữa. Trong những năm chiến tranh giải phóng, kẻ thù bay trên bát phở, có những bát phở phải húp vội trong đêm tối tăm, quệt ngang ống tay áo mà nhảy xuống lỗ lằm; có những bát phở bị bom, bánh trương lên mà người ăn không còn thấy trở lại một lần nào nữa. Nhớ lại cái hồi tôi về công tác ở vùng sau lưng địch, tôi không thể quên được mấy cái quán phở khuya trên con đê miết lấy vùng căn cứ du kích; những bát phở nóng ăn sau những đêm vượt vành đai trắng và xuyên qua vị trí địch, ăn có một hương vị thật là đặc biệt; sau này nó tổng căn, nó hất hết các quán trên đê, không biết người bán phở đêm đó, có còn sống hay đã chết trong chuyến ấy rồi? Lại còn cái lần đi chiến dịch với tiểu đoàn Lũng vài, tôi không quên được những cuộc hành quân với đồng chí cấp dưỡng ban chỉ huy; đồng chí ấy gánh rất nhiều nồi niêu ga-men và thực phẩm công kênh, các chiến sĩ đều đùa gọi là "ông hàng phở của tiểu đoàn". Trước kháng chiến đồng chí ấy vốn mở hiệu phở; nay hòa bình rồi, đồng chí có còn sống mà mở phở lại? Nhiều hình ảnh phở trong những năm gian khổ đã hiện về. Giờ mà ngồi an tâm ăn bát phở nóng sốt giữa ban ngày bất giác cần nhớ ơn nhiều người. Rồi mỗi cảm xúc phở vụt chốc bay xa rộng mênh mông. Bỗng nghĩ đến những vùng chăn nuôi xanh rờn áng cỏ sữa khu tự trị Thái-Mèo, những đàn bò Lạng Sơn, Thanh hóa đang cúi xuống ngón cỏ ngon trên đất nước. Gạo mấy vụ liền lại được mùa, bột

bánh mìn và dẽo. Rau cỏ vùng ngoại thành Hà nội: mở rộng mãi những diện tích xanh ngon vô tận, rau thơm hành hoa phong phú cái hương vị thổ ngời.

Đêm Hà nội, nay thức khuya nhất vẫn là những hiệu phở. Xưa kia phở ông Trương Ca bán đến bốn giờ sáng ở đình Hàng Bạc - cái nơi tập trung nhân dân Hà nội năm đầu kháng chiến để rút ta khỏi vòng vây địch. Đình cũ không còn ông Trương Ca nữa, nhưng nay đã có ông phở Sủi sai thay ông mà thức khuya. Người Hà nội đặt tên đến là hay.

Trước đây ông nấu bếp hiệu cao lâu Tàu; rồi ông ra mở phở. Rồi ở quê ông quy nhâm ông, ông phải về quê, giao lại quán phở cho bạn. Nay ông được sửa sai, lại trở lại thủ đô, chính quyền khu phố miễn thuế cho ông một thời hạn và tìm một chỗ lợi địa thế cho ông mở hiệu. Món quà của ông phở "Sủi sai" càng thơm ngon một cách chất phác hơn bao giờ. Có thể là cảm tình của khách hàng, đối với một người phở quen nay được khôi phục càng làm cho bát phở giải oan có thêm nhiều dư vị nữa. Những bát phở hồn hậu ấy cũng chỉ là một sự đền bù công bằng đối với những người làm ăn lương thiện khu phố đi xem hát về hoặc họp hành bình bầu học tập xây dựng vừa xong.

## Chùa Đàn

### Phần I: Dựng

*"...Mày hãy diệt hết những con người cũ ở trong mày đi...  
Mày phải tự hoại nội tâm mày đi đã.  
Mày hãy lấy mày ra làm lửa mà đốt cháy hết  
những phong cảnh cũ của tâm tưởng mày."*

(Nguyễn)

Bị phát vãng lên đường ngược, ở một tỉnh phía tây Bắc bộ vào những năm khủng bố thời Pháp thuộc ấy, tôi đã chú ý đến một người tù. Anh Linh.

Thật vậy, trong đời sống hằng ngày của trại an trí, người bị đi đày kia là tượng trưng cho đời tù của bọn trí thức say đắm với công cuộc, vương lụy vì hoài bão, đưa Cách Mệnh lên thành một tôn giáo, và trong cảnh đày ải tù tội, tinh thần lúc nào cũng vững vàng như cái thái độ bất diệt của bậc chân tu chuyên nhất trong niềm đạo hạnh.

2910 – phải, Linh đeo con số ấy khi đi tù –, đã là một đối tượng phức tạp để tôi gởi vào đây một dấu ? và một dấu ! rất đậm.

Trại an trí V.B. chỉ thuần có tù chính trị người Kinh lẫn người Thổ. Ở đây, ngoài cái áo số vải nâu, chúng tôi có quyền dùng những đồ may mặc đem theo. Ngoài nắm cơm của căng, chúng tôi có quyền mua bán thực phẩm riêng bằng những số tiền do



thân quyến hoặc cố hữu gọi lên. Và được viết và đọc – trong một cái chùng hạn tự do tương đối nào đó.

Linh có rất nhiều áo len của người quen đan gọi lên cho. Không chuyển nào mà người phu trạm già ấy lại không có một gói bưu kiện áo quần giao cho Linh. Người ở ngoài, dưới vùng hạ bản, đã nghĩ nhiều đến một kẻ ở trong và thiết tha đến cái khí núi giết được người nơi đường ngược đây. Linh có rất nhiều măng-đa. Ở cuốn sổ gọi tiền của tù kí trên buồng giấy trại, Linh có riêng một trang đặc. Còn thư tín ở bên ngoài đưa đến vào những hòm phát thư, người Tây quân trại kì nào cũng phải gọi đến 2910.

Rất nhiều anh em cùng trại ít được chăm sóc bởi người của đời sống bên ngoài, ít nhận được măng-đa và thư, nhìn Linh 2910 bằng con mắt thèm thuồng. Ai đời đã đi đây lên thượng du, mà ngày tết Nguyên Đán còn có người lặn ngòi ngoi nước đến trại xin phép Tây cho gặp Linh để giao cho Linh một cửa thủy tiên, một cân mứt sen trần kèm bình trà mạn!

Tôi đã phải bận tâm đến Linh mà nhiều người lính đã liệt vào hạng tù cậu vì Linh có cái bề ngoài của một người tù phong lưu (!) Không, Linh không phải là một người tù cậu. Linh là một người tù thuộc, đời sống tinh thần đã được luyện qua gần khắp các nhà giam ở xứ ta, đã từng nhiều phen tuyệt thực, vượt ngục và sở dĩ chuyển này lại lên đây nữa là vì vẫn chưa chịu chán mỗi với hoài bão. Một hôm quét vôi trên đồn, muốn tò mò đến quá khứ của tù 2910, tôi đã lên vào buồng giấy quân trại và đọc tập lí lịch của Linh gọi kèm lên theo.

Chao ôi, sao đời Linh nhiều án tích chính trị, nhiều hoạt động và không sòn gan mệt trí với đề lao đến như thế! Có thể nói rằng Linh có ở cuộc đời bất công này là để riêng đi ở tù vì lí tưởng, ở tù cho đến chết thì thôi chứ không thêm yên nghỉ với cái sống tự do giả vờ của bên ngoài. Đời hoạt động của Linh hình như đã nêu ra được vấn đề này: là định một cái nghiệp dĩ cho kẻ tri thức giác ngộ cả trong hoàn cảnh câu thúc và cả ở hoàn cảnh ngoài đề lao nó cũng đầy rẫy những tội ác và tù túng của đời sống mâu thuẫn.

Tôi liền có cảm tình với Linh, tìm cách gần Linh. Ngày tháng trên rừng trôi qua trên sự cầu thân đó, cũng bớt được nặng nề. Ngoài những lúc phải theo lính canh vào rừng ngả cây cổ thụ phát quang rừng lau, phá đồi, đánh gianh lợp nhà, cắt cỏ cho trâu dê bên đồn, lấy nước suối ngọt cho bên trại anh em, những lúc được về ăn nghỉ trong trại, tôi ngắm Linh. Những cử chỉ vụn vặt của Linh đã đi vào con người tôi không sót một nét. Tôi ngắm Linh, lặng lẽ và kính cẩn. Một lần thì tôi chộp đi một lúc, chờ một hồi kèn chiều bên đồn dựng đứng mình dậy để vào rừng làm nốt công việc trong một ngày tù. Một buổi trưa, Linh vỗ vai lay nhẹ tôi: "Anh xuống nhà ăn, uống với tôi chén trà nóng. Tôi đã bắc ấm lên bếp, nước gần sôi rồi." Buổi trưa rừng, ở trại giam, có người mời uống nước trà nóng là một điều thú vị nhất. Trà nóng vừa chuyên xong vào một đoạn vầu gọt làm chén, Linh nhìn thẳng vào mặt tôi: "Tôi đoán không nhầm. Anh không chịu khó cưỡng lại giấc ngủ trưa ở thượng



du thì chẳng mấy chốc mà sốt đến nơi đây. Người lính 125 bên đồn cũng ngủ trưa như thế trong nửa tháng nay rồi dãi ra máu rồi chết. Từ giờ, anh đừng ngủ trưa nữa. Mặt anh đã bắt đầu vàng rồi. Anh chiêu mấy viên thuốc này đi." Lịnh đưa tôi chén nước nóng và mấy viên thuốc. Thì ra không phải là một buổi nhậm sả chơi vui mà là một buổi chữa bệnh và Lịnh đã để ý đến sức khoẻ của tôi từ hôm nào rồi. Tôi ngoan ngoãn nuốt mấy viên thuốc tròn đẹp và ngà ngà như màu ngô nếp. Lịnh nhìn qua tấm hàng rào nửa tếp ken cánh sẻ dày đến sáu lượt nửa, gởi tầm mắt vào rừng xa đang nhấp nhánh khí núi hâm nóng, thủ thủ nói tiếp: "Càng ở vào hoàn cảnh tù tội, chúng ta càng phải giữ mình làm trọng. Để lúc trở về trung châu, còn có mặt trong hàng ngũ của đoàn thể. Ta sẽ có lỗi nhiều với công cuộc, nếu phải để thân ở thương du vì nổi bất cần đối với cái thân mình lúc này. Mỗi người chúng ta phải gởi xương ở đây vì sốt rét rừng, hàng ngũ về sau sẽ hờ kễ. Thiếu đi – dù là một người – công cuộc sẽ chậm ít ra là một bước trong thời gian". Tôi yêu kính câu nói của Lịnh chứa đầy một niềm sốt sáng giống như lời nói của nhà lãnh đạo kí trú với những đồng chí chưa hoàn toàn nhập điệu.

Và từ hôm ấy, để đánh lừa giấc ngủ trưa ở rừng tù, tôi đã học chữ Ăng-Lê và Lịnh, mỗi trưa, dành ra hai mươi phút để dạy tôi học ngoại ngữ. Trong việc này, ông thầy bao giờ cũng chuyên cần hơn người học trò, bởi vì có nhiều buổi hề có người rủ chơi cờ tướng là tôi đã bỏ lớp học của Lịnh. Nhiều độ lượng, Lịnh chỉ điềm đạm: "Cũng chẳng sao. Điều cần nhất, là đừng ngủ trưa. Đánh cờ trưa, cũng là một cách vui gọn để chống sốt rét rừng."

Không phải dạy tôi học thì Lịnh lại dùng thời giờ ấy đọc sách và biên chép luôn tay vào những cuốn sổ tay dành riêng mỗi cuốn cho một việc. Có người lính nào vào trại tìm đến Lịnh thì Lịnh lại bỏ việc riêng đấy mà giúp họ. Vẽ hộ một bức truyền thần. Viết hộ một bức thư, và nhiều bức thư của người lính thương du nhớ nhà gởi về thăm vợ con hoặc vấn an thầy mẹ. Thư lại viết theo thể thơ lục bát. Chiều theo ý những người lính, Lịnh đã xoay cái thư ấy ra thành những câu về mộc mạc và anh lại còn phải viết bằng chữ nôm. Ra Lịnh vẫn có cái đức dung người và Lịnh vẫn vui vẻ trong khi làm những việc tầm thường đó không ngày nào là không xảy tới. Ở một cái đồn thương du, lúc nào mà chẳng có một người lính nhớ vợ thương cha. Lịnh được thiện cảm của cả đồn. Các ông quân đội trên đồn, có việc hiểu hỉ gì ở quê nhà, là đều có nhờ đến Lịnh cho chữ câu đối – lúc nôm, lúc chữ Hán, tùy theo trường hợp. Cả ngay đến lão quản trại an trí là người Pháp, cũng nhờ Lịnh dạy Việt ngữ. Nhưng đến việc này thì Lịnh chối từ, mặc dầu quản trại hứa sẽ để cho Lịnh ở nhà không phải vào rừng mà sương nắng ngày hai buổi. Lịnh đã lăm bằm riêng với anh em: "Dạy mày học tiếng ta để rồi mày dò la chuyện bên căng và kiểm duyệt thư của anh em cho kĩ phải không?". Vì có người tọc mạch mà tôi mới biết rằng Lịnh đang nghiền ngẫm bộ Kinh Dịch và đang xoay nó vào Biện Chứng Pháp Duy Vật. Một buổi nghỉ ngày chủ nhật, thấy tôi đến ghé nhòm vào trang vở chỉ chút những chữ Pháp và chữ Hán, Lịnh tươi tỉnh – bao giờ Lịnh cũng hoà nhã tươi tỉnh – hỏi tôi: "Tôi đồ anh biết Pearl Buck có giỏi chữ Hán không? Và André Malraux tập viết chữ Hán theo lối thiệp nào?" Câu đồ ấy rồi cũng bỏ lửng. Nhưng tôi ngờ rằng Lịnh

biết nhiều lắm. Cũng như tôi đã thấy rõ cái đức làm người của Linh mà cảnh tù chung mỗi ngày càng làm bật hẳn lên.

Linh không trốn việc hoặc đùn nó cho những anh em khác. Kỉ luật của anh em trong trại đặt ra để giữ trật tự chung cho cả căng, anh tuân theo. Ra ngoài làm việc rừng, lúc nào túi dệt Linh cũng có sách vở, nhưng chặt xong phần cây hoặc cuốc xong phần đất của mình rồi anh mới chui vào bụi khuất mà đọc mà viết. Cái điều lạ nhất là anh ít viết thư, mặc dầu thư ở ngoài gửi lên rất nhiều. Tiền măng-đa của anh kí trên buồng giấy rất nhiều mà anh ít dùng tới. Thỉnh thoảng biết đến những anh em túng thiếu vì không có sự chu cấp của bà con vùng xuôi đoái tưởng đến thì anh lại rủ họ mua đồ ăn thức dùng vào sổ tiền gửi kho của anh. Mỗi kì có phiên ở bên kia sông quanh hạp chợ Mường, Tây cho anh em ở căng ai có tiền gửi thì kê những thứ định mua rồi uỷ cho người đi chợ. Người mua bánh ngọt thuốc lá trà tàu, xà phòng, gà vịt, trứng, đỗ; người mua guốc nón, diêm đình; có người mua cả rượu lậu và ba ba núi. Đến lúc anh giữ việc kinh tế ở căng hỏi Linh xem anh muốn mua những gì thì lần nào cũng vậy, anh chỉ cần có giấy mực và bút chì. Chỗ giấy mực đó anh dùng để biên chép – chứ không phải để viết thư hoặc trả lời thư như nhiều người – và để biểu các anh em người Thổ nghèo theo lớp học chữ quốc ngữ do anh trông nom. Mỗi kì được phép viết thư trong tuần lễ, anh toàn ngồi đề bì hộ anh em Thổ và cho tất cả anh em trong trại vay tem của mình. Anh nghĩ đến anh rất ít và rất hoà nhã khi được chia sẻ với anh em. Kì tắm giặt hằng tuần nào ở bên con sông quanh là bánh xà phòng nửa cân của anh cũng vệt hẳn đi và nhiều khi tan hết ra bọt nổi ở mặt dòng nước rừng. Linh ít nói, nhưng không trở nên người khó chịu; ít cười, nhưng vẫn tươi sáng và cái sáng ấy làm lùi được bóng đen của nhà tù. Buổi sớm dậy, Linh luyện phép thở, ôn ít quyền thuật với anh em Thổ rồi cấp bị nón đứng vào hàng. Không bao giờ Linh khai ốm để đi nhà thương và nghỉ nhà. Ngày hai bữa cơm, có thức ăn hoặc không, anh cũng chỉ ăn đủ ba lưng bát. Ăn cơm chiều xong, anh đi bộ quanh rào trại. Rồi lúc mặt trời gần lặn để chiếu hết cho một ngày mất tự do, cái việc Linh lấy làm thú nhất là được anh em lại cử cho đọc nhật báo – báo ở tỉnh vừa về kì thư – và phê bình thời cục thế giới. Tình hình chính trị và ngoại giao các nước, Linh tinh suốt và thuộc lâu lâu. Lúc cần phải ôn đến những biến cố xã hội trên khắp thế giới, Linh có cường kí của nhà viết sử. Ngồi chót vót trên thang đu tập thể thao, đọc xong một lượt tin tức trong và ngoài nước, Linh mới mỗ mỗ đến cái chương trình Đại Đông Á của Đại Nhật Bản (!) Phải nghe những nhời Linh vang rền lúc ấy thì mới biết đến cái say sưa của môn thuyết khách và mới hiểu tại sao chúng ta không chịu ở yên với trật tự hiện đại của sự vật. Lúc Linh ở chồm thang leo xuống, tôi yêu Linh quá, muốn nói đùa Linh rằng anh giỏi như thế, tin tưởng vào Cách Mệnh như thế thì làm gì mà Tây nó chẳng bắt, ví Tây nó có tha anh ra bây giờ thì cũng lại đến Nhật bỏ tù lại mất thôi, chứ ai cho anh yên ở ngoài đề lao để anh dựng trật tự mới và xây đắp cái Thị Trấn Ngày Mai trên phá hoại gây ra theo đúng ý nguyện của Cách Mệnh. Nhưng thấy Linh nghiêm chỉnh quá, tôi lại không dám đùa.

Tôi kính yêu Linh 2910 như một người anh cả trong cõi học và trong cõi đức. Những lúc đi rừng hai buổi tôi thường có điều đình với lính để cùng đứng vào một kíp với Linh mà ra ngoài làm việc. Những người lính đáng yêu ấy đã làm theo ý của

tôi. Hễ thấy 2910 đứng vào kíp đẩy xe nước, thì họ lại tùm tùm chỉ vào tôi: "790! Cho 790 đẩy xe nước với 2910. Tha hồ mà đưa sách lẫn cho nhau trong bụi sim nhé." Hễ thấy Linh đứng vào kíp củi, mặc dầu là số người đi lấy củi đã quá đủ số rồi, họ lại kéo tôi vào hàng ngũ đi củi: "Ấy, 790, trả cuộc lại cho kíp đất. Cho đi lấy củi. Vào mà thay dao năm đi." Rồi họ lại hóm hỉnh mà cười sát vào tai tôi: "Tha hồ khuất mặt Tây mà đánh chén trong rừng với 2910 nhé!" Những người lính khá ái ấy đã lắm. Chẳng bao giờ Linh uống rượu. Người đàn ông nào đã đi tù và đã từng lấy rượu ra để đánh lừa những ngày dài như nghìn năm của mình, ai ngạc nhiên thì cứ ngạc nhiên đi, nhưng suốt một thời ở cǎng với tôi, Linh 2910 không hề nhấp đến một chén rượu nào, mặc dầu rượu tù là rượu quý, – quý ở chỗ khó khăn của hoàn cảnh – mặc dầu nhiều lần các ông đội quân cai bên đồn đã giận Linh vì Linh từ chối những chén chân thành của họ. Về chuyện rượu, tôi chỉ nhớ Linh thốt ra một câu này: "Thử như ngày xưa thì tôi... thì...". Hôm ấy là tết Nguyên Đán, tôi nhớ cuộc đời tự do ở ngoài quá, lúc say ngày đầu năm, tôi phá cả kỉ luật của anh em, làm kinh động cả trại an trí, suýt nữa quân trại Tây phạt chung cả những bạn không uống. Lúc tôi tỉnh rượu, đang ngán ngẩm với một rừng chiều mịt mù sương lam, trước giờ điếm, Linh đến gần tôi, cho tôi liều thuốc nhức đầu và nói với tôi một câu không hết ý như thế. Đánh bạn tù với Linh, tôi hay gợi đoán đến cuộc đời tình cảm bên trong của Linh và tôi ngờ Linh đã từng có một câu thề độc hoặc một nỗi oan khiên đối với rượu nên anh tránh rượu, dẫu rằng chỉ nhấp một tí để mọi người ở cảnh tù vừa lòng trong một cuộc họp mà chỉ có mượn đến rượu thì mới làm vui được thôi. Cơ thể người đàn ông nào – thứ nhất lại là đàn ông bị đi đày – mà lại không chịu được một chén hạt mít rượu trắng! Gia chi dĩ ở rừng tù, rượu, nếu uống theo một điều độ nào đó, lại còn có công dụng trị được sốt rừng và giá ngự sơn lam chương khí nữa. Hẳn phải có một duyên cớ gì ghê gớm lắm thì cái người rất yêu cả trại đó mới không chiều anh em cùng hội và cơ hội bên đồn canh đến mực không chịu nhượng bộ như thế. Tôi cũng không gan hỏi thêm Linh và không có mời Linh uống. Ăn chung mâm, bao giờ 2910 cũng chỉ ăn cơm và hễ cơm tù có rượu thì chỉ một mình 790 tôi uống thôi.

Lại một buổi chiều nữa, cuối xuân đất trích nhớ nhà, tôi say và 2910 ngồi cạnh lập-là tôi, xem tôi say. Thời tiết cuối xuân sang hè, rừng lim trở hoa xám bỗng nổi cơn giông. Gió ngàn bị quán trong kẹt thung lũng đâm ra cuồng và cứ vật mãi vào hàng rào nửa tếp của đất tập trung. Gió xoay quanh cǎng chúng tôi đủ bốn hướng tám mặt. Mỗi lần gió đổi chiều, lướt qua những đầu nứa vát tẻo nhọn, cái hàng rào lại rung lên như một cây phong cầm đồ sộ bị hiếp bởi một tay nhạc công cường bạo. Có những thanh âm gùn ghè gầm thét, có rất nhiều cung bậc của than thở. Tôi không tách được tiếng rì rền nào là riêng của hàng rào nửa và tiếng oán tiếc thở dài nào là riêng của gió rừng biến động. Tôi chỉ biết tại tôi đang nghe một thứ nhạc đàn đầy thanh âm tấm tức. Gió giông không tìm được lối thoát lại càng ghen ngào và vật mình vật mảy với mấy tường nứa rừng nhọn hoắt. Bỗng Linh để nhẹ tay vào vai tôi: "Này nghe nó như các khổ dựng của cây đàn dây ấy, 790 à". Tôi vội đặt chén xuống.

Tôi nhìn trừng trừng vào mắt Linh. Tôi trông thấy rõ cái ảnh đảo ngược của tôi trong tròng mắt Linh. Tôi muốn cả người tôi đi thẳng vào người Linh bằng cách lọt qua hai cái lỗ của con người mở kia, để lòng tôi hoà chung vào giữa cái lòng Linh, trên một nỗi niềm nhớ nhung gì. Chừng như Linh cũng đoán được cái ý quái gở đó ở tôi, bèn nheo mắt lại và làm lệch nhỡn tuyến ra phía khác.

Thế rồi rừng rú tan trận gió cuồng. Và điệu đàn gió ngạt thở đang gục dưới hàng rào nửa tối dần với ngày tắt gió tắt nắng. Dư vị của bữa rượu tù nhór trung châu để lại nơi đáy họng tôi một chất bồ kết. Linh bỏ tôi đấy, đi ra thang đu thể thao và bắt đầu đọc báo hằng ngày cho cả trại nghe.

Tôi cứ ngồi bệt đấy với chén rượu tàn. Câu nói vừa rồi của Linh đã như một thứ nước cường toan làm bốc khói độc ở một thứ kim khí trong người cũ tôi giắt theo lên đây.

Tôi vốn là một người hay la cà đăm đuổi với tất cả những gì là đàn sáo ca hát. Hát bộ, hát chèo, hát gõ. Ca Huế, ca cải lương Nam Kỳ. Tôi đã đem một phần đời văn sĩ của tôi mà đặt vốn vào đàn hát. Lờ lãi lầy về trong khoảng rung động, không phải là không có, nhưng hệ lụy tự gây lấy, thực cũng không là ít vậy. Từ khi bị bắt, bị giam cầm ở ty Mật Thám rồi bị phát vãng lên chỗ rừng xanh, cái tâm sự ấy tôi đã hất trả cho cuộc sống dưới đồng bằng. Ngày ngày ở căng làm việc tay chân – chém cây, ngả gỗ, đào đường, lợp nhà, đẩy nước, vùn vùn – thể xác quần quật nhiều, cũng chẳng còn mấy tâm tư mà nghĩ đến chuyện tơ trúc của thời tự do trước nữa. Và chẳng, có rảnh tâm lúc nào, thì lòng lại chỉ tràn ngập những lo lắng về nỗi ốm đau và ý chết vì nước độc vì tai nạn lao động trong rừng thâm. Một buổi chiều tù rừng nổi gió giao mùa, nổi u hoài mở toang lòng tôi và không bị ngăn ngừa mảy may, câu so sánh của Linh vừa rồi đã xộc thẳng vào người tôi, làm tôi hoang đại ra mất vài hôm.

Rồi nó cũng qua đi. Cũng như bất cứ cái gì ở cuộc sống này. Có một chút gì còn lại, là tôi lại ngờ thêm được một điều nữa về thân thể Linh. Ngoài sự oan khiên về rượu, hẳn người bạn tù này còn đeo thêm một cái nghiệp trái về âm nhạc.

\*

\* \*

Cách đây ít hôm, một buổi lấy nước ở bờ sông, ông đội kéo riêng tôi ra một chỗ:

- Này, 790 có muốn nghe hát cô đào không?

- ?

- Chuyện thực đấy mà. Để rồi rủ luôn cả 2910 nữa. Hôm trước mình đi phép có việc ăn khao ở nhà quê. Dem cái bài hát nói của 2910 làm ra nhờ cô đầu hát ở bữa tiệc đông, ai cũng khen hay, 2910 làm có cả mưỡu đầu mưỡu cuối. Lão cứ củ mĩ củ mĩ thế mà tài hoa đáo để. Này, không cái gì là không biết. Chắc trống 2910 cũng sắc

tay lắm. Để ít hôm nữa, hàng cơ góp tiền thết tiệc ông Quản được lên lương có mời ca công về hát, tôi dàn xếp để một số anh em sang sông lấy cỏ. Vừa cắt cỏ quanh nhà ông Quản khao, vừa nghe hát cho nó đỡ nhớ những chuyện dưới xuôi. Nhá!

Thế rồi đúng vào hôm hàng cơ thết tiệc ông Quản khổ xanh ở bên kia sông, chúng tôi sang sông cắt cỏ. Cắt cỏ là một việc nhàn nhả hơn là đi ngã gỗ. Cắt cỏ nghĩa là gần như đi du thủy du sơn và lại cắt ngay gần chỗ cái nhà có tiệc vui mà nghe vọng vào những tiếng đàn hát của mâm tiệc. Trong số mấy người cùng đi cắt cỏ, bấy giờ tôi mới nhớ ra là thiếu mất Linh 2910. Hôm qua như lời ông đội dặn khế, tôi đã bảo Linh là sáng nay thế nào cũng đứng vào kíp đi cỏ. Linh gật gật, tỏ ý hiểu rõ đến những chi tiết ngầm của việc sang sông này. Linh không có mặt ở đây lúc này, không thể là vì quên được. Chắc là vì một lẽ gì. Những chuyện bất trắc hằng ngày như thế trong cái đời tù, làm sao mà phòng ngừa tính trước cho hết được. Buổi chiều thuật lại cho Linh nghe về cái buổi "nghe hát" bên sông, Linh chỉ điểm vào những nét cười giao thiệp, chứ không tỏ ý kiến gì. Biết đến những điều này – ông đội lại kéo tôi ra chỗ vắng mà phàn nàn riêng: "Tôi chắc 2910 không muốn đi hôm đó. Ra điều rằng không được hoàn toàn là người chính hiệu của bữa tiệc ấy thì anh không dự. Những người có tài và có chí như các anh, có bao giờ có những cái thèm khát tầm thường. Tôi biết thế mà tôi cứ bảo các anh sang sông vì tôi tưởng rằng đây cũng là một cách bất ngờ để giải trí cho các anh ở trên rừng này. Nhưng thôi, để hôm có cái bông lớn, để hôm nào đủ tư cách, tôi sẽ tổ chức riêng một châu hát, – cho nó xa đồn hơn nữa – rồi tôi sang trại máy riêng các anh đi. Mấy anh thôi. Tôi sẽ bịa với Tây rằng phải đi xa rừng, phải đem cơm đi, buổi trưa không về trại, cho nó nhiều thời giờ hơn. Hôm ấy, các anh sẽ đánh trống uống rượu, tự do như là lúc ở ngoài ở dưới xuôi ấy. Tôi cũng muốn có dịp nghe trống các anh lắm. Tôi đánh hẳn phải là quê hơn. Chắc rồi 2910 phải bằng lòng. Các anh không nên bận tâm về những chi phí. Cho một bọn thuộc phiên lậu đi lọt qua đồn này, thì là thừa tiền dùng chứ gì nữa. Đó là cái lộc của đồn rừng trấn thủ, chứ tôi cũng chả mang của nhà lên đây mà phá, các anh đừng ngại. Mấy khi lại gây được ra chuyện vui để giữ làm kỷ niệm chung, phải không anh! Mà tên lính nào ton hót với quản trại Tây, tôi đã có cách trị cho nó và có cách chống chế lại với Tây."

Tôi lại đem câu chuyện này nói cho Linh biết. Linh biến hẳn sắc mặt. Và kịch liệt tuyên bố không dự: "Nhưng mà các anh không nên bận vì tôi. Và cũng đừng cho ông đội biết trước rằng tôi không đi hôm đó. Ngày mai tôi sẽ nói với anh trật tự cho tôi lên làm phụ bếp trên đồn, không đi rừng trong ít lâu vì người độ này cũng yếu lắm."

Một buổi sáng rừng còn đọng sương. Ông đội hí hửng vào trại, nháy mấy người chúng tôi và nói to lên là lấy bọn tôi đi rừng chặt tre đực và phải đem cơm đi mà ăn buổi trưa trong rừng, đến chiều mới về. Chúng tôi hiểu ý. Đến lúc ông đội và chúng tôi tìm đến Linh, thì Linh đã lọt lên đồn giữ việc phụ bếp mất rồi. Ông đội tỏ vẻ thất vọng. Vì bây giờ sục được lên đồn để vào bếp lấy lại 2910 mà cho vào kíp đi rừng thì Tây nó dâm nghi mất. Ông đội hay đi lại với chúng tôi, vốn đã bị Tây nghi ngờ và để ý lắm rồi.



Chúng tôi đi sâu vào rừng, qua mấy làng Mường. Không có Linh, ông đội buồn ra mặt. Buổi trưa ấy, đốn tre xong, người lính riêng của ông đội có đem đến rượu và thức ăn thịnh soạn, nhưng không có cô đào hát. Ông đội cất nghĩa: "Thôi để hôm khác, ta nghe hát vậy. Hôm nay chỉ đánh chén thôi anh em ạ". Hình như ông đội biết đôi riêng Linh và thiếu Linh thì ông không muốn bày ra chuyện trống hát nữa. Nhiều người vừa ăn uống, vừa tỏ ý oán ghen với Linh. Trại an trí, sau cái buổi họp trưa giữa rừng ấy, Linh hụi đi một số cảm tình. Riêng tôi thì tôi chỉ thấy Linh có tính gàn. Và ích kỉ nữa. Ừ, mình không thích, nhưng một số anh em đã thích, thì sao lại nên có cái thái độ ấy!

Chuyện trống hát ở giữa rừng cũng không bao giờ có nữa. Và cũng chẳng ai mong đợi hoặc nghĩ đến. Mùa nước độc đã đến, – lá lim, quả ngái rụng xuống mặt suối kể đã nhiều – ai cũng chỉ còn lo ốm thôi.

Bỗng một buổi chiều nắng như quay chín được người, tự nhiên Linh đem chuyện hát ả đào ra thủ thi với tôi. Anh thông thạo lắm. Linh nói qua về cái thái độ anh đối với việc ông đội muốn bày điều vui bữa nọ. Anh kết luận: "Chắc anh cũng hiểu nhầm tôi".

Rồi tiếp, giọng xa vắng: "Tôi có một cuốn vở viết. Không hiểu tại sao nó lại theo tôi lên đây. Trong túi dệt này. Anh cầm lấy mà đọc. Không có gì là dài cả".

Tôi chui vào một bụi lau cao.

Vở mở bằng một trang đề: "TÂM SỰ CỦA NƯỚC ĐỘC", dưới đề chưa một dòng nhỏ: "Ai hay hát mà ai hay nghe hát." Vở nhàu bần. Chữ đúng là tự dạng Linh, sắc và gọn.

## **Phần II: Tâm sự của nước độc**

"Ai hay hát mà ai hay nghe hát...". Lãnh Út gọi Bá Nhỡ lên, bảo ban về việc ngày mai điều khiển dân ấp Mê Thảo đi đánh cây cô thụ ở suối Vầu:

- Em phải trông cẩn thận kẻo chúng nó làm gãy mất ngọn. Bắt đầu vào dốc suối, đúng cái cây thứ ba về bên tay phải ấy.

- Thưa Cậu, phải qua sông?

- Không thể nào tránh sông được. Muốn đi lối nào thì đi, con sông Tám vẫn nằm giữa suối Vầu và ấp ta. Cậu đã vạch rõ cho chúng nó cách thức đưa cây về ấp rồi. Nội trong ngày mai, phải đưa được cây về tới đây trước lúc mặt giời lặn. Quá nửa đêm sẽ hạ thổ cây gạo. Cho kịp ngày kia giỗ Mợ Lãnh. Em có mặt ở suối Vầu, chúng làm việc chu đáo hơn. Chậm trễ, hư hỏng, phần lỗi Em chịu lấy. Sáng mai phải đi vào suối từ lúc chưa tan sương, không phải lên trình Cậu nữa, để cho Cậu ngủ lâu hơn mọi ngày. Thôi cho Em xuống.



Trời sẫm rồi đen. Gió ngàn hôm lửa mạnh vào nương dâu. Cậu Lãnh Út thấp cây sấp ong, ngồi bên án thư, lần giở lại tập thơ Mợ Lãnh gọt rũa lúc sinh thời. Người chủ ấp Mê Thảo, qua những lời thơ di cảo đang mừng tượng đến dáng dấp ngôn ngữ người vợ chết sấp đến kì giỗ hết. Cậu Lãnh Út thở dài tiến lại phía vách đối diện lừng lờ một bức tranh trung đường phong kín chỉ hé ra có hai đầu trục. Cậu trang trọng gỡ múi dây, đỡ dần bức tranh thả vào lòng tay run run. Giấy tranh bồi cọ loạt soạt vào tường phòng vắng rộng. Cậu Lãnh thấp thêm một cây hoàng lạp nữa, đi lại trong phòng và lúc dừng bước ngắm vào tranh thì thần thái trông thiêu nào quá chừng. Lòng tranh lùa hiện lên một tấm họa mĩ nhân. Ấy là một người đàn bà áo trắng đang ngồi chép sách trên một cái đôn màu cốm, bên một khung cửa sổ có mấy tàu lá chuối già lọt vào. Màu xanh tái của tranh gia thêm xa lạ vào khí buồng rộng quanh và đổ thêm buồn lên vẽ nhớ vợ của người ngắm tranh. Bức tranh trung đường ấy là bức truyền thần toàn thân Mợ Lãnh. Nguyên trước ở tường ấy chỉ treo vền vền có một tấm hình bán thân Mợ Lãnh do hiệu ảnh dưới tinh phóng đại theo hai chiều 24x32. Từ ngày Mợ Lãnh chết một cách bất đắc kì tử, Cậu Lãnh đâm ra thù oán và ghét máy móc, Cậu đã cậy một họa sĩ trừu danh phỏng hình người vợ vào tấm này và huỷ tấm ảnh của máy chụp kia đi. Mợ Lãnh bị vào cái tai nạn đoàn hoả xa lật úp xuống vực gần hầm Sen ga Liên Chiêu, làm người quan phu Lãnh Út ấy đã trở nên một kẻ thù ghê gớm của thời đại cơ khí, tưởng Tagore Ấn Độ cũng đến thế thôi. Thời đại khoa học phát sinh ra được máy móc nào là Cậu ngoảnh mặt đi đến đấy. Thậm chí Cậu dẫn dỗi với những vật dụng cần thiết hàng ngày do đời cơ khí chế tạo ra. Ô-tô xe đạp máy bơm nước sông tưới nương dâu, Cậu bán rẻ đi và cho không nữa. Cậu bán cả những ống chì dẫn hơi nước để sưởi buồng nuôi tằm vào cữ tháng giá. Đèn như máy và đĩa kèn hát, máy đánh chữ, bút máy, lò còn đun nước, đèn măng-xông, ống hàn thử biểu, lịch có ngày tháng in bằng máy, Cậu đều vứt hết. Khẩu súng một nòng bắn đạn chì hoa khế trừ mãnh thú và khẩu hai nòng bắn chim, Cậu gói làm một quả xuống khúc sông Tầm.

Tang lễ Mợ Lãnh vừa xong được một tuần chay thì quanh chỗ giới hạn đất ấp Mê Thảo tự nhiên dựng lên mấy chòi canh. Ai ở các nơi vào đất ấp Tháo – tục danh của ấp Mê Thảo – đều bị dân hàng ấp giữ lại khám xét rất kĩ xem có giắt theo vật dụng gì có tính cách máy móc không. Có nhiều bạn của Lãnh Út bị lẫn lộn đồng hồ mỗi lúc lên chơi ấp và lộn về. Ô-tô xe cộ của quan khách thường bị gạt xuống dưới chân đồi xa.

Từ khi Cậu Lãnh thành người goá bụa, trong sự đỗi đãi khách khứa bà con lên chơi, Cậu Lãnh vẫn không giảm đi tí lễ nào và bớt đi khoản tiền tiếp tân nào. Người chủ ấp Tháo vẫn có danh là rộng rãi. Nhưng dù sao, cái thái độ phản khoa học và gàn ấy đã làm cho ấp vắng hẳn người các nơi lui tới thăm viếng. Cả người thăm viếng và người mua bán.

Còn mồ ma Mợ Lãnh, ấp Mê Thảo phồn thịnh là thế mà giờ thì sự làm ăn ở đấy rời rạc thưa thớt và về ấp gây rạc hẳn đi. Cái vàng óng nuốt của tằm ấp Tháo đã xuống hẳn màu tơ. Ở đây sức hoạt động kinh tế chỉ còn gói gắm vào những chuyến nước ống luồng tưới dâu lấy lên khỏi lòng sông Tầm cách xa nương hàng mấy mươi lượt

đổi vai. Rồi để nổi sự sản xuất và đổi chác của ấp với đô thị thương mại, mười chiếc xe bò bánh gỗ đặc gặp ghềnh trên đường đất đỏ khắp khênh đã đánh thụt lùi ấp vào đáy thời gian một đời sống trung cổ.

Ở đây, giờ người ta sưởi cho tấm bằng than gỗ và tiết nóng nực, có những đứa trẻ chuyên môn cầm quạt giấy phẩy phát cho tấm. Ông chủ ấy không mặc đồ len vải có chỉ máy khâu nữa. Ông đã mặc thứ vải chàm của thổ dân gần vùng dệt tay, giặt giữ bằng nhựa trái bồ hòn, đêm đọc sách bằng sức sáng của dầu ép. Lúc giải trí, đi săn cày bắn chim thì ông chủ ấp thù văn minh cơ khí đó đã có một đàn chó dày lông, một cái nỏ và vài cái bẫy. Việc ấp giao dịch với bên ngoài xa có cần kíp đến mấy đi nữa thì cái ông chủ sự Dây Thép ở tận cuối châu Tràng Sa này cũng dừng hòng thu của Cậu Lãnh Út tiền một tấm điện tín nào. Và đám chủ báo chí và xuất bản cục, hãy để yên cho người đọc giả kẻ thù của máy in này. Đã lâu, Cậu Lãnh không đi tỉnh nữa vì xuống đến đây thì thể tất nhiên, tai mắt lại sẽ phải thừa nhận cuộc đời cơ khí. Có lần người ta đồn rằng người Pháp mở rộng chương trình đại công tác và vẩy thêm đường thiết lộ xuyên qua châu Tràng Sa, sẽ bắc cầu qua sông Tấm men theo chân ấp Tháo, Lãnh Út mất ngủ đến nửa tháng và định sẽ bán rẻ ấp đi nếu có bọn cán sự chuyên môn sở Hoả xa nhô máy vào ngắm sơn xuyên vùng ấy. Rồi Cậu Lãnh sẽ lùi vào rừng.

\*

\* \*

Mặt giới lệch bóng, ba chục dân ấp Tháo lực lưỡng bắt đầu thắt cổ cây gạo sừng sững trên dòng suối Vầu. Nhiều múi thòng lọng dây thừng thít mãi vào những cành to gang ra như cánh tay đầu hàng. Những cật người uốn cong gò bấy nhiêu đầu thừng về một phía. Cây gạo xiên dần xuống rồi vật mạnh xuống như một kẻ chiến tranh bị trúng độc kế ở mặt trận, làm tung bắn lên những thân hình người đang oằn oại trên những đoạn luồng già dùng làm bẫy cắm chèn vào kẽ gốc. Suối Vầu tung nước. Rừng Vầu vang bật lên một tiếng quạt gốc già. Đầu rể cái gốc gạo nhựa rỉ tuôn tợ máu phun. Bọn người đánh cổ thụ ấp Tháo dúi ngang vào dưới thân cây gạo rồi đẩy dần cây to xuống dốc. Đến những chỗ không thả đà được thì họ lại lồng đầu thừng vào cánh nách mà kéo, vừa kéo vừa hò dô ta. Thân họ vẹo về một chiều trước, như xống ngọn cỏ bị gió lùa mau.

"Một ngày đã ngả bóng dàu  
Trở về ấp Thảo tưới dàu (ta) chần tấm... (dô ta)  
Rừng thiêng ta ngả cối sơn lâm (ta dô ta)  
Lần lừa ấp Thảo trông tấm (ta lại) thương dàu (dô ta)  
Con người rút ruột con sâu  
Dem tơ trả miếng lá dàu xót lòng  
Dô ta... ta ớ dô ta."

Bá Nhỡ lăm lăm theo: "Ấp Tháo chứ lại ấp Thảo!". Gõ chạy âm âm, lăm lăm qua những giọt mồ hôi người ngả gỗ. Tiếng đồng vọng dô ta làm chấn động một cánh

rừng bị thương và vang theo mãi xuống bến sông Tấm đã ken sẵn mấy bè nứa. Bè trôi ra giữa sông đưa cây cổ thụ về bờ bên kia. Bọn người ấp Tháo lau mồ hôi, dịt các vết thương, nói chuyện về ấp tàn, về chủ ấp cuồng và về cây gạo.

- Chơi lạ. Chỉ có Chúa Trịnh ngày trước thì mới giồng giọt như thế. May chuyện này không ai bị cây đè chết.

- Cái gì cũng phải theo lẽ tuần tự. Cây to này đưa về rồi cũng chết mà làm củi mục thối. Sống thế nào được. Phải giồng nó từ lúc bé kia chứ!

- Cây gạo thì quý gì. Gỗ nó chỉ dùng làm áo quan cho bọn nghèo. Hoa thì chỉ quyền rũ được sáo đá và quạ thối.

- Năm ngoái đã một cây. Lù lù đen sì giữa ấp như cột đồng trụ. Mà chẳng một cành nào đâm chồi. Quý gì cái gồi quạ lấy được trên cái tổ cây ấy. Đen và tanh ngòm. Khéo không lại chạm vĩa yêu tinh và bóng các Cô các Cậu trên rừng mà khôn thối.

- Mà làm sao cứ đến kì giỗ bà chủ thì ông chủ lại bắt đi đánh cây gạo về giồng ở ấp? Cúng à! Năm nay giỗ hết bà chủ đây. Sang năm có đánh cây cổ thụ nữa không?

- Cơ màu này rồi cũng đến bán ấp. Cứ uống những trận rượu như thế rồi phát điên phát cuồng lên thì còn lắm là dâu và tằm. Nếu ông chủ bán ấp, lại chỉ khổ cho bọn mình bị gán thân cho chủ khác. Công nợ như mình, vợ con ăn mặc đều tính vào dâu tằm người ta tự bao lâu nay, mỗi chốc vổ được nợ mà đưa gia đình về dưới xuôi được sao.

- Cây của người ta đang ra quả. Chỉ vì nó ở giáp hàng rào ấp mình, cành quả nó ngả sang đất mình, thế mà đòi bẻ và nhận lấy nhận để là của mình. Tai ngược hơn cả đàn bà một mắt.

- Mà người sao gàn dở đến như thế. Ai có cái máy bật lửa cũng khám cũng phạt cũng cấm. Lắm khi định ăn điều thuốc Lào thì cứ như là thằng ăn cắp.

- Say rồi đâm càn rỡ quá. Bò của người ta lạc vào ấp, ông ta bắt người nhà giữ chân bò căng ra rồi xẻo lấy miếng thịt mỡ, nướng ăn tái. Nhăn răng ra cười, kêu rằng chỗ mỡ cắt ấy sẽ thành sẹo cũng không hại gì ai. Nói thế mà nghe xuôi tai được đấy!

- Thế đã khổ sở bêu riếu đâu bằng ông ấy hiếp cả người đi chợ qua vùng đấy. Ban ngày, giữa chỗ Ngã Sáu Quán Chuột ấy. Quay màn ra giữa giò mà làm được việc ấy giữa ban ngày thì có khổ cho rượu với chè không chứ!

Ba xe bò bánh gỗ đặc nổi cang vào nhau đã chờ bên kia bờ. Cây gỗ tươi trệu trạo sau vòng bánh lăn dần về Mê Thảo. Họ cứ nói chuyện. Và chỉ riêng có Bá Nhữ đi đốc thúc ở phía sau là hiểu riêng cái tâm sự của chủ ấp thối.

Bá Nhữ nguyên có dính vào một vụ giết người dưới trung châu. Tuy là tông phạm mà cũng bị kêu án tử hình. Mợ Lãnh vì chút tình máu mủ xa, đã bảo chồng làm cho y một tập lí lịch giả và cho lên ẩn nấu luôn trên ấp Tháo. Bá Nhữ chịu cái ơn cứu sống ấy, ở với vợ chồng chủ ấp hết sức trung thành, việc tầm tang ở ấp, tình không tơ hào lấy một xu. Ở vào chân quản gia trông coi cả ấp rộng, Bá Nhữ không một phút nào là lỏng hành. Sổ sách hàng ấp, một tay y cả. Lắm việc hiểm hóc quanh vùng, có khi chủ ấp không biết gì và đều là ở Bá Nhữ hết. Bấy nhiêu tuổi đầu rồi mà Bá Nhữ vẫn xưng em với Cậu Lãnh. Mợ Lãnh chết vì nạn xe lửa, Bá Nhữ buồn hơn cả người chủ ấp trẻ tuổi gầy gầy gánh tình. Bá Nhữ có tài đàn hát. Bất cứ nhạc khí nào, cái gì y chơi cũng thành ngón cả. Làn hát lắt léo nào, Bá Nhữ cũng uốn giọng theo được miễn là cho y được nghe một vài lần. Đán hát ấy Nhữ đem ra làm khuây cho chủ ấp. Lãnh Út chết vợ trẻ, đâm ra buồn phiền, xao nhãng việc sản xuất, bỏ mặc việc cai trị trong hàng ấp, chỉ ngày ngày uống rượu, lắm lúc say, phạm cả vào điều bạo nghịch làm cho dân ấp ta oán. Nếu không có Bá Nhữ thì ấp Mê Thảo tan rồi. Cậu Lãnh uống nhiều quá, lắm khi hực cả vào tiền thuế trạch. Một mình Bá Nhữ lại vá víu bằng mọi cách. Mỗi lần Cậu Lãnh làm điều không phải với dân hàng ấp những lúc tửu hậu, Bá Nhữ lại dàn xếp và đền bù. Ấp Tháo vì thế vẫn còn lay lắt nổi trong cảnh tầm tang và dân ấp cũng đều biết đến cái công ơn người quản gia chịu khó và công bằng.

Cậu Lãnh Út buồn khổ đến đâu, cái buồn khổ ấy thấm sang tâm hồn người quản gia trung thành đến đâu. Ngoài nỗi lo tính cho sự trung hưng kinh tế của Mê Thảo, Bá Nhữ sẵn sóc đến tinh thần Cậu Lãnh không một lúc nào rời. Bữa rượu tối nào của Cậu Lãnh là cũng có người quản gia ngồi bồi rượu. Giữa những chén rượu uống một hơi, Bá Nhữ bình cổ văn, ngâm thơ Đường Luật và diễn lại cho Cậu Lãnh nghe – theo một lối riêng – nhiều đoạn Kim Cổ Kỳ Quan, Đông Hán Tây Hán Hậu Hán và Đông Chu. Lắm lúc mang đàn ra gảy. Lại còn sắm lễ từng vai tuồng một cho Cậu Lãnh xem. Chèo cũng thế. Có lần Bá Nhữ một mình diễn vở Lưu Bình Dương Lễ, lần lượt hết sắm vai nam lại sắm qua vai nữ.

Đôi khi chủ ấp có tang cũng nhoen cười. Nhưng cái vui đột ngột gây nên bởi trò lại héo úa ngay trên chén rượu nhờ người thiên cổ. Một mình không làm vui nổi cho Cậu Lãnh thì Bá Nhữ lại cậy đến những đoàn thể chuyên nghiệp. Bá Nhữ cho dựng nhà rạp lên rồi cho đi tìm phường ca công, gánh hát chèo hát tuồng ở các vùng lân cận về.

Nhưng, được hoà hân lòng vào cái vui của đàn trống múa hát âm ỉ ấy, vẫn không phải là Cậu Lãnh. Vẫn lại chỉ có đám dân bình dị cần lao trong ấp Tháo thôi. Họ coi đó là những ngày hội hiếm có và sau những kì chơi hội đó thì họ lại cần cù thêm với việc tầm tang. Bá Nhữ cũng tự an ủi được ít chút về chỗ tổn phí. Rảnh việc điều động ấp, nhìn trộm Cậu Lãnh, người quản gia đáng quý ấy thường tự hỏi mình: "Làm thế nào cho sức của người trẻ tuổi này được hồi sinh với sự sống hiện tại? Lòng kẻ chung tình ấy cứ chuyên hướng mãi về một phía tuyền đài thì rồi ấp này đến tan mất và rồi người chủ ấp trẻ tuổi tội nghiệp ấy cũng đến kết quả cuộc đời ở một nhà thương điên nào. Sống, đâu có phải là ngồi ì ra đây để chuyên tâm nhớ một

người vợ chết. Nhớ thương một cách tiêu cực. Phải cho Cậu Lãnh tục huyền với đời sống mới được".

\*  
\* \*

Quá đêm, cây gạo đánh ở suối Vầu về đã chôn đứng trước nhà khách Mê Thảo. "Phải, vào giờ này, chuyển hoá xa ấy lật úp xuống vực gần hầm Sen đây." Lãnh Út còn lằm bằm những câu gì nữa rồi mới chịu trở vào phòng thay quần áo thường ra thành đồ chế phục. Mọi khi dùng hoàng lạp, đêm tiên thường kì giỗ hết Mợ Lãnh, chủ ấp cho thấp toàn nền trắng. Cậu Lãnh lại mở và thả bức tranh trung đường xuống. Cậu quần dối xong mấy vành khăn vải trắng, quỳ xuống và hướng vào lòng tranh lựa, dâng một tuần rượu.

Ngoài hành lang, dân hàng ấp đem vàng nhang trầu rượu lên góp vào ngày kỵ bà chủ ấp. Bá Nhỡ thu nhận lễ vật và xua tay nhẹ nhàng bảo họ lui dần đi. Vì trong nhà đã bắt đầu có tiếng khóc.

Cậu Lãnh khóc to dần mãi lên, gọi đến cái thống khổ của toàn thể một đám chuyên cừ. Nỗi lằm li lọt xuống từng gia đình dân ấp rải rác quanh đây. Họ lấy nỗi buồn riêng, thương cho chủ ấp và nhớ đến người hoá ma. Khác hẳn mọi đêm thường, chim cú vùng Mê Thảo tắt tiếng cầm canh. Rồi tiếng khóc vụt rống lên in hết cái tiếng người rừng – mình mảy mọc lông móng chân móng tay hoá ra vuốt – bỗng phần nhớ đến nhân loại bị xa cách lâu ngày. Con khóc rống đã đổi sang thành tiếng hú hồn. Gió hiu hiu trên nương dâu, kéo lê thê những tiếng thảm rợn ấy xuống những vùng phụ cận thấp xa.

Cát cơn khóc, não cân bị kích động, Cậu Lãnh không tài nào ngủ được. Cậu Lãnh lại đem rượu ra uống. Khác với mọi đêm chỉ uống rượu suông, bữa rượu này lại dùng đến đồ nhắm. Ấy là một mâm nhộng rang lõi văn hoả, lòng mâm lót lá dâu da, ngọn mâm rắc lá chanh thái chỉ. Sinh thời, Mợ Lãnh bữa cơm nào cũng ăn nhộng, cho rằng nhộng là một giống sạch nhất và tin rằng ăn được nhiều nhộng thì tóc sẽ mượt óng. Kì giỗ này cũng như kì đầu trước, trong các món dâng cúng ở bàn thờ, Bá Nhỡ vẫn nhớ đến cái hèm này của người đã khuất và cho đặt lên một mâm đồng bạch nhộng rang rất to, đường kính mâm hai thước ta, phải để riêng một bàn.

Dờ đến nai rượu uống dở đêm trước thì hũ không còn lấy một giọt, Cậu Lãnh tìm cái mõ cá lớn, cầm dùi đánh bảy tiếng. Đây là một ám hiệu trong ấp dành riêng cho người chuyên giữ việc rượu cho chủ ấp. Đánh hết bảy tiếng ấy mà chưa lên thì lại đánh tiếp bảy tiếng khác.

Người giữ việc rượu đã chạy lên, thở hồng hộc:

- Dạ, bầm Cậu, ở hũ lớn cũng chỉ còn độc một bình.
- Vậy thì cho đào một hũ mới.



- Dạ đào về phía nào?

- Chỗ nào có chôn thì đào.

- Dạ nguyên là từ năm ngoái, cụ Quản (tức là Bá Nhỡ) đặt tên cho nhiều thứ rượu tùy theo từng lứa cát. Mỗi lần hạ thổ cụ đều có ghi tên và ngày tháng bằng dầu vôi. Lại còn nhiều hũ cơm mới tra men cũng hạ thổ. Con không được tường lắm, sợ đào nhầm, sẽ bị cụ Quản quở.

Cụ Quản – Bá Nhỡ – đã hiện vào. Vẫn hay rằng hiệu lệnh bảy tiếng mõ là để gọi riêng người dân ấp giữ việc lấy rượu, nhưng bao giờ đào đến rượu chôn là chẳng phải có Bá Nhỡ dòm nom đến. Cái người phụ việc kia thì có biết gì. Và đến Cậu Lãnh thì càng không biết đến gì nữa, ngoài cái việc cố hữu là say và thương và nhớ.

Bá Nhỡ lên tiếng: "Bác xuống kho lấy lên đây hai bó đuốc, lưỡi mai và cuộc bàn."

Cảnh ập, những đêm đào rượu chôn, trở nên quái đản. Khách qua đường đêm vắng, tưởng đấy là một vụ chôn của hoặc là đào mả trộm.

Hướng vào nhà khách và cách nhà khách độ ba mươi bộ, có một cái gò con. Chỗ gò phát phơ toàn một giống thạch sương bồ. Sườn gò, đây đó ít gốc rền tía. Gò ấy, chính là huyết rượu. Bá Nhỡ chôn cơm men và rượu cát ở mả rượu ấy. Ngoài Bá Nhỡ ra, cấm dân ấp không được ai lai vãng gần tử phần. Tử phần đã phân ra từng khu đông tây nam bắc và chia từng hàng luống như ở một nghĩa trang sơn thôn. Trên các khu và các luống tử phần, có những thẻ tre sơn vôi trắng, viết chữ đen và sơn đỏ, có thẻ lẫn với bài bùa phù thủy. Ấy là Bá Nhỡ ghi ngày tháng từng lứa rượu và đặt tên cho từng mẻ rượu, lắm thứ tên những nghe không thôi mà đã muốn đem cái vui buồn trong lòng ra gọi ngay vào đấy. "Vô Cố Nhân" – "Mê Thảo Hầu" – "Thuần Hoành Quận Chúa" – "Úc Sáu Viên". Đến cái tên sau cùng này trong cách tìm chữ đặt tên riêng cho rượu ập thì Bá Nhỡ đã bày rõ cái thân mật tình cảm mình đối với tâm sự của chủ nhân Mê Thảo. Chữ Sáu Viên là tên hiệu riêng của Mợ Lãnh lúc làm thơ, Mợ Lãnh qua đời rồi, thấy Cậu Lãnh nhớ vợ quá, Bá Nhỡ bèn đặt việc ấy vào một cái tên rượu. Đêm đêm nhớ vợ chủ ập lại uống hàng chục chén và có khi hàng vò "Nhớ Con Vượn Gầy"! – người Mợ Lãnh vốn gầy và hai tay rất dài. Gọi cảm thay! Và cũng tổn nước mắt thay! Khi uống đến thứ nước say ấy, chính Cậu Lãnh đã ồm nhiều trận vì những đêm sông bên cạnh vò sành "Úc Sáu Viên", tiếng khóc vượt qua mấy lần nướng dầu trấu sương cảnh.

Cỏ gò chôn rượu bùng dậy chật xanh bóng thạch sương bồ, bên cái sáng bốc khói của đuốc lớn. Người phụ việc cầm cuộc, Bá Nhỡ cầm mai, hì hục đào. Những tiếng đục đục loai kim khảo ruột loai thổ. Lặng lẽ hơn hết là cái người chủ ập ngồi trong phòng đợi rượu đào. Ánh sáng thần nhiên của bạch lập toả quanh áo tang khăn trắng người tử đồ tình chung đang vò võ đối mặt vào tranh lạnh.

Một hũ "Vô Cố Nhân" đã lấy lên khỏi sườn gò. Lau rửa sạch, Bá Nhỡ kính cẩn đưa nó lên bàn rượu và Cậu Lãnh kính cẩn cây nắp gấn kín trám đường. Chén "Vô Cố



Nhân" trôi vào cuống họng thì gà trong thôn ấp gáy lần thứ ba. Bó đuốc của người phụ việc lấp lại huyết rượu gò đang lụn tàn đóm, xèo xèo trên cỏ dầm. Vài con rắn cạp nong trườn từ hang ra, nuốt những tàn lửa đã nguội.

Cú rùng giờ mới rủ nhau đổ một hồi tan canh. Sáng hẳn rồi, mà Cậu Lãnh chưa tàn bữa rượu giỗ, Cậu uống đến đâu, mồ hôi cứ theo chân tóc mà tuôn chảy. Rồi cậu cầm một lưỡi kiếm cũ, chạy ra vườn chuối, gập cây nào là chém ngang vào thân cây ấy. Tiếng thân chuối gãy gục và tàu lá toạc rách, làm chấn động cả cái ấp ngái ngủ.

Sau trận rượu giỗ hết Mợ Lãnh, không lần nào người say rượu ấy khóc nữa. Chỉ có mồ hôi trào ra nơi các đầu sợi tóc thôi, hình như để thay cho nước mắt cạn. Bá Nhỡ càng lo, khi thấy chủ ấp không nói một tiếng nào, không khóc một lần nào. Có việc gì cần lắm, Cậu Lãnh chỉ cầm bút mà viết ra thôi. Bá Nhỡ ngờ rằng tâm con bệnh này đang nhảy sang một giai đoạn trầm trệ khác. Bá Nhỡ lại cầu đến bọn đàn hát nhà nghề để cứu vãn cái tâm hư ấy. Lại chèo, gõ, bộ, các phường hát có tiếng đều được quản gia vời vào đất ấp. Cậu Lãnh dờ chứng, xuống bút ra lệnh bãi hết những cuộc vui ấy. Một điều lạ nữa là Cậu Lãnh cũng không thèm uống rượu nữa. Rượu của mẹ cất nào Cậu cũng chê là có mùi nước lã. Để thay vào sự uống rượu, chủ ấp bắt mua pháo để đốt. Pháo bánh kê không được to thì mua diêm sinh về chế hoá mà làm ông lệnh. Tầm, giật mình, chết cứ từng lú. Lúm lú đang chín, bụng đỏ ửng và trong suốt như là hồ phách, sắp kéo tơ mà chết cả vì tiếng pháo của người cuồng. Dân ấp, những người không có gia đình, đã có một số bỏ trốn đi. Bá Nhỡ ngồi chờ cái ngày tận thế của Mê Thảo.

Chủ ấp thôi không uống, không khóc, không nghe đàn hát nữa thì trông càng thêm thâm vô cùng. Cả ngày cả đêm cứ ngồi sững mà nhìn tranh, dáng điệu như nhà sư nhập định, mắt không nhắm, miệng không mở lấy một tiếng.

Cậu Lãnh ngồi im như thế được một năm, bóng in hẳn vào tường, đường viền quanh bóng in trông sắc gọn như nét cắt. Lấy nước cọ không đi và lấy vôi đặc quét lên mấy lần, cục bóng xám trên vách ấy vẫn cứ hiện bật lên. Thân hình Cậu Lãnh khô sắt chẳng khác gì thân hình kẻ vận hoá tâm ra để tự diệt mình. Những lúc Cậu bắt đực dĩ phải cử động thì tứ chi cậu cứ như là chân mượn tay mượn, bước đi không thật nữa và tay cầm đến vật gì thì đều sai lệch đổ vỡ hết cả. Còn cái khối óc thì hình như là đã trót cầm cho Rượu và cho Tương Tư, cầm lâu ngày quá đến không chuộc được về nữa rồi. Cậu Lãnh đã đến cái vực lị. Một hôm chợt thấy bóng mình trong gương đứng và từ đây cũng không dám rửa mặt và thau nước nữa. Trông thấy bất cứ cái gì lấp loáng như mặt nước đọng là Cậu rúm người lại; nổi hốt hoảng ghê rợn hơn cả người mang bệnh nọc chó dại.

Bỗng một đêm mưa to gió lớn, chủ ấp choàng dậy, vớ lấy chiếc mõ cá mốc meo, đánh một hồi bảy tiếng. Đã lâu lắm những đêm Mê Thảo không bị khua động vì thứ hiệu lệnh gọi rượu này. Giữa hồi mõ thứ hai thì Bá Nhỡ đã lên, mình khoác chiếc áo toại đêm mưa.

- Em lấy rượu Cậu uống.

- Ừ.

- Một năm nay Cậu từ rượu. Tửu phần vẫn bỏ hoang và rượu chôn vẫn nguyên đấy. Gắn kĩ, chắc hương vị vẫn giữ được. Để cho đào ngay lên Cậu xem.

Thấy chủ ắp đòi uống, Bá Nhữ mừng rỡ cuống quýt. Hình như người quản gia được yên lòng hơn khi chủ ắp lại trở về với thói tật cũ. Ngắm chủ ắp cầm lại cái chén đã bỏ quên hằng năm, Bá Nhữ lấy làm hân hoan lắm và tự nhủ thầm: "Cậu cứ uống đi. Rượu đã có Em này cất cho Cậu không bao giờ thiếu lấy một giọt. Còn việc làm ăn trong ắp, cái kén tơ cái lá dâu, thuê má công xá người làm, Cậu cứ mặc Em tính liệu. Miễn là Cậu đừng buồn, may ra ông Giời mà thương lại, xui cho Cậu lại tục huyền với đời sống – đời sống nhiều khi cũng lạ chỉ tượng trưng bằng cái hình ảnh cụ thể người đàn bà muôn năm! – Cậu lại tục huyền mà hồi dần lại với cuộc đời cần lao như ngày cũ thì Em này vui sướng biết đến đâu! Cậu cứ uống đều đều đi. Uống cho triển miên ngày tháng đi".

Rượu vào, Cậu Lãnh lại nhớ đến đàn hát đã bằng đi một năm tròn. "Này Em, cái Cô Tơ ấy độ này ở tỉnh hay nhà quê nhỉ? Hôm nào Em bảo Cô hát lại cho Cậu nghe. Một cây đàn đi theo với cô ta thôi. Giờ Cậu sợ những cái gì là đông đúc ầm ỹ". Câu nói của Cậu Lãnh thốt ra lúc ngà ngà, rồi tửu đồ cũng bỏ đấy và quên mất. Nhưng Bá Nhữ thì quên thế nào được. Bá Nhữ để tâm việc tìm Cô Tơ. Cho người đi tìm không ăn thua gì, Bá Nhữ thân hành đi tìm lấy, lòng hừng lên như buổi mai ngày hè. "Cậu Lãnh rồi có lẽ khỏi. Phải, Cậu mà không nghe đàn hát tức là hỏng rồi đó, tức là bệnh không thuốc nào chữa nổi nữa. Trừ phi không đủ điều kiện thì thôi, chứ con người ta sống ở đời, có ai mà lại không nghe đàn hát bao giờ. Đến người chết rồi cũng còn muốn nghe nhạc nữa là".

Nghe nói Cô Tơ dọn nhà hát ở bất cứ chỗ tỉnh thành nào là Bá Nhữ lộng hiềm mà tìm đến, chấp cả cái việc người ta có thể dò biết cái án cũ tử hình còn treo trên đầu mình. Đi thông mấy tỉnh mà đều không được gặp, Bá Nhữ bèn tìm hẩn về làng nguyên quán Cô Tơ. Quả như điều dự đoán, Bá Nhữ đã gặp người danh ca, ở một nếp nhà gianh vùng quê Nhộn. Ông Chánh Thú – chồng Cô Tơ – mất đi rồi là Cô không dọn nhà hát ở tỉnh nữa, lui về quê sống cái đời người thôn nữ làm việc với đồng áng sương nắng hai mùa. Lúc Bá Nhữ lần về đến quê Nhộn thì Cô Tơ đang làm cỏ ở ruộng ngoài chân đê, phải cho người đi tìm về.

- Cô đã về. Có lẽ Cô quên tôi rồi. Tôi ở trên ắp Mê Thảo mà Cô đã có lần lên hát, cách đây gần ba năm.

- Ông tha lỗi cho. Chúng tôi quên mất thật. Đời chúng tôi đi hát nhiều nơi quá, thật không nhớ cho hết được. Dạ ông cho tìm về, hẩn có điều gì dạy bảo?

- Chúng tôi đi mấy tỉnh tìm Cô. Nay được gặp, thật cũng bỏ cái công lặn lội. Chũng tôi muốn tính Cô về trên ắp chúng tôi hát một buổi.

Cô Tư không trả lời ra sao, đẩy chén nước mời về phía Bá Nhữ, tay sửa lại vành khăn tang. Giời chiều đã nhuộm vàng cây cau ngoài sân, chủ nhà xin phép ông khách cho lùi sang buồng bên để thắp tuần hương chiều thường lệ ở một cái bàn thờ. Lúc trở ra, ngồi ăn giầu, Cô Tư nói chuyện với khách: "Chẳng nói giầu gì ông, từ khi ông Chánh nhà chúng tôi mất đi, chúng tôi không cầm đến lá phách nữa. Bất nhẫn lắm, ông ạ. Bởi vì hát lên thì lại động đến vong hồn người đàn ngày xưa, ông ạ. Không biết ông có nghe qua đàn ông Chánh nhà chúng tôi lần nào không nhỉ! Tội lắm ông ạ. Bây giờ, chúng tôi giải nghệ rồi, sống cái đời goá ở chỗ thôn quê, được cái cũng nhàn và đủ ăn đủ mặc. Phần ngựa xe trên tỉnh, chúng tôi nhường lại cho các chị em đồng nghiệp còn trung thành với nghệ với tổ."

Bá Nhữ tưởng đây là một câu khách sáo, cười một cách giao thiệp. Sẵn cơm rượu bung ra, Bá Nhữ ăn uống tự nhiên như người nhà và nhân tiện ngày hết đã lâu, cũng nhận luôn lời chủ nhà giữ lại nghỉ đêm ở đây. "Ở vùng chúng tôi, hàng quán xa quá và không được tươm tất. Chẳng mấy khi ông về đến đất cổ lậu này, mời ông nghỉ chơi lại, sớm mai hãy đi. Đêm hôm ông có cần dùng điều đóm nước nôi gì, xin cứ gọi đứa bé nằm ở chõng tre kia." Thế rồi chủ nhà kiếu lùi xuống nhà ngang và Bá Nhữ cũng đi ngủ ngay, định ngày mai sẽ nói chuyện tiếp với Cô Tư về nhật kì khởi hành lên ấp và định về chỗ tiền thù lao.

Sớm ngày sau, sau tuần nước, lại có cơm rượu bung ra nữa. Cô Tư xin phép ăn riêng ở nhà ngang. Lúc Cô Tư trở lên thì Bá Nhữ đang ăn tráng miệng, nhòm nhoàm nói: "Vậy hôm nào Cô lên được ấp chúng tôi, xin Cô nhất định cho để chúng tôi cho người về đón."

Cô Tư cười nhẹ và khoan thai nhắc đúng lại những câu hôm qua đã nói với ông khách. Cô thêm: "Chẳng mấy khi ông lần về đây tìm chúng tôi, thực là quý hoá quá. Không nhận được nhời với ông lên hát trên ấp, thật là phụ cái bụng quý của người tri âm lắm. Nhưng không thể làm sao được. Ông miễn chấp cho." Bá Nhữ chào ra về, bụng nghĩ có lẽ Cô Tư không nhận nhời ngay vì chưa có người kếp nào xứng đáng để cùng lên ấp, đi với người đàn kém sợ phí tiếng đi. "Thì ta sẽ làm người kếp đó trong một buổi chứ sao. Ta không rõ ngón đàn ngày trước của ông Chánh Thú chồng cô ta ra sao, nhưng Bá Nhữ này có cầm đến cây đàn đáy thì cũng không đến nổi là những tiếng bật bông. Rồi xem. Có lẽ ta đánh đàn đáy vào hôm đó. Đỡ được một tay kếp ngoài. Cuộc vui sẽ thân mật hơn, Và ý Cậu nhà cũng chỉ muốn ít người thôi." Trên con đường trở lại Mê Thảo, người quản ấp vui tươi như hôm vừa rồi thấy Cậu Lãnh đòi uống lại.

Một tháng ròng, Bá Nhữ cho đón một người kếp nghiệm về ấp để luyện lạ ngón đàn đáy, cung đón thầy đàn quá là phụng dưỡng cha già, chỉ định ninh hễ thành thuộc hết cái bí mật của nhà nghề khi đã ghim được rồi, là sẽ hạ sơn đón Cô Tư mà xóng tơ mình với trúc người, – ít ra là một lần này – để Cậu Lãnh có dịp đầu thai lại vào đời sống.

Mà tập đàn đáy đến như Bá Nhữ thì tức là cướp cả nghề của kếp nghiệm đáy. Bá Nhữ không thèm buông một tiếng tơ nào. Đã bấm đến tiếng đàn nào thì tiếng đàn ấy cứ chín nục đi. Không một chữ nào sượng. Tưởng có đi đàn thờ ở một cửa đình nào, thì ông thần làng lấy giải cũng không bắt được Bá Nhữ đàn lỗi ở bất cứ khổ nào. Trông Bá Nhữ thất cổ chó mỗi lúc nổi dây, xinh đáo để. Mà người tí mĩ đến thế là cùng. Không một bộ phận con con nào của nhạc khí lồi thòi kèn càng ấy mà Bá Nhữ không thuộc. Không nói gì đến cái quá giang cái thú của đàn, đến như cái mỡ phím đàn, cái vú đàn, Bá Nhữ cũng tò mò đến. Thế rồi những ngón đàn như vè, lẩy, chụp, vuốt, nhấn, những tiếng thoảng, những chỗ xoè, Bá Nhữ đều nhập tâm cả coi cũng như là công việc sổ sách hàng ngày trong ấp tằm.

Bá Nhữ đi bào lại một cây đàn đáy cũ, thành bằng gỗ trắc đã lên nước, tang bằng gỗ ngô đồng Chiêm Thành. Gỗ mặt đàn in sâu những thương tích của nghề do cái đầu gậy muôn thuở của cao bực tiền chủ đàn đã cần mãi vào tang. Bá Nhữ lia Mê Thảo, ôm cây đàn cũ ấy về quê Nhộn.

Lần này, gặp Cô Tơ, Bá Nhữ nói ngay: "Có lẽ Cô sợ không có người đàn nên lần trước, thỉnh Cô, Cô không chịu đi. Lần này tôi đem luôn cả đàn xuống, đàn thử Cô thăm âm mấy khổ, hễ Cô thấy không đến nỗi sượng lắm, thì Cô nhận lời mời nhé!" Thế là ngồi vắn trực, thử lại đây, Bá Nhữ đàn luôn.

Tùng tung tênh, dênh dênh a dênh

Tùng tung tùng tung tùng tênh tùng tung tưng, tung tùng tênh tùng tênh tùng tung (xoè)

Tùng tênh tang tùng tang, tùng tang tênh tang

Tênh tênh tang tùng tênh tênh tang

Tênh tùng tênh tênh tang

Tùng tênh tùng tênh tang (xoè)

Đầu tiên, Cô Tơ còn ngỡ với những tiếng đàn mà đến mấy năm nay Cô coi như là việc cổ tích đã cất vào cái tủ mọt nào rồi. Ông Chánh Thú chết, Cô liền không cho tai mình nghe bất cứ tiếng đàn nào của người đàn ông nào. Cô chưa hết ngần ngại thì Cô đã phải chú ý đến ngón đàn khuôn của ông khách. Những chỗ buông bắt, sao mà giống cái nghệ thuật ngày xưa của ông Chánh Thú đến thế. Miệng Cô mấp má, cổ họng muốn dặng hắng, Cô muốn hít hơi cho đầy hai lá phổi. Cánh mũi cô phập phồng nhẹ, Cô muốn hát vo theo những khổ đàn của Bá Nhữ cứ như thấm mãi vào người. Cô muốn quỳ xuống mà lạy tổ muôn lạy và hỏi vì đã có ý muốn giải nghệ. Bá Nhữ để nằm cây đàn xuống giường, đầu dọc đàn dựa vào tà áo người chủ nhà goá. Cô Tơ nhích ra, thở dài.

- Cô có thể cùng đi với tôi lên trên ấp ngay giờ chứ?

- Biết nói thế nào cho phải với ông bây giờ. Chúng tôi cũng chẳng lấy làm cao quý gì cho lắm để ông phải vùi đến mấy lần. Ngày trước thì lại chẳng được gặp những bức như ông cho. Tôi không thể nào đi hát được nữa ông ạ.

- Đàn tôi còn non, Cô sợ tôi không ghim nổi chăng?

- Không phải. Đàn ông chín lắm. Nghe đàn của ông, đến người đá cũng phải bật ra tiếng hát. Tôi nói thực đấy ông ạ.

- Vậy sao Cô không chịu nhận nhời mời? Phách, tôi chắc Cô không quên được rồi, đâu có bỏ lâu ngày đến đâu đi nữa. Hay là Cô chưa được khỏe?

- Thưa ông, tôi không đau ốm gì cả. Thôi ông chịu phiền vậy. Để tôi cho tìm một người bạn tôi ở thôn dưới về áp hát hầu các ông nghe vậy. Cũng gần đây.

- Nếu Cô không nhận nhờ cho thì Cậu Lãnh chúng tôi cũng không dám phiền đến ai. Nếu Cô ngại điều gì, thì chỉ dám phiền Cô cất công đi cho một lần này thôi. May ra mà Cậu Lãnh tôi khỏi được, thì chúng tôi chịu ơn Cô nhiều lắm.

- Nghe hát, khỏi được! Khỏi gì ạ? Ông nói thêm cho chúng tôi rõ.

Bá Nhữ liền đem tình cảnh áp Tháo và bệnh tình chủ áp kẻ tường tận cho người đào nương nghe. Cô Tư lấy làm suy nghĩ quá.

- Thế này ông nhá. Đáng nhẽ thì chúng tôi cũng không nói ra. Vì nó là một câu chuyện kín ở trong nhà, riêng đối với một người đã khuất. Nhưng ông đã đem việc trên áp mà kể cho chúng tôi nghe, chúng tôi cũng không dám giấu ông về cái tâm sự của tôi nữa. Và khi tôi thuật xong ông nghe rồi, ông đừng nhắc lại chuyện lên hát trên áp ông nữa nhá!

- Xin Cô cứ kể cho nghe đã.

- Đây là một câu chuyện nhà, tưởng không bao giờ có thể bận đến ta ông. Số là lúc ông Chánh nhà chúng tôi nằm xuống, vợ chồng thương yêu nhau quá mà không làm thế nào để cưỡng lại được mệnh giới, chúng tôi có thể độ với nhau một câu. Là vắng chồng rồi thì thế không uốn một tiếng hát nào cho thiên hạ nghe nữa, trừ phi... trừ phi lại có người nào dám cầm đến cây đàn đáy cũ của chồng tôi mà đàn lên lúc tôi gở. Lắm lúc nhớ tiếng hát mình quá và lại thêm công việc nhà nhiều khi thiếu sự chỉ dưng, chúng tôi cũng có ý rời quê lên tỉnh để dọn nhà hát lại. Nhưng cứ nghĩ đến nhờ thế đối với cây đàn của chồng mà lại không nỡ, mà lại không dám...

- Tôi ngắt Cô một chút. Thưa Cô, tôi tuy không tài giỏi, bằng ai, nhưng tôi dám đàn vào cây đàn của Ông Chánh Thú. Ít ra là một lần trong đời tôi. Tiếng đàn hay hay không hay là ở ngón đàn của người đánh chứ có phải là của riêng nhạc khí đâu. Nếu có chiếc đàn của ông Chánh đây, xin phép Cô cho tôi thử một vài khổ, xem nó khó khăn đến thế nào.

- Ông để tôi nói tiếp. Nguyên cây đàn đó hình như có phù chú yểm bùa biếm gì ấy. Tang đàn làm bằng nắp ván thoi cổ quan tài một người con gái đồng trinh. Hồi còn mồ ma nhà tôi, cái đàn ấy cũng đã sinh ra nhiều chứng lạ rồi. Về sau này, cứ vào những đêm tối giờ, thành đồ mồ hôi cứ vã ra như tắm và thùng đàn phát lên những tiếng thờ dài và vật mình vật mẩy với bức vách, cứ lừng cừng suốt đêm. Thấy thế mãi rồi nó cũng quen đi, chứ mấy lúc đầu, tôi sợ lắm. Vả chẳng, vì có sự nhớ thương mà rồi cũng đỡ cái nỗi kinh hãi đi.

- Cây đàn ông Chánh đồ mồ hôi và thờ dài?

- Vâng. Tôi không dám buộc ông tin những điều ấy. Nhưng việc đó ở nhà này, đàn bà chúng tôi thường vẫn thấy có sự linh ứng luôn luôn.

- Cô có thể cho tôi nhìn qua cây đàn ấy không? Hiện có ở nhà này chứ?

- Dạ vâng. Dừng ở cạnh bàn thờ. Nhưng tưởng nói qua ông nghe thế là đủ và chẳng cần ông phải xem đến.

- Không, Cô cứ cho tôi đứng cạnh nhìn qua. Vội lại, Cô cũng nên cho tôi thắp một tuần nhang trước bàn thờ ông Chánh nhà. Tuy không được biết nhau lúc sống, nhưng có hề gì điều ấy. Cũng là một nỗi tài tử cả mà. Lễ nhau một lễ cũng là điều phải.

Bá Nhữ có một lỗi nói cứ xoắn lấy việc, không thể nào từ chối được. Vả chẳng, người cũng có cái cốt cách phong nhã. Cô Tư đành phải đưa một ông khách nhất kiến vào xem bàn thờ chồng và nhất là cây đàn cũ dựng đấy. Bá Nhữ đang ngắm nghía cây đàn bụi bám đầy, mạng nhện giăng cả lên mấy sợi tơ dây – khom mình cách xa đàn độ một với tay – bỗng đàn cũ nổi một tiếng tách gọn như cái tiếng nứt dọc bóng đèn a phien. Bá Nhữ giật mình ngất lên, lùi ra một chút. Thì ra một sợi dây vừa đứt phụt, nó đang xoắn quăn và rung rung gởi lại vào phòng vắng ít dư ba của thanh âm dùng dằng rĩ rên.

Bá Nhữ lặng lẽ thắp hương, khấu đầu làm lễ trước bàn thờ lạnh mội. Bát hương nấu âm, tự nhiên các chân nhang đều cháy bùng lên và tàn lụn dần trên gio bát. Cô Tư sợ quá và sắc mặt Bá Nhữ cũng có tái nhợt đi. Trở ra ngoài phòng khách, Bá Nhữ gật gù:

- Hồn ông Chánh có điều thiêng lắm đấy, Cô ạ. Thế rồi cây đàn còn những làm sao nữa, hở Cô?

- Năm ngoái, cũng có một người đến đây năn nỉ tôi hát nói. Ông ta cũng sành đàn lắm. Nể quá, tôi gõ mấy khổ, rồi phải bỏ dở. Và cho đến bây giờ vẫn còn hối hận.

- Sao, sao, Cô?

- Ông ta đàn được mấy khổ vào cây đàn của nhà tôi...



- Cây đàn cũ của ông Chánh dựng trong buồng thờ vừa rồi?

- Chứ ông bảo còn cây đàn đáy nào khác nữa. Nghĩa là tôi đã thề với ông Chánh tôi như thế. Tôi cũng tưởng cứ làm đúng với lời thề thì không việc gì. Nếu tôi biết trước được có sự xảy ra thế thì tôi đã ngăn được ông khách ấy. Không nghe hát thì có ai chết bao giờ. Chứ cứ nghĩ như cái lần ông khách ấy nghe hát mà tôi thấy tội cho tôi quá. Cái mạng con người, ông ạ.

- Ông ta chết bên cây đàn?

- Tôi không nói đùa. Và xin ông trang nghiêm lại lời nói cho. Ông khách ấy không chết. Nhưng thành ra bồng mắt hấn nửa bên người. Ông có muốn gặp lại cái người bán thân bất toại vì ca nhạc ấy, tôi chỉ chỗ cho ông tìm đến mà hỏi chuyện. Ông ta người vùng Bắc.

- Đầu đuôi câu chuyện thế nào, xin Cô cho được nghe rành rọt.

- Ông ta ngồi đàn mà tôi thì gõ. Không có ai cầm trống. Mới xong được câu muỗi. Tôi mới buông dờ chữ quê sau ở câu "Nhớ quê chàng lại tìm đường thăm quê" thì thấy ông ta rung mình mạnh, tay đàn lia hấn đầy gảy, cả người rung lên mặt xám đi và mắt đại hấn ra. Tôi vội bỏ cổ phách đấy, chạy đến đỡ ông ta vì người ông ta cứ thế mà thiêu dần đi. Phải tìm ông thầy và đổ thuốc cho ông ta gần sáng mới tỉnh lại và nói được, miệng lệch hẳn về một bên. Nhớ lại câu ông ta nói mà nhiều lúc tôi muốn xoay nghề. "Tôi đam mê đàn hát quá, không nghe lời Cô dặn qua về cây đàn thờ, để đến nỗi thành phế nhân, lỗi thật chỉ tại tôi. Giờ phiền Cô cho người đưa hộ tôi về nhà được thì tôi chịu ơn Cô thật là nhiều lắm." Tôi có thuê cái võng và cật hai người khoẻ mạnh vồng ông ta về vùng Bắc. Vồng ông ta vừa ra khỏi cổng nhà ngoài sân kia, thì bên buồng thờ bát nhang cũng hoá và cháy bùng lên như hôm nay ấy ông ạ.

Bá Nhữ ngồi một mình cạn hết chén này đến chén khác, không có hỏi thêm nói thêm một câu nào, khi cáo từ Cô Tư, chỉ nài chủ nhà phải nhận chỗ tiền đưa về sự phí tổn lật vật.

Về tới Mê Thảo, Bá Nhữ vào thẳng buồng riêng mất một đêm một ngày, mắt không phút nào nhắm và cánh tay để trên trán đọng hấn máu lại. Việc tắm việc áp, có điều cần kíp đến mấy, dân ấp cho người lên vấn kê, Bá Nhữ cũng xua tay đuổi xuống. Thậm chí Cậu Lãnh cho đòi, Bá Nhữ cũng không chịu lên, lấy cớ rằng khó ở lắm. Bá Nhữ không ăn không uống, chỉ nằm dài thế mà nói chuyện riêng với riêng mình thôi.

"Như thế nghĩa là cầm đến cây đàn của Chánh Thú là phải chết. Nếu không chết thì cũng phải thương tổn đến thân thể như cái lão già bên vùng Bắc. Ta có nên quyền luyện với cái thề xác ta nữa không? Ta thử nghĩ xem ta có còn để dành ta vào việc gì khác không? Hay những ngày mai ngày kia cũng chỉ là sự tái diễn của ngày này thôi! Đổi tên đổi tuổi lên cái ấp nuôi tằm để rồi mà hết hấn ở đây hay là hết ở một

chỗ nào khác trong không gian? Cậu Lãnh đãi mình rất hậu. Đây là một cái ơn tri ngộ. Ta muốn trở nên một chút ánh sáng, ta muốn trở nên một cái đốm lửa để làm bùng dậy trong lòng con người tê dại này. Có thể đây là một cuồng vọng. Có thể chỉ là một cuộc thí nghiệm suông mà riêng mình chịu lấy phí tổn thôi. Nhưng cuộc thí nghiệm nào mà chẳng có trị giá. Hình như ta sắp đọc thấy cái ý nghĩa của thời giờ ta đang tiêu đây. Ta học nghề đàn, ta phải đánh lên thành tiếng, dẫu rằng đời chơi đàn của ta chỉ vắng được lên có một lần, trong một trường hợp đặc biệt. Quái, sao cây đàn của Chánh Thú ám ảnh và thử thách ta đến thế! Cầm cái đàn ma quái ấy mà gây để Cô Tơ hát, để Cậu Lãnh đánh trống! Ta muốn làm được việc ấy ngay bây giờ".

Bá Nhữ nghĩ trước đến những nương dâu xanh lá um sau này mà mắt mình không ngó đến nữa. Bá Nhữ nghĩ trước đến những lúa tằm chín – ruột đỏ trong suốt như hồ phách gọt mài – mà sau này tay mình không đụng đến nữa. Ý nghĩ trả nợ đời và đời y lúc này cũng chỉ là một sự rút ruột con tằm. Có còn vương được tơ nữa về sau hay không thì chưa biết, nhưng rồi đây cầm đến cây đàn Chánh Thú ấy mà đánh lên thì cái thác của đời tằm nào mà chẳng là say sưa. Nhả cái tơ lòng ấy ra, đánh lên cái tơ ấy cho dội vang lên một dây phút của thời gian rồi mà hết luôn với tất cả chung quanh! Bá Nhữ muốn cười to một tiếng. Tiếng cười ấy không thành, nhưng Bá Nhữ đã ngã vật được xuống. Và mắt người nằm đây tuy không nhắm, nhưng lòng người ấy đang chiêm bao đến những giây khắc sắp tới của đời mình. Từng cái một, tóc người ấy trắng mãi ra như sợi cước.

Vô tâm đối với xung quanh đến như Cậu Lãnh mà cũng phải giật mình khi trông thấy cái đầu trắng xộp như mây của Bá Nhữ đang động đậy và đưa gần mãi về phía mình, bên lối cỏ của tửu phần.

- Có hai hôm vắng mặt, mà sao đầu Em đã ngả bạc hết cả rồi?

- Cậu tưởng đời Em còn xanh lắm sao?

- Chết chưa, không còn gốc nào xanh. Em chịu khó xuống lại buồng riêng lấy gương soi mà xem. Tóc Em thật như là tơ trên đầu một vị tiên ông nào.

Bá Nhữ lại muốn cười to, tâm bận với một chữ tơ. "Tơ tóc". Tơ trên đầu. Tơ trong lòng. Tơ đàn. Sợi tơ cây đàn nay mai ở nhà Cô Tơ. Tiếng tơ tiếng trúc của một bữa tiệc lên đường nay mai bằng cái đi muôn thuở của âm nhạc.

Chủ áp và quản gia đôi ả, thân mật hơn mọi ngày. Chén rượu chen tiếng đàn. Nhân tiện, Bá Nhữ cũng muốn ôn lại những khổ đàn đáy, tưởng như mình sắp đi thi làm quản nhạc. Hơi rượu ủ lấy hơi tơ. Tiếng gảy kẹp lấy tiếng rót. Thời gian thần nhiên lướt trên hai cái tâm sự. Một người uống để kéo dài đời mình ra bằng sự nhớ thương một cái bóng trắng. Một người đánh đàn để càng cảm thấy rằng đời mình rồi sắp là cuộc đời của một sợi tơ do tay mình câu đứt. Thế mà lòng người đánh đàn quyết liệt ấy cũng vẫn cứ se thắt được để rồi lại tự nhủ thêm mình rằng: "Ta không vợ không con, đổi tuổi đổi tên họ, lẫn lút lẫn lữa nơi ấp người, trên đầu đội một bản án toà đại hình. Ta còn đợi gì nữa ở cuộc đời ta! Ta không chờ mong gì ai. Và tất cả

cả các thứ tàu và chuyến tàu của cuộc đời này không chờ một kẻ hành khách cô độc đây. Có ai đưa ra được một lí lẽ chính đáng nào để ta không nhún ngón tay vào phím đàn Chánh Thú! Đã nhìn thấy cây đàn cũ ấy thì phải đánh – đánh cái cuộc đời mình vào đấy – để rồi xem nó thành được ra tiếng gì". Bá Nhữ thấy cái cảm dỗ của những phút muốn thử đến một cái gì, muốn thử mình với một cái gì.

Gần tàn tiệc đêm, Cậu Lãnh vụt nhớ đến cái thềm ước cũ: "À, hôm nào Em cho tìm Cô Tơ về áp hát một buổi. Đàn của Em nghe chín lắm. Sao mọi khi không thấy Em chơi đàn đấy! Ừ, chưa có lần nào Em đánh đàn đấy. Có Cô Tơ hát thêm vào nữa, thì cuộc đời cũng không đến nỗi toàn là những chén "Vô Cố Nhân" đó Em ạ."

Chủ áp lại đòi vơi thêm nửa bì "Vô Cố Nhân" nữa để cho mặt giờ rọi lệch ánh buổi mai rừng vào miệng những chén trào sóng còn sủi tăm. Đã trên dưới nghìn đêm rừng rồi, gà ở ấp Tháo chỉ có gáy chõ vào một chén rượu của một con người này.

Bá Nhữ lại xuống núi, tay không mà xuống núi chứ không có đem đàn theo như lần trước. Lần này là lần thứ ba mà một người đánh đàn tìm đến một nếp nhà gianh để cầu một tiếng hát.

Trông thấy Bá Nhữ bước vào nhà, Cô Tơ càng lo sợ nghĩ đến cái mộng hôm trước không khéo mà ứng vào ông khách trên ấp này đây. Đêm nọ gần về sáng, Cô Tơ nửa thức nửa ngủ chờn chờn nghe thấy tiếng người rón rén đi từ trong buồng thờ ra. Cô quay mặt lại phía cửa màn thì đã thấy ông Chánh Thú đứng sững đấy, áo sô gai rộng tay và hoen ố. Cô định vùng chạy đi thì hồn người chồng ra hiệu là không việc gì mà sợ. Ngồi men vào thành giường, cái hồn mặc đồ vải trắng bệch ấy phào phào với vợ: "Một ngày rất gần đây, sẽ có một người tìm đến để nghe mình hát. Cứ để cho người ấy đàn vào cái đàn dựng ở bàn thờ tôi. Mình đừng có ngăn giữ người ta. Mình phải hát cho người ấy đàn. Đàn xong thì người ấy lăn ra chết. Thế nghĩa là người ấy sẽ thế mạng cho tôi ở dưới cung Thủy Tinh này. Thì tôi mới được trở lên làm người dương gian. Đàn dưới này cho Diêm Vương trong mười vương phủ, tôi tắm khổ sở lắm. Những thanh âm ngục tối, mình ôi! Mình nhớ kĩ lấy đề tôi được đầu thai về cái thế giới tơ trúc trên dương gian. Lần trước đã hụt mất một dịp đầu thai rồi vì mạng cái người bên Kinh Bắc ấy còn vướng lắm, tôi bắt chưa được. Thôi tôi về đây". Một luồng gió lạnh lay động lá màn. Cô Tơ ngồi hẩn dật thì không thấy gì nữa. Và một điều lạ là trong buồng thờ lại có ánh đèn. Ai thắp? Bao giờ Cô cũng tắt đèn thờ trước khi đi nằm. Cô vào đến nơi thì có ba tiếng nứt tách rất dứt khoát. Ấy là ba sợi dây tiểu dây trung dây đại ở đàn đáy kế tiếp nhau mà cùng đứt. Một con đom đóm vờn bay trên cây đàn nhể nhại mồ hôi. Trên nền tang đàn gỗ ngô đồng, có những đốm lân tinh lập loè. Cô Tơ lại gần nhìn mới biết đấy là máu của dây đàn đứt. Đầu các dây còn rung lên, ruột sợi tơ rỉ tuôn ra một thứ nước đặc sệt như máu con giò leo và xanh đục như ruột bọ nẹt. Chết ấy đọng thành giọt ở các đầu dây và loé tia xanh lạnh lên dưới cái sáng chờn vờn của lửa con đóm. Cô Tơ thắp một tuần nhang bất thường và, đồ cổ phách ra khỏi túi vóc, Cô gõ mấy câu hát thờ.

Công việc đồng áng của Cô Tư vào sau giấc chiêm bao ấy có điều trễ nải hơn mọi khi. Rồi là thấy Bá Nhữ vào nhà cô.

Sực nhớ lại mấy nhời trong mộng, Cô Tư chỉ vội mời Bá Nhữ uống nước, và bỏ mặc khách đấy, Cô lùi ngay vào buồng thờ châm đèn hương, thỉnh chuông và cầm hai đồng tiền gieo xuống đĩa xin âm dương, khẩn: "Nếu mộng triệu ứng vào người khách chơi đàn trên ấp Mê Thảo đang ngồi ngoài kia, thì tôi muốn xin mình tha cho người ấy. Mình chờ đến người sau rồi hãy đầu thai lên lại với cuộc đời bằng thịt bằng xương thật này. Cũng không lâu gì đâu, Mình muốn lúc nào thì cứ báo mộng cho tôi là tôi tìm ngay được một người cầm vào đàn của mình mà đánh để rồi chết. Thiên hạ nào phải thiếu gì người cầm đàn chạy theo vợ Minh. Có trôi sông cũng không hết. Nhưng đến cái người ngồi ngoài nhà kia thì tôi thấy không đang tâm. Tôi xin mình, mình chứng giám cho tấm lòng ngay thẳng và thương người của vợ Minh. Tôi gieo tiền, Mình bằng lòng thì một đồng sắp một đồng ngửa."

Tiền khát đài một mặt bôi vôi, ba lần gieo xuống đĩa thì ba lần chỉ quay tí mà cười rồi lăn ngửa cả ra đĩa, chứ không keo nào được cả. Cô Tư hoa mắt, nghẹn nơi họng và trong người như có ai đặt hoá lò. Rồi cô lặng cúi trở ra phòng khách, không dám nhìn thẳng vào Bá Nhữ.

- Thưa Cô, tôi về ấp đã nghĩ kĩ rồi. Tôi sẽ đánh đúng vào cây đàn thờ dựng trong buồng. Sự gì sẽ phải xảy ra cho tôi, tôi vui lòng chịu lấy. Cô không nên lo sợ ái ngại gì cho tôi cả.

- Thưa ông... Thưa ông...

- Thưa Cô, tôi đã nhất định. Nếu tôi có tránh được cái việc đánh vào cây đàn ông Chánh, tôi thấy đời tôi nó cũng chẳng thêm hơn lên lấy được một điều gì. Có lẽ còn nhạt là khác nữa.

- Thưa ông...

- Thưa Cô... mà lần này chắc không còn có cách gì để Cô từ chối nữa. Vì Cô không phải lên hát tặn trên ấp. Cô ngồi hát ngay ở bực kia. Tiện lắm.

- Thưa, không có trống?

- Điều đó, tôi đã tính rồi. Chùng vàng mặt gò thì võng Cậu Lãnh tôi sẽ có người cáng tới đây. Cậu Lãnh sẽ cầm châu. Cô sẽ hát, tôi sẽ đàn – đàn ngay vào cái đàn ông Chánh. Thôi, Cô bảo dọn qua loa cho tôi cái gì để tôi uống mấy chén cho nó ấm bụng.

Trông người quản gia ấy nâng chén độc ẩm, người ta phải liên tưởng tới cốc rượu mạnh của tội nhân sắp lên đoạn đầu đài. Bởi vì, chốc nữa – chỉ một chốc nữa thôi – khi mà Bá Nhữ cầm đúng cây đàn thờ ấy lên, hễ bắt đầu sòng lên ba tiếng tức là kí vào một bản án tử hình đây.

Cả người Cô Tơ là một cội bần chồn không có biên giới. Cô ở nhà ngang chạy lên nhà trên, nhìn vào mâm rượu rồi lại nhìn trộm Bá Nhỡ và rồi lại chạy xuống. Cứ thế mãi. Cô muốn được trốn lánh đi đâu chứ không muốn là một niềm xúc cảm gì ở cái nhà này nữa. Cái sinh mệnh của người tự tổng tửu cho mình kia chỉ đang treo vào một sợi... tơ! Và Cô sắp hát cho người ấy nghe để cho sợi tơ kia đứt phụt.

Chiếc cồng điều áp Mê Thảo đã dựng giữa sân nhà Cô Tơ hai đầu gác lên hai cái trấu gỗ ổi già. Cậu Lãnh vẫn chưa tỉnh rượu. Hai lực điền dân ấp vực Cậu Lãnh vào, đặt Cậu ngã lưng bên gối xếp. Bá Nhỡ ra hiệu cho chủ nhân triệt soạn và mời Cô Tơ đổ phách ra mà gõ ngay đi thôi. Sau khi châm mấy nén hương vĩnh quyết vào bát hương thờ Chánh Thù, Bá Nhỡ đã khệ nệ ôm cây đàn thờ từ trong buồng ra. Cô Tơ cầm phách gỗ.

Bá Nhỡ thử dây, vặn trục đàn. Trục nghiêng gắt và nắc dăn mãi lên. Cần đàn ôm sát vào mặt, Bá Nhỡ ngửi thấy một mùi tanh tanh và gỗ đàn đã truyền sang lòng tay một chất nhờn sánh. Buông đầu gậy xuống dây, đàn vắng ngân một tiếng cuồng loạn. Và những đầu ngón tay phải – Bá Nhỡ đàn tay trái cũng như cầm đũa cầm bút – nhấn xuống dây đã ran lên những cảm giác buốt nhức. Bá Nhỡ chừng chặc buông ba tiếng sòng.

Cậu Lãnh còn đang li bì vội choàng dậy, cầm roi chầu đánh luôn mấy tiếng. Người Cậu Lãnh chỉ còn ở hai cánh tay và hai cái tai, chứ cật và chân cứng đờ và mắt thì nhắm nghiền, cầm vĩnh lên giong. Cô Tơ như mất hẳn hồn, cái tâm chỉ còn lên xuống theo với bực đàn. Gõ bực dưới thân tan loãng đi đâu để cả người Cô Tơ phiêu phiêu lững lờ trôi mãi giữa không.

Chưa bao giờ Cô Tơ thấy rõ cái đau khổ ngậm ngùi của tiếng đàn đáy buổi này. Tiếng đàn hậm hực, chừng như không thoát hết được vào không gian. Nó nghẹn ngào, liềm kết cái u uất vào tận bên trong lòng người thẩm âm. Nó là một cái tâm sự không tiết được ra. Nó là một nỗi ủ kín bực dọc bùng bít. Nó giống như cái trạng huống than thở của một cảnh ngộ vô tri âm. Nó là cái tấm tức sinh lí của một sự giao hoan lưng chừng. Nó là niềm vang dội quặn quại của những tiếng chung tình. Nó là cái dư ba của bề chiều đứt chân sóng. Nó là cơn gió chẳng lọt kẽ màn thừa. Nó là sự tái phát chứng tật phong thấp vào cữ cuối thu dầm dề mưa ẩm và nhức nhối xương tủy. Nó là cái lả lầy nhào lìa của lá bỏ cành. Nó là cái lê thê của nắm vô danh hiu hiu ngọc vàng so le, Nó là cái oan uổng nghìn đời của chỉ tơ con phím. Nó là một chuyện vương vít nửa vời.

Tiếng đôi lá con cõ phách Cô Tơ dồn như tiếng chim kêu thương trên dặm cát nổi bão lốc. Nhiều tiếng tay ba ngừng gục xuống bàn phách, nghe tàn rợn như tiếng con cứt lao mạnh xuống thềm đá sau một phát tên. Tay phách không một tiếng nào là nhụt. Mỗi tiếng phách sắc như một nét dao thuận chiều. Và gõ đến như thế thì thật là đem cái vinh quang đến cho tre cho trúc và tạo cho thảo một một tấm linh hồn. Dưới mười ngón tay hoa múa dẻo quánh, tre trúc bật nảy lên vì thỏa thích. Đàn và hát dất nhau mà lướt bỗng. Cậu Lãnh Út mềm tay roi, càng mê toi đi vì tơ trúc riu



ran. Chưa hồi tỉnh cuộc rượu của ấp, Cậu lại tự bồi thêm trận rượu của đêm nhạc. "Đàn ai đàn..."

Nấn những đương gân ngang nó gò cong mình xuống đàn nó day thịt da tê cóng trên dây sắc buốt như cật nứa, mấy đầu ngón tay Bá Nhỡ đang chịu một nhục hình bá đao từng xẻo. Nghe phách Cô Tơ, ở những khổ rung thừa rồi mau, Bá Nhỡ say sưa trong cái nhận thức là mình đang chết dần giữa đàn hát và mỗi một tiếng trúc tiếng tơ đánh thêm lên là mình lại càng lả dần về cõi chết. Có người tự tử bằng mùi hoa ngát, có người tự tử bằng hơi nhạc. Người đang luyện phím khảo dây bỗng nổ một nụ cười héo sũng trên hai môi tái.

Máu chảy ra nhiều quá. Toàn thân Bá Nhỡ đỏ ngòm. Áo quần màu trắng của Bá Nhỡ vụn trở nên vóc đại hồng, trông hết một người phục sức đề ăn thượng thọ. Người Bá Nhỡ đã là một cái vại đựng chất lỏng có nhiều chỗ rò rỉ. Máu trong cơ thể Bá Nhỡ cứ đều một dòng tuôn mà thấm lậu ra ngoài, Bá Nhỡ đã thấy khát nước. Và khắp mình mẩy, xót nhức không biết đến đâu là chừng hạn nữa. Mỗi tiếng đàn là một miếng thịt lầy ra. Tí một, tiếng đàn đưa nhau về nơi vĩnh quyết. Tùng. Tang. Tùng. Tùng! Tụng. Bá Nhỡ vấp một chỗ nhấn, đầu ngón chừng đổi dây lát trên mỗ phím cao quỵện huyệt. "Đàn ai... đàn.. một tiếng..."

Vừa có một mũi kim nào châm vào cái đốt cuối xương sống Bá Nhỡ, làm cho cây đàn đột ngột bật hẳn cần dọc lên. Rồi không rõ từ đâu vào, vẫn ở đoạn xương sống, có rất nhiều hạt muối lạo xạo đánh loăng chất tuỷ người đang gò đàn. Ruột nhũn hẳn ra, óc se thắt lại, chỉ còn có cái tâm Bá Nhỡ là điều động với lớp tơ trúc dật dờ.

Gân tay Cô Tơ xuống phách đã có chiều lão đảo vì chuột rút. Hạt châu lầy bầy động trên môi người hát, sáng đục như mắt chuồn chuồn. Phải nuốt nước mắt mặn chất tuôn đều với máu người đàn đối diện, tiếng hát Cô Tơ có nhiều chữ buông bắt đã hết vòng hết tròn. Tiếng hát đã sưa làn rồi khô và mực hát đã có chỗ bưng. Cả hát cả đàn đang dặt tay nhau sa lầy trên cái mệnh mông bùn sũng ngào vỏ ốc, mờ rộng xanh lơ ngút chân trời. Cô Tơ rùng mình. Hình như đây là pháp trường đang có những tiếng mớm chiêng đồng. Như ăn phải bát cháo lú bên sông Hắc Thủy, Cô mê thiếp đi. Tiếng hát méo dần.

Thoảng một tiếng dây đàn đứt. Cô choàng tỉnh để nhận cái đầu tơ ấy bắn vào mặt. Thái dương Cô tê dại trong khoảnh khắc. Rồi vững lại tay phách, chỉnh lại hơi cổ hơi mũi, Cô Tơ hát bây giờ mới vượt qua những đỉnh nhọn của thế giới âm thanh. Tiếng hát mọc cánh, thăm thẳm trong trắng tinh khiết quá pha lê gọt. Cô đang gọi nước suối đá ngọt trào dâng lên. Tiếng phách trúc dítu dan như cô đục lại được muôn điệu của muôn giống chim. Có những tiếng tre đánh thép, sắc bén đến cái mực cắt đứt được sợi tóc nào vô tình bay qua khoảng nơi phách đang bốc cao vươn mình dựng dậy như vách thành. Đôi tai Cậu Lãnh Út chỉ là cái phễu để Cô Tơ rót vào đầy cả một rừng chim và cả một suối thủy tinh.

Cô Tơ giờ mới để ý đến những tiếng trống điểm. Trống người chủ ấp trẻ ấy sát phạt thật. Thật là một thứ trống lợi hại. Trong tiếng trống, có tiếng đổ nhào của ngói



gạch vụn rời. Hình như tất cả những lâu đài cung điện của cuộc đời nhõn tiền đều tan rã theo một cái roi quật xuống mặt da loài thú. Hình như phải có được vô vàn vàng lụa lữ thể mà phí đi thì mới đổi được ra thành cái tiếng âm âm đục đục ấy. Châu, điểm đến như thế thì khỏi nào mà tránh được chuyện oan trái với người gõ trúc.

Lúc này, Cậu Lãnh chỉ biết có sự thâm âm. Âm trúc, âm tơ. Còn ngoài ra Cậu không biết gì hết. Chén tổng rượu cứ liên tiếp mà vui mà đầy, gia nhân đi theo rót đưa đến đâu thì Cậu uống đến đấy. Tưởng lúc bấy giờ, cả quê Nhõn này có phát hoả, cả chung quanh Cậu đất có sụt nứt hết, Cậu cũng mặc. Cậu đang ngủ cái giấc ngủ thôi miên của âm nhạc. Không một tiếng nào lép, roi cứ như ôm lấy tang mít, rồi cứ như dấn vào mặt da.

"... Nguyệt dải tàn nhang... ư... Con sông hồ nước biếc..." Nhưng thật ra Cô Tơ chuyên hướng tiếng hát vào lòng người chơi đàn chứ không bận gì mấy đến người điểm châu. Bá Nhõ ngồi trước mặt kia, sinh mệnh chỉ còn dính vào cuộc đời bằng một vài khổ đàn nữa thôi. Tất bản đàn, là cuộc đời người đang xuống cái đầu gậy bằng sừng bò tót kia cũng hết luôn. Hơi tơ thiếu nào như lời gởi gắm giới giảng. Nó buồn rộng xa nhoè quá một tiếng lên đường. Thôi thì đây cũng là những tiếng cuối cùng của đời, Cô Tơ cố bắt buồng từng chữ cho thật chín nục để kẻ sắp hết làm người kia đem đi cho thật đầy đủ cái dư âm của cõi sống. Làn hát chênh đi như lời già từ ngượng nghịu.

Trong buồng thờ Chánh Thù, có tiếng cười sảng sặc ở sau cái bài vị. Bát hương bàn thờ sứ chẻ dọc làm hai mảnh, tiếng nẻ toác to gọn như mắt tre nổ trong lửa. Hai mảnh sứ nhào lăn xuống nền đất, kêu đánh xoảng. Riêng Cô Tơ nhận thấy tiếng đồ vỡ này và hiểu nó là điểm báo hiệu của một điều linh thiêng gì. Qua cái màn mỏng nước mắt, người hát trùng trùng vào người đàn. Bá Nhõ vốn đã còm, giờ lại càng khô sút hẳn đi. Máu tuôn ra nhiều quá, đánh đồng quanh chỗ Bá Nhõ như một khối hồng hoa. Bắt tay đàn để xuống mạnh một cái đầu gậy thứ nhất ấy là máu trong người Bá Nhõ vọt đi từ đấy. Và thân hình ngót dần đi và teo tóp mãi lại chẳng khác gì cái xác khô người tăng già khổ hạnh. Hình như tới một chừng mực siêu thanh nào đó, âm nhạc có cái vật tính là làm quắt lại da thịt và chuốt dài thân người ta.

Bá Nhõ chỉ còn là một cái bóng. Bóng loãng dần và không động. Bóng cứ nhạt mờ thêm mãi qua cái hôn mê của nỗi thảm tình thương và Cô Tơ chỉ còn nhận thấy có mỗi một cái chấm sáng trên thân người ôm đàn là còn linh động. Ấy là cái mặt ngọc chiếc nhẫn ở ngón tay nắn dây. Tất cả sinh khí một kiếp người chỉ còn gởi có vào một cái mặt nhẫn linh động theo âm đàn. Nhưng mà ngón tay cầm đàn gậy cũng đã uể oải rồi trên con phím. Rồi bỗng hẫng đi trong phòng không có một tiếng đàn nào nữa. Như một thứ keo, máu cũ khô quánh đã gắn chặt mười đầu ngón Bá Nhõ vào mấy sợi tơ đỏ sẫm và mặt tang ngô đồng hoen ố. Mười ngón như một đã bị đóng dính liền vào phím cây đàn.

Máu tuôn đã hết chất nồng và chỉ còn toả ra một mùi tanh nhạt. Bá Nhữ gục vào đàn, nách cấp lấy thành đàn mà nhoài ra giường. Gỗ đục đêm và thân người nhoài ra kia lạnh băng nhau.

Phía sau gáy Bá Nhữ, vụt bay lên một con bướm đen loang lổ những chấm tròn hồng hoàng. Tinh hồn Bá Nhữ đã xuất thoát ra kia đang diu đôi cánh ồm rồi biến dần vào bóng khuya. Một con châu chấu ma nở ruột trên tim nên là lay.

Thế là hết hân ngân rung của chỉ đàn. Điều hát Hoà Mã, chưa quá một phần ba.

Như một hành khách hoả xa tỉnh giấc lúc tàu đỗ vào ga, Lãnh Út choàng dậy, hát hàm hỏi: "Kìa, sao lại nghỉ lâu thế! Nối lại dây chóng vào". Cô Tơ bỗng oà lên. Tiếng khóc nức nở thê thảm. Cô chạy lại đỡ xác Bá Nhữ, đẩy chiếc gối may vào gáy một tấm thi hài co quắp. Cúi mình xuống cái xác dầm dề đỏ, Cô Tơ đang vuốt mắt cho Bá Nhữ, bỗng lại giật bắn mình lên vì một tiếng tách nữa nổ ngay cạnh Cô. Cây đàn vừa bị tay người lạnh thả dần xuống mặt bụi, đang tự tan vụn ra từng miếng con. Phím long rồi, cần, thành, tang đều tung bật hết mộng chốt, và cùng một lúc nhả hết những đường sơn gấm. Đàn chỉ còn là một đồng vụn gỗ linh tinh những bừa bộn bên một cuộc đời đánh đàn đang khô dần lớp máu cuối cùng.

Lãnh Út – nước mắt vận chuyển hết vào nội tâm thành một niềm tư tưởng im vắng ghê lạnh – chống tay vào cằm, ngây sững như đất tượng nung, ngủ ngời ngay dưới chân xác chết mất một nửa phần đêm và lan sang nửa ngày sau, mắt mở to, mi không chớp lấy một lần.

Tỉnh giấc ngủ ngời, Lãnh Út nhẹ đặt thi thể Bá Nhữ vào cáng đưa về Mê Thảo. Chiếc cáng đi theo cái đà của gió mưa thuận mùa. Lãnh Út bám vào đòn cáng mà lần về ấp. Lẽo đẽo chạy theo sau xa là Cô Tơ, mặt trùm kín vuông khăn lượt trắng mỏng.

Bá Nhữ được hạ thổ vào lúc xế chiều. Và ngay buổi tối ấy, tử phần cũng bị khai quật luôn lên. Mặt đất gò rệu ngổ ngang đất đào và vô vàn là chum là hũ bị tháo nút ngả nghiêng ở miệng huyết rệu. Nhiều vò rệu, nước sánh đặc chảy ra lênh láng. Nhiều hũ cơm ủ đang kết men, – lấm cái hình bó và sắc cốt hiện lên đẹp như phát khánh tướng đến nơi.

Sẵn bó đuốc cháy, Lãnh Út vút luôn vào tử phần khai quật. Gò rệu phát hoả. Lửa men khô nồng bốc lên liên tiếp. Cho đến hết canh ba mà ngọn lửa men rệu xanh lè cũng chưa dịu ngọn. Đêm phóng hoả tử phần, thảo mộc chim muông vùng Mê Thảo bị một trận say lây. Cây cảnh cỏ lá đều mê man rũ rượi rầu nhũn. Thú ngàn rống to lên như cảnh động rừng. Chim bị say, cánh cụp cứng lại mà lìa khỏi tổ, rụng xuống đất như quả chín rời cành mẹ.

Lão đảo, Lãnh Út lấp bắp ám ớ nói mê giữa một giấc chiêm bao không ngày tháng: "Sau một cái tử biệt, giờ ta phải tính đến một nỗi sinh li khác. Đối với đàn, hát, từ bây giờ ta nguyện làm một người điếc, một người cô đơn một người phản bội. Và

trên vong linh Bá Nhỡ, ta thề độc là không bao giờ cầm đến một cái chén nào của cuộc đời này."

### **TÁI BÚT.**

*Một năm sau, ấp Mê Thảo mọc lên một ngọn chùa. Chùa Đàn. Chùa Đàn nhận tượng mới và chuông mới vào trước kì giỗ đầu Bá Nhỡ mười hôm.*

*Cô Tư đòi giữ việc kinh kệ cho Chùa Đàn và nhận trông giúp luôn hai mẫu dâu ruộng bầu hậu cho Bá Nhỡ. Dưới nhà thờ, có bia bầu hậu cho Bá Nhỡ, ghi ngày kị và lễ vật dâng vào định kì ấy. Ngày kị Bá Nhỡ, dân hàng ấp đều được nghỉ việc tầm tang bốn buổi liền.*

*Bệ vôi nhà thờ tổ chưa có pho tượng Phật nào. Nhưng ở đấy, sau bát hương đặt một tảng gỗ đẽo có ngọn vút lên, trông xa như một gốc trầm. Lại gần nhận kĩ thì là cả một cây đàn đáy với những nét chính của nhạc khí tạc chìm vào gỗ mộc. Cứ vào hai buổi chuông chiều mộ, tảng gỗ thờ đó lại đổ ít mỡ hôi dầu và xê động khỏi chỗ. Ngày nào, Cô Tư cũng phải kê đặt lại tượng đàn thờ.*

*Được hai năm thì ấp Mê Thảo sang tay chủ khác, người ngoại quốc.*

*Lúc bán ấp, Lãnh Út có điều đình vẫn giữ lại hai mẫu tự điền vốn cát ra làm ruộng hậu.*

*Chùa Đàn dựng trên khoảnh đó.*

### **Phần III: Mưỡu cuối**

*Quê Tương, mùa xuân một năm tuổi*

Kính gởi sư thầy Tuệ Không,

Chùa Từ H...

Kẻ không đi tu này, muốn bạch cùng sư thầy Tuệ Không một vài điều để cùng luận với Nhà Chùa một thái độ về đời sống. Trước khi hầu chuyện Nhà Chùa, sư thầy cho phép chúng tôi nói chuyện với những độc giả cũ thân mến và trung thành của chúng tôi về thiên truyện bỏ dở đã.

Nhà Chùa cứ thỉnh xong hồi chuông chiều một trăm linh tám tiếng ấy đi thì chúng tôi sẽ trở lại với Nhà Chùa đấy.

Vậy là tôi đã đọc xong "TÂM SỰ CỦA NƯỚC ĐỘC" trong một bụi lau cao, rừng tù kéo lê thê cái bóng chiều hôm thượng du. Tôi đọc chỉ có một hơi, say sưa đau khổ với người trong đoản thiên. Trong lúc đọc, có một người lính tập cầm súng bên, tầm mắt dán xuống một giải đường đỏ lượn dưới núi để xem hễ có Tây quân trại xộc lên khám công việc, thì ra hiệu cho tôi biết. Tôi đọc hết "TÂM SỰ CỦA NƯỚC ĐỘC" thì kèn đồng trên lô-cốt đồn cũng nổi một hồi rôm-bê. Tôi phải dật ở quần áo, đứng lên, lần về trại giam. Tôi thất thểu trên dốc núi, khuôn cái lòng mình

vào tâm người trong tập đoàn thiên giết trong túi đất. Hình như chân tôi đang bước hộ ai đâu đây, theo một cái đà đi của người trong nhật kí. Phải, "TÂM SỰ CỦA NƯỚC ĐỘC" chỉ là một tập nhật kí mặc dầu người viết nó không dùng ngôi thứ nhất lúc tự thuật, không ghi niên hiệu của biến cố và đã đổi hết tên người tên đất. Dưới tập vở viết, chỉ chua: "Georges Philippar, 1932". Tức là... Linh viết trên một con tàu bẻ chạy đường Cực Đông, sau khi bỏ ấp, xuất dương, làm bồi tần sống cuộc đời công nhân và truy tuý Cách Mệnh ở ngoài xứ. Chính chiếc tàu to lớn này, kì hạ thuỷ chạy đường Viễn Đông Thượng Hải đã tải rất nhiều khí giới của đế quốc gửi sang Thượng Hải để đàn áp Cách Mệnh Trung Hoa và chuyển về đã bị đốt cháy ở giữa Hồng Hải. Tôi ngờ Linh có dính vào chuyện Georges Philippar phát hoả, làm chết một nhà báo tâm huyết Albert Londres và suýt chết luôn một ông quan xứ ta đi đón một ông vua Bảo Đại về nước nhận ngôi. Tôi nhớ rằng nhiều lần Linh đã giảng kĩ cho tôi về các công tác phá hoại.

"TÂM SỰ CỦA NƯỚC ĐỘC" đích là một quãng thiếu thời của Linh lúc còn mê man o bế cái sống cá nhân của mình. Trái với lời rào đón khiêm tốn của tác giả nói về phép hành văn, tập nhật kí diễn theo một lối thuật hoài đặc biệt đã đem đến cho tôi nhiều rung động hiếm có. Ra khi người ta đã có một cái tâm sự và lại thiết tha và lại chân thành khi gửi nó vào giấy mực, thì người ta chấp được cả sự tưởng tượng của ngòi bút lành nghề. Và Linh, nếu chỉ cứ chuyên nhất vào cuộc đời chính trị, văn nghệ bị thiệt thòi hẳn đi về nhiều nỗi.

Đi theo tốp lính áp giải về trại, đầu tôi còn ê ẩm vì không khí một cái ấp nuôi tằm trong nhật kí. Đây là một cái ngục tối. Ấp Mê Thảo là một cảnh địa ngục mà lính canh là rượu, là hát, là kỉ niệm, là sự nhớ tiếc một người vợ chết. Ở tù, còn có thể vượt ngục được. Chứ đã ở đến cái ấp Mê Thảo ấy, có đủ tiền, có thừa rượu và sự chiều chuộng của đời sống dư nhàn thì chỉ còn có chết oan uổng ở đây thôi, chứ còn thoát li thế nào được. Vậy mà Linh đã xông ra được. Để mà đang là một con số 2910 đi bước một xuống dốc núi, trước mặt tôi.

Tôi nhìn Lãnh Út - Linh - 2910 mà rờn rợn cho một cuộc đời. Tôi nhìn Linh như một người đã bị thần trùng bắt đi, tra khảo mãi không xưng mà rồi lại còn được trả về đời sống. Ghê thật! Một người đã được cuộc sống phong lưu bỏ tù vào cái vỏ cá nhân tự cung dưỡng mình, một người đã chìm nổi về rượu suýt chết vì rượu và đã làm chết lây người khác bằng đàn hát sở thích, một người đã trôi ngáy lên vì rượu vì nhạc dâm dề cơ thể, một người đã ôm những trận thập tử nhất sinh vì những cảm giác ma túy ấy, người ấy có quyền nói câu này mà tôi nhớ mãi: "Nay tôi không sợ bắt bỏ tù tội và tất cả sự đàn áp của kẻ thù mà tôi chỉ sợ người mời uống và rủ đi nghe hát." Tôi tin được câu nói ấy của Linh.

Linh đã đem những tuổi hoa niên cầm cố cho ma men, đã uống một bữa rượu dài ba bốn năm ròng, - mặt giờ mặt giảng chỉ có kế tiếp triền miên mà rơi vào một cái cốc quen thuộc của con người ấy. Linh ngồi im sững trong không và thời gian đến nỗi bóng mình tự thành vệt lên vách vôi, đã từng nghe người ta vừa hát vừa khóc và nghe người ta đàn đến cái mực học máu ra mà gục chết dưới góc nhạc khí, đối với

một người sa đoạ và sám hối như thế, cuộc đời còn nữa đủ tàn ác và bất cố liêm sỉ để mời người ấy nghe lại một khổ đàn hoặc cầm một cái cốc nữa không? Nghe hát đến chết người, uống rượu đến suýt chết cả mình, đích là cái quá khứ Linh chứ còn là của ai vào đây nữa!

Không phải là Linh thù oán gì tửu và nhạc đâu. Linh chỉ đổi đi cái đối tượng của mê mải - người Linh lúc nào cũng chứa nổi say đắm một cái gì -và hướng dục vọng mình vào một phía mới nào nó rộng rãi và đúng nghĩa hơn. Linh vẫn là một người say cái Đẹp, say cái Say. Nhưng sau cái thời kì hỗn loạn của ấp Mê Thảo, giờ Linh là người tình nhân của Cách Mệnh, Linh chỉ nhận có những chén mà công cuộc trao cho, thưởng cho mỗi lúc phá một cái gì để dựng lại một cái gì. Những chén ấy, thường Linh uống cả cần. Linh vẫn say như ngày xưa, nhưng không cần mượn đến cái thứ rượu tầm thường ta vẫn nhấp vào lúc vui lúc buồn hằng ngày. Trận say thứ hai này trong đời Linh - 2910, có lẽ đến lúc tắt nghỉ, Linh cũng không thêm tỉnh lại. Với cuộc Cách Mệnh Thường Trục của cuộc đời chên vênh lạc nền tảng này, ai đã dám nói một câu chót?

Đêm ấy ở trại an trí, tôi châm đèn thức khuya hơn để đọc lại tập nhật kí của Linh. Mãi đến hai ngày sau, tôi mới trả Linh với một câu: "Dẫn rượu của đời sống vào cuộc đời bút mực đến một chốn hải hùng như thế, chừng như cũng mới chỉ có anh. Bởi vì cái tâm sự của anh cũng dị thường lắm. Tôi muốn xin phép anh, mượn anh những tài liệu sống đó để sau này xây một chút không khí gì cho một thứ văn phẩm nào của đời tôi nghèo hẹp, anh có vui lòng không?" Không cần suy nghĩ, Linh cúi ngay tập bản thảo đó vào túi dệt tôi: "2910 biểu luôn anh cả cái bản thảo rách bản này. Anh giữ lấy làm cái kỉ niệm của một lần gặp nhau. Anh muốn dùng nó làm gì thì làm... "TÂM SỰ CỦA NƯỚC ĐỘC" sang tay anh cũng là phải. Vì xem chừng như anh cũng là nòi rượu, thích đàn hát và ưa bay nhảy lắm thì phải. Đời tôi đời anh, nếu tôi đoán không nhầm thì hình như cũng đã có nhiều đoạn đường song hành."

\*

\* \*

Bạch sư thầy Tuệ Không,

Bây giờ tôi mới được hầu chuyện sư thầy về cái nghĩa sự sống sự chết trong đời người. Và tôi muốn cho một nhân vật trong "TÂM SỰ CỦA NƯỚC ĐỘC" được đối chất ngay với sư thầy.

Ấy là Cô Tơ.

Và Cô Tơ, chính là sư thầy lúc này đó.

Cô Tơ, Tuệ Không, chỉ là một.

Cũng như Lãnh Út - Linh - 2910.



Nhà chùa không được chối, bởi vì Phật của Nhà Chùa bảo thế. Sư thầy bỏ Chùa Đàn, sư thầy tìm ra quét lá ăn mày sư tổ ngoài tỉnh Đông. Rồi sư thầy gửi mình ở Quỳnh Lâm, Dật Yên, ở Chùa Keo, chùa Dận, Yên Tử, Chùa Cói. Sư thầy tu, kể cũng đã tốn nhiều chùa! Đi tù về, tôi bận lòng về một tập nhật kí đem theo xuống núi và tôi đã cố dò tìm hỏi han về hành tung của sư thầy. Bằng cách gì? Đó là cái công phu riêng của người nghệ sĩ muốn tìm lại một cái kiểu mẫu người sống để đối chiếu mẫu cũ với một sự sáng tạo hiện nhiên của nghệ thuật. Nhà Chùa không thể hiểu được! Sư thầy chỉ cần biết rằng tôi đã bắt mối được với cuộc đời tiêu cực của Nhà Chùa. Sư thầy hãy gấp cuốn Kinh Hoa Nghiêm lại. Và ăn bớt của Phật một vài tuần nhang thấp, để cái thời giờ đó mà luận định lại một thái độ tư tưởng, - cùng với kẻ vô đạo này.

Vậy là trước khi đi tu để chối đời sống, sư thầy đã là con hát của một cuộc đời sông hồ. Và ở cái lãnh thổ này đang cần đi gấp đến sự thực hiện hoàn toàn của lịch sử và chưa qua được giai đoạn quốc gia, sư thầy không thể đùn cho ai mà không nhận lấy cái dĩ vãng ngày nọ của sư thầy, nguyên chỉ là một thái độ người thương nữ của bên Tần Hoài. Và ra điều rằng mặc mãi gấm vóc tơ lụa rồi thì bây giờ mặc sang vải cứng nhuộm nâu chẳng? Ra điều rằng chán nơi tử các phồn tạp thì lại đi tìm cái mộc mạc lạng lẽ ngày nay để làm đối lập cho cái xán lạn ồn ào ngày trước, mà sư thầy đã quên quê hương sinh trưởng, quên tên thật tuổi thật, sư thầy đã vô đời sống để đem đổi tất cả thành ra một cái đạo hiệu? hoặc đi hát hoặc đi tu, riêng trong hai việc mặc và ở dẫn ra đó, có lúc nào sư thầy nghĩ đến những người đã cung cấp cho sư thầy những điều cần dùng hằng ngày ấy cho thể xác không? Có lúc nào sư thầy nghĩ đến một người thợ dệt - dệt tơ cũng thế dệt vải cũng thế, - một người thợ mộc một người thợ nề? - xây nhà gác cũng thế mà làm đình làm chùa thì cũng thế. Để trả để đáp đền lại cái công phu của bấy nhiêu con người ấy, sư thầy trước kia đã gõ một cổ phách và bây giờ đang gõ một cái mõ. Trước là một tiếng trúc của con người không chịu cảm thông với thời thế, giờ là một tiếng gõ của con người đi trốn sống. Tôi không dám bảo rằng thanh âm không có giá trị trong công việc đổi chác của nhu cầu hằng ngày. Vì cho đến bây giờ, cái tiếng gõ của một đồng xu một đồng bạc, không những vẫn có chân giá trị của nó mà lại còn rất nhiều thế lực ở đời trao đổi nữa. Nhưng ở thị trường của đời sống, cái tiếng gõ mõ của Nhà Chùa quả đã vượt ra ngoài mọi ước lệ của giao dịch. Và cho rằng đã lập dị được trong sự ăn chay thì con người ta có quyền bắt đời sống tiêu cái thứ tiền giả đó sao? Thà sư thầy lại cứ là "cái Cô Tô" ấy mà gõ cái tiếng tre đục như xưa, cuộc đời còn thấy thái độ ấy là có nghĩa hơn.

Nhân nhắc lại tên Cô Tô mà tôi lại ngẫm thêm về cuộc đời của nhân vật ấy trong kí sự. Tất cả giá trị cả Cô Tô ấy trong "TÂM SỰ CỦA NƯỚC ĐỘC" là đã làm cho Lãnh Út tái sinh lại qua cái chết của Bá Nhỡ. Qua cái huỷ thể của một người đánh đàn, Cô Tô đã là một cái cơ thiêng liêng để Lãnh Út thác sinh lần nữa vào cuộc sống. Cùng một lúc, làm chết một người đàn ông nhạc sĩ này để làm sống lại một người đàn ông nghệ sĩ khác đang li bì chìm mình trong nước độc, rồi cô ta lần đến một ngôi Chùa Đàn để mà tự tử dần - hay nói là đi tu thì cũng thế. Sao lại có thể vô lí như thế được? Vụ tự tử câu dầm lâu ngày ấy chưa đến đoạn chót hoàn toàn tất

thở. Vì cho đến lúc này, sư thầy vẫn còn ngồi ở địa đờn sống để nhai cái hạt lúa của cuộc đời tạo ra và để đánh dấu cho sự có mặt mập mờ của sư thầy ở cuộc đời, ngày nào sư thầy cũng nện mạnh một cục gỗ vào hai lúc lặn và mọc của mặt trời. Trước khi chết hẳn mà chữ Nhà Chùa gọi là tịch, về chỗ thanh toán một cái nợ áo và cơm - sư thầy tưởng ăn cơm không có thịt và mặc áo vải là không chịu không nợ chung quanh hay sao? - của cuộc đời, đời sống muốn sư thầy trả cho bằng những tiếng gì không phải là thanh âm mõ.

Bạch sư thầy Tuệ Không - nhất danh nữa là Cô Tơ.

Đối với đời sống cần phải sòng phẳng, thái độ của sư thầy là một chuyện đánh bạc gian và cái thời khắc biểu của Nhà Chùa chỉ là những ngày tháng cầu một bệnh nhân trầm trệ. Sự hô hấp của tăng già chỉ toàn có thán khí thôi, lúc hít vào cũng như là lúc thở ra.

Ông Phật bảo rằng muốn là khổ. Và muốn không khổ thì chúng ta nên giết chết những cái muốn đi bằng cái việc ta tự tử ta và cô động điều đó thành một phong trào có hội sở hương khói ngày ngày, hồ bóp nén con người tình cảm chúng ta cho nó ngạt chết hẳn đi.

Lí trí của những người lành mạnh, trong nhân loại lại dạy rằng chúng ta còn khổ mãi thế này là vì chúng ta chưa thành đạt trong cái ý nguyện làm người của người đời. Chữ muốn, ta phải viết hoa nó lên. Cái Muốn ấy tức là Khoa Học, là những khoa học và rồi nó sẽ là cái thành công của Cách Mệnh.

Còn có dục vọng nào chính đáng sâu sắc rộng đẹp bằng ý thức của Cách Mệnh! Cái Muốn trong chủ định đi tới chỗ thành Con Người hoàn toàn ấy sẽ đặt ngay Nát Bàn ở giữa cuộc đời thật tại này để ta có thể dờ mó được. Vậy mà có những pho sách gỗ in đã bảo sư thầy nên diệt hết những dục vọng cao quý ấy đi để chạy theo một bóng hạnh phúc ở mãi chỗ huyền ảo nào. Ấy thế rồi sư thầy mặc áo thật của cuộc đời, ăn hạt gạo thật của cuộc đời để phản ngay đời sống bằng cái sống lộn sòng như thế đấy. Không thừa nhận đời sống để mà nắn chuốt lại đời sống theo những phép tắc xây dựng của thực tế, vô tuột công ơn của đời sống bằng một cái thái độ tiêu cực ấy, chừng như cũng chỉ có những người cung một nhãn hiệu tư tưởng với sư thầy mới làm nổi được việc ngược bất công đó thôi.

Bạch sư thầy Tuệ Không,

Đời sống là do chúng ta làm ra cả. Bây giờ nó còn hỗn độn, nó còn lệch vẹo. Nhưng một ngày tới, nó sẽ đẹp, nó phải đẹp, nó sẽ không là bể nước mắt như bây giờ mà nó sẽ là những công trường của vui cười. Để tới cái tương lai ấy, chúng ta có mặt ở cuộc đời để mà dính vào cái phần kiến trúc riêng của mình vào công việc xây dựng khổng lồ chung kia. Đàng này sư thầy trốn chạy cuộc sống bỏ đi ngồi riêng ra một chỗ để chuyên soi mói đến cái phần không hay của nhân loại và định tốt đẹp riêng lấy một mình. Đáng lẽ phải là một người thợ thì sư thầy lại đã đi tu. Đáng lẽ phải ngồi ở một cái nhà máy, thì sư thầy đã tìm một mái chùa. Niềm giác ngộ ấy, nếu có

thành quả, thì lại càng dày sư thầy vào một tội vị kỉ. Nói theo giọng Nhà Chùa nữa, thì chúng sinh thế giới còn chìm đắm đông như cát sông Hồng Hà, sư thầy Tuệ Không định thành Phật với những ai? Một mình chẳng? Trong "TÂM SỰ CỦA NƯỚC ĐỘC", đã có một Cậu Lãnh Út biến cải thành một con số 2910. Để đăng đối với Lãnh Út - 2910, sao lại chỉ là Cô Tơ - Tuệ Không? Sư thầy có thấy thiếu hẳn sự cân đối giữa hai nhân vật chính ấy của CHÙA ĐÀN không? một đăng là sôi nổi sức sống, một đăng là dằng dặc những ám khí. Một bên là đường đưa vào dương gian, một bên là lối dẫn về cõi chết. Phải, sư thầy đang tự tử đó. Viết đến đây, bất giác tôi lại nhớ đến một cái tin vật nhật báo nọ.

Số là có một thiếu phụ đã gặp điều bất mãn giữa cuộc sống mâu thuẫn này. Thiếu phụ đó đã bỏ cái nhà mình đến ở một cái nhà của ông Phật để trở nên một ni cô, nghĩa là trở nên một người ăn cấp gạo và vải của cuộc đời. Đời sống chưa kịp đưa sô đến hỏi nợ ni cô về chỗ ăn mặc trong suốt một thời kì lẫn lút đời sống đó thì dùng một cái, không rõ vì lí do tình cảm gì, ni cô đã chắm đầu chót cho cuộc tự tử dần bằng một nhát dao. Tờ báo đã nêu việc ấy lên dưới cái đề: "Ni cô Mỗ đã quyền sinh!".

A Di Đà Phật, tôi đọc tờ báo mà muốn cười. Vì rằng chẳng cần đến cái mũi dao kia mà thiếu phụ ấy đã tự an táng mình khi đổi mình ra thành một ni cô rồi kia mà. Cái chết gây nên bởi mũi dao này, là một vụ tự tử lần thứ hai và nếu có đả động đến vụ quyền sinh ấy của người tu hành, có lẽ tờ báo kia nên thêm vào hai chữ lập phương nữa thì mới phải.

Sư thầy,

Tại sao tôi cứ đòi chen lấn vào những trang kinh nhật tụng của Nhà Chùa và giờ lại những tờ dĩ vãng của Nhà Chùa? Đối với sư thầy thì Cô Tơ ấy đã được sư thầy mai táng và tụng kinh sám hối cho rồi kia mà!

Không, Cô Tơ ấy phải sống - nghĩa là sư thầy cũng phải tái sinh ngay lại vào cuộc đời thực tại này. Không cần phải đợi cho tóc mọc lại - vì cần kíp lắm rồi - sư thầy Tuệ Không hãy trở ngay vào cuộc đời đi. Hãy trả lại cho mái chùa cũ những câu kệ ngâm đã bao lâu nay. Hãy vớt lại cái mõ, cầm ngay lấy đoạn trúc xưa mà hát lên một bài cho xứ sở rung thêm lên nữa với công cuộc đang sinh thành. Trước mắt, quanh ta, Cô há chẳng thấy công cuộc đang tung bùng đi tới. Và trên xứ sở này đang ngổn ngang những công trình xây dựng mới, có rất nhiều người thợ vấp ngã vì run rẩy vì bông bột vì một nhọc vì vội vàng. Hãy hát lên, Cô Tơ! Cầm ngay trúc ra mà nhịp đi. Bật cao giọng nữa lên. Cái lâu đài của Thị Trấn Ngày Mai chót vót mấy mươi tầng, đỉnh đưng mây cao thế kia mà!

Cô hát lên những đau khổ những gian nan những lấy bầy những thí nghiệm những oan uổng bất đắc dĩ của Con Người và những cố gắng những hy vọng của cả hiệp thợ. Không việc gì mà dụt dề, Trước là một việc, giờ là một chuyện khác. Trước hát cho đám bầy kẻ nghe trong một khung cảnh ích kỉ ốm yếu. Giờ hát cho cả một quê hương đang vì vu gió mới và lồng lộng một trời cao rộng chói loà.

Lịch sử đang chép những thanh âm của Cô đấy và đánh giá tiếng hát Cô ngang hàng với những tiếng nhát búa, nhát bay tiếng gặt hái của tất cả một thời.

Cô hát nhiều nữa lên. Lời đã có thời đại đặt hộ. Điệu cũng thế.

Cho tới ngày nay, chưa có cuộc Cách Mệnh nào của Con Người mà bỏ được tiếng hát, Cô Tơ ạ.

**Hết**